

CÁC SÁCH NGÔN SỨ

PHẦN I: GIỚI THIỆU TỔNG QUÁT

1. Sách Ngôn Sứ

Trước khi bắt đầu tìm hiểu chi tiết về từng sách ngôn sứ, đây là những câu hỏi cần được đặt ra, sẽ theo sát và được trả lời trong phần mở đầu của môn học này.

1. Chúng ta đang nói về những cuốn sách nào?
2. Tên các ngôn sứ mà các sách này được mang tên các ngài là ai?
3. Họ sống ở đâu? Vào thời nào? Trong bối cảnh nào?
4. Ngôn sứ là gì?
5. Sách ngôn sứ là gì?
6. Tại sao chúng ta học về những cuốn sách này?

❖ Các sách ngôn sứ trong Kinh thánh

1. I-sai-ah
2. Giê-rê-mi-a
3. Ai-ca
4. Ba-rúc (không có trong quy điển KT Tin Lành)
5. Ê-dê-ki-en
6. Đa-ni-en
7. Hô-sê
8. Giô-en
9. A-mốt
10. Ô-va-đi a
11. Giô-na
12. Mi-kha
13. Na-khum
14. Ha-ba-cúc
15. Xô-phô-ni-a
16. Khác-gai
17. Da-ca-ri-a
18. Ma-la-khi

Sau khi liệt kê theo thứ tự các sách ngôn sứ như trên lại phát sinh thêm những câu hỏi như sau: Những sách này phát xuất từ đâu? Ai viết những cuốn sách này? Ai giữ gìn chúng? và ai sắp xếp chúng theo tuần tự như thế và tại sao? Làm sao những sách này lại trở thành một phần trong sách Kinh Thánh của chúng ta?

Đây là những câu hỏi không dễ trả lời, chỉ sau mỗi sách chúng ta được học, hình ảnh về nguồn gốc và sự hình thành của chúng sẽ trở nên rõ hơn với chúng ta. Tuy nhiên, có một nguồn thông tin nhỏ xuất hiện từ đầu thế kỷ thứ 2 tCn qua cuốn ngụ ngôn của Jesus ben Sirach, là một học sinh đam mê về Ngũ thư, Ngôn sứ và các sách của giáo phụ. Từ

thông tin giúp chúng ta biết rằng các sách ngôn sứ đã tồn tại 2,200 năm trước và được cất giữ tại những nơi trân quý nhất bởi những người thầy đáng kính nhất của Do Thái giáo vào thời Jesus ben Sirach.

Tuy nhiên, tầm quan trọng của các Sách Ngôn sứ không chỉ được thể hiện sự tôn kính qua hình thức như thế này, mà hơn thế nữa, những Sách này được tập hợp lại thành một tuyển tập và đặt vào phần giữa sách kinh thánh của Jesus ben Sirach (Luật, Ngôn sứ, và các Sách khác của các giáo phụ.)

Điều thú vị là trình tự sắp xếp các sách trong kinh thánh của Jesus ben Sirach giống hệt Kinh Thánh Do Thái giáo cho tới ngày nay: Luật, rồi đến Ngôn Sứ, và sau đó là Các Sách Khác. Trong khi đó các sách Ngôn Sứ của Kinh Thánh Kitô giáo lại không xuất hiện ở giữa, sau cuốn Luật, nhưng nằm ở phần cuối cùng của cuốn Cựu Ước. Các sách Ngôn Sứ trong Kinh Thánh Kitô giáo cũng có một chút khác biệt với Kinh Thánh Do Thái giáo. Các sách Ngôn sứ trong KT Do Thái được bắt đầu với 6 cuốn “Sách Lịch Sử,” được gọi là “Ngôn Sứ tiền”: Giô Suê, Thủ Lãnh, 1 và 2 Samuen, 1 và 2 Vua, và tiếp đến là “Ngôn Sứ hậu” như danh sách đã được liệt kê ở trên, ngoại trừ Aica, Baruc và Danien. Trong KT Do Thái, Aica và Danien được sắp xếp trong phần Các Sách Khác, còn Baruc không có trong KT Do Thái.

Quy Điển Kinh Thánh Do Thái

Luật/Ngũ Thư	Ngôn Sứ		Các Sách Khác
	NS Tiền	NS Hậu	
Sáng Thế	Giô Suê	Isaia	Thánh Vịnh
Xuất Hành	Thủ Lãnh	Giê-rê-mia	Gióp
Lê Vi	1 Samuen	Edekien	Châm Ngôn
Dân Số	2 Samuen	Hô-sê	Rút
Đệ Nhị Luật	1 Vua	Giô-en	Diễm Ca
	2 Vua	A-mốt	Giăng Viên
		Ovadia	Ai ca
		Giona	Étte
		Mica	Đanien
		Nakhum	Ét-ra
		Habacuc	Nekhemia
		Xôphonia	1 Sử Biên Niên
		Hagai	2 Sử Biên Niên
		Dacaria	
		Malaki	

So Sánh Quy Điển Kinh Thánh

	Do Thái	Tin Lành	Công Giáo/Chính Thống Giáo
Torah	St, Xh, Lv, Ds, Đnl	St, Xh, Lv, Ds, Đnl	St, Xh, Lv, Ds, Đnl
		LỊCH SỬ: Gs, Tl, R 1Sm, 2Sm, 1V, 2V 1Sb, 2Sb, Er, Nkm, Et KHÔN NGOAN: G, Tv, Cn, Gv, Dc	LỊCH SỬ: Gs, Tl, R 1Sm, 2Sm, 1V, 2V 1Sbn, 2Sbn, Er, Nkm Tb, Gđt, Et, 1Mcb, 2Mcb KHÔN NGOAN: G, Tv, Cn, Gv, Dc, Kn, Hc
Ngôn sứ	Gs, Tl, 1Sm, 2Sm, 1V, 2V Is, Gr, Ed Hs, Ge, Am, Ov, Gn, Mk Nk, Kb, Xp, Kg, Dcr, Ml	Is, Gr, Ac, Ed, Dn Hs, Ge, Am, Ov, Gn, Mk Nk, Hb, Xp, Kg, Dcr, Ml	Is, Gr, Ac, Ed, Br, Dn Hs, Ge, Am, Ov, Gn, Mk Nk, Kb, Xp, Kg, Dcr, Ml
Các Sách Khác	Tv, Cn, G Dc, R, Ac, Gv, Et Dn, Er, Nkm, 1Sb, 2Sb		
		NGUY THU': 1Edr, 2Edr, Tb, Gdt, Kn, Hc Br, ThuGr, Dc3, Susana, Bel CngSal, 1Mcb, 2Mcb	QĐ CHÍNH THỐNG GIÁO 1Edr, 2Edr CngSal, Tv151, 3Mcb, 4Mcb

Notes: Quy điển Công giáo bao gồm 1&2 Macabe, Baruc, Tôbia, Khôn ngoan, Huấn ca, phần thêm vào của Ette, chuyện Susanna và chuyện Thần Bel và con rồng nằm trong sách Danien.

Quy điển Chính thống giáo bao gồm phần thêm 1&2 Esdra, Cầu nguyện của Salomon, Tv 151 và 3&4 Macabe.

- ❖ Giải thích như thế nào về sự khác biệt này giữa Kinh Thánh Do Thái giáo và Kitô Giáo?

Cách sắp xếp theo KT DT, các Sách Ngôn sứ được đặt ngay sau cuốn “Luật” (5 cuốn đầu tiên), và trước “Các Sách Khác,” để nói lên sự liên kết chặt chẽ với lịch sử kể lại trong các bản văn “lịch sử” trước và khẳng định tầm quan trọng về luật của T.C như đã thể hiện trong Ngũ Thư.

Tuy nhiên, khi Kitô giáo nổi lên, tầm quan trọng chính của các sách ngôn sứ đã được nhìn thấy qua một chiều hướng khác. Nó không liên quan nhiều về luật TC như một khẳng định đã được đưa ra trước đó, mà nhìn về tương lai, và điều này sẽ được thực hiện trong cuộc sống và sứ vụ của Chúa Giêsu và các môn đệ của Ngài. Như một kết quả cho thấy các sách Ngôn sứ đã được sắp xếp lại và được đặt vào phần cuối cùng của KT DT, tức là Cựu Ước của KT Kitô giáo và trước sách Tân Ước, để nói lên rằng có một mối liên quan rất gần giữa CU’ và TU’.

Khi người Kitô giáo sơ khai sắp xếp quy điển KT Kitô giáo, họ đã thêm Baruc và Aica vào danh sách Ngôn Sứ (có thể vì 2 cuốn này có liên quan đến Giêrêmia) và thêm Đanien, có thể vì sách Đanien nói tới một kỷ nguyên mới (xem Daniel 7-12). Trong thời cải cách ở thế kỷ 16, Tin Lành đã lấy quy điển của KT DT nhưng vẫn giữ thứ tự sắp xếp theo truyền thống Kitô giáo. Tuy nhiên họ đã tách Baruc và thêm vào một số các sách khác làm một phần riêng biệt gọi là Ngụy Thư (xem sơ đồ Quy Điển KT).

❖ Các Sách Ngôn Sứ chúng ta sẽ học

Vào thời này, đa số các nhà kinh thánh học, cả Do Thái lẫn Kitô giáo, khi dạy hay viết về ngôn sứ, họ chỉ tập trung vào 15 cuốn như đã được sắp xếp trong KT DT (được gọi là Các ngôn Sứ hậu), hơn là 18 cuốn như được sắp xếp trong KT Kitô giáo. Họ làm như vậy không phải vì lý do thần học mà vì Diễm Ca và Baruc rõ ràng không phải các sách tiên trưng ngôn sứ, và Đanien cũng vậy khá là khác biệt.

Thêm một câu hỏi nữa cần được chú ý trước khi kết thúc phần danh sách các sách Ngôn sứ: tại sao có một số sách như Isaia, Giê-rê-mi-a, Edekien lại dài hơn những sách khác? Vì những sách này quan trọng hơn chăng? Có thể là như thế, nhưng một đặc điểm khác nữa cũng cần được quan tâm. Ban đầu những sách này đã được nghi chép lại trên các cuộn sách (làm bằng da hoặc côi) (xem Gr 36:4; Ed 2:8-10). Những cuộn sách này vốn đã có một chiều dài nhất định, không quá dài, cũng không quá ngắn. Độ dài của mỗi cuộn sách là tượng trưng cho số lượng có thể viết được trong một cuộn da hoặc côi. Những sách ngắn hơn như Hô-sê, Giô-en, A-mốt...., cũng được viết trên cuộn sách như thế này, nhưng không phải từng cuộn riêng biệt mà 12 ngôn sứ trong cùng một cuộn sách. Vì thế, ban đầu chỉ có 4 cuộn sách về các sách Ngôn sứ: Isaia, Gieremia, Edekien, và Cuộn mười hai. Chúng ta sẽ lần lượt học từng cuộn sách này.

❖ Nơi chốn và thời gian của mỗi Ngôn Sứ

Thông tin của mỗi ngôn sứ thường được giới thiệu ngắn gọn ở phần mở đầu mỗi sách của Ngôn sứ đó, như tên, quê quán, thời gian hoạt động và một số thông tin khác.

Sách Ngôn Sứ	Nơi Chốn	Thời Gian
Isaia 1:1	Isaia 1:1 không nói gì về	Vào thời vua Út-di-gia-hu, Giô-tham,

	Isaia sống ở đâu, nhưng lướt nhanh những câu tiếp theo sẽ thấy ngụ ý ông ở Jerusalem với cương vị là một ngôn sứ.	A-khat và Khit-ki-gia (781-687). Tuy nhiên ở Is 40-45 nơi chốn và thời gian đc đề cập lại. Ở phần thứ 2, Isaia sống ở Babylon (43:14) rất ngắn trước khi bị chiếm bởi Cyrus vào năm 539 (44:28; 45:1). Các nhà kinh thánh học đã đoán rằng vẫn còn một ngôn sứ khác, sống ở Palestine một thập kỷ hoặc sau đó có thể là tác giả của phần 3 Isaia 56-66.
Gieremia 1:1-3	Anathot, một làng nằm ở phía bắc Jerusalem	Từ năm thứ 13 của triều vua Giosia cho đến khi Jerusalem bị trục xuất (626-587).
Edekien 1:1-3	Sống giữa những người lưu đày bị trục xuất khỏi Jerusalem đến Babylon	Bắt đầu nói tiên tri trong năm thứ 5 bị đày (593).
Hoosse 1:1	Nơi chốn không rõ, nhưng nếu dựa vào tên một vài nơi được đề cập trong sách này thì rất có thể là Ep-ra-im (triều đại phía bắc).	Trong thời của triều đại vua Út-di-gia, Giô-tham, A-khat và Khit-khi-gia vào khoảng năm 750 về trước.
Gioen 1:1	Nơi chốn không rõ, nhưng đề cập nhiều tới Zion-Jerusalem (2:1, 15, 23; 3:5; 4:1, 16f, 20f).	Ngày cũng không rõ, nhưng 4:2 đề xuất thời gian sau sụp đổ Jerusalem vào năm 586 và thời xây dựng đền thờ lần thứ 2 vào năm 515 (1:14, 16; 2:17; 4:18).
Amot 1:1	Tơ-ko-a, miền nam Jerusalem	Trong thời của triều đại vua Út-di-gia làm vua Giuda, và Gia-rop-am làm vua Israel vào khoảng năm 760 về trước.
Ovadiah 1:1	Nơi chốn không rõ, có đề cập đến Zion (Jerusalem) rất nổi trội ở câu 16, 17, 21.	Không rõ ràng, nhưng có đề cập đến bạo lực Edom đã làm đối với Gia-cob (1:10) có thể là đang đề cập tới cướp bóc Edom của Giu-da sau khi Giu-da bị làm nhục bởi Babylon vào năm 586.
Giona 1:1	Không rõ	Giona sống vào thời Ni-ni-vê là một thành phố tuyệt vời và tội lỗi (Ni-ni-vê bị sụp đổ năm 612). Nếu đây là ngôn sứ được đề cập ở 2Vua 14:25, ông đã hoạt động ở triều đại miền bắc (Ep-ra-im) trong thời vua Gia-rop-am II (783-743).
Mika 1:1	Mô-re-sét, phía tây nam của	Dưới thời các vua Giô-tham, Akhat, và

	Jerusalem	Khit-ki-gia vào khoảng 740-700.
Nakhum 1:1	En-côt (nơi sống chính xác kg biết)	Thời gian không rõ, nhưng sự sụp đổ của Ni-ni-vê dường như là sắp xảy ra (có thể trong giai đoạn 640-612); Ninive đã sụp đổ năm 612.
Habacuc 1:1	Không rõ, nhưng có đề cập đến đền thờ (2:20) nên có thể cho là ở Jerusalem.	Cũng không rõ, nhưng Babylon đang nổi dậy (1:6); điều này nhắm tới một thời gian sớm sau 625.
Xô-phô-nia 1:1	Không rõ, nhưng triều đại miền bắc không còn, và chắc chắn ông ở Juda và có thể là Jerusalem.	Dưới thời vua Giô-sia (640-609)
Hagai 1:1	Không rõ, nhưng đầu đó ở Juda như đã được đề cập đến đền thờ và vua của Jerusalem.	Năm thứ 2, ngày một, tháng thứ 6 của thời triều vua Ba tư Darius (tháng 8 năm 520).
Da-ca-ria 1:1	Không rõ, nhưng cũng giống Hagai, Dacaria tập trung vào đền thờ và vua cho biết ông sống đầu đó ở Juda.	Năm thứ 2, tháng thứ 8 của triều vua Ba tư Darius (tháng 10-11 năm 520).
Malaki 1:1	Không rõ, nhưng ông quan tâm tới đền thờ và hàng tư tế (ch.1), được cho là ở Jerusalem.	Vào khoảng 515 khi đền thờ thứ 2 được xây dựng lại.

❖ Đúc kết bản tóm tắt

Đa số các Ngôn sứ sống, hoạt động và tiên báo ở một góc nhỏ giữa một thế giới rộng lớn, đó là vùng đất của Israel, trong và xung quanh Jerusalem. Ngoại trừ Edekien và phần 2 Isaiah, mặc dầu 2 ông cũng quan tâm nhiều đến Jerusalem nhưng các ông là những ngôn sứ được kêu gọi để nói về các sự kiện rất xa của Babylon.

Nếu không kể đến Giona (là sách nói về Giona chứ không phải sách được viết bởi ông) thì chỉ có hai Ngôn Sứ Hô-sê và Giê-rê-mia sống ở phía bắc Jerusalem, tuy nhiên duy nhất Hô-sê là người thuộc triều đại miền bắc (Israel). Còn tất cả những ngôn sứ khác đến từ Jerusalem, miền nam Jerusalem (Giu-đa).

Chỉ một hay hai ngoại lệ còn đa số các ngôn sứ này sống trong khoảng thời gian 3 trăm năm giữa 750 và 450 B.C., còn lại có thể được tính vào khoảng 2 trăm năm từ 750-550 B.C.

A-môt, Hô-sê, Isaiah và Mica cùng thời, sống vào nửa cuối của thế kỷ thứ 8. Xô-pha-nia, Nahum, Habacuc, Giê-rê-mia và Edekien cũng là những người cùng thời, sống vào nửa cuối của thế kỷ thứ 7. Những ngôn sứ còn lại sống vào nửa cuối của thế kỷ thứ 6 hoặc một thời gian ngắn sau đó.

Nói cách khác, các ngôn sứ trong kinh thánh xuất hiện trong các nhóm được xác định rõ vào nửa thế kỷ sau của 3 thế kỷ 8, 7 và 6. Điểm quan trọng này được sắp xếp rõ ràng trong sơ đồ sau:

750-700	650-600	550-500	Sau 500
A-mốt Hô-sê Isaiah 1-39 Mica	Xô-pha-nia Habacuc Jeremiah Edekien Nahum	Isaiah 40-66 Haggai Dacaria Ovadia	Malaki Gioen Giona

II. Bối Cảnh Lịch Sử về Các Ngôn Sứ trong Kinh Thánh

A. Tầm quan trọng của bối cảnh lịch sử

Chúng ta đã đề cập đến các Sách Ngôn sứ trong Kinh Thánh Do Thái (KTDT) không được đặt vào phần cuối của sách Cựu Ước như Kinh Thánh Kitô giáo, nhưng nằm phần giữa ngay sau phần Các Sách Lịch sử, hay được gọi là “Tiền ngôn sứ” (gồm có: Giô-sua, Thủ Lãnh, 1&2 Samuen và 1&2 Vua). Lý do cho việc sắp xếp này là để khuyến khích học sinh trở nên quen thuộc với lịch sử của dân mà các ngôn sứ sẽ nói tới trước khi họ được học về các Sách Ngôn sứ. Lý do thứ hai, mục đích của việc đề cập đến các triều đại của mỗi vua trong giai đoạn các ngôn sứ hoạt động, được đề cập ở trong phần mở đầu các sách ngôn sứ. Cách giới thiệu như thế với các sách ngôn sứ báo hiệu cho chúng ta một sự thật rằng chỉ khi chúng ta quen thuộc với chuyện gì thực sự đang xảy ra với Israel vào thời các vua này cai trị thì chúng ta sẽ hiểu được trọn vẹn những gì các ngôn sứ có ý nói tới.

Ngày nay chúng ta không chỉ cần dựa vào một mình Kinh Thánh để có được những thông tin và kiến thức về lịch sử Israel. Tuy nhiên, các Sách Lịch Sử của Kinh Thánh vẫn là nguồn có giá trị và dễ dàng tiếp cận cho những ai nghiên cứu về các ngôn sứ một cách nghiêm túc. Vậy chúng ta cần chú ý hình thức hình thành của các sách lịch sử như thế nào và những gì họ kể lại với chúng ta về bối cảnh lịch sử của các ngôn sứ nói chung.

Thực chất là như vậy, nhưng cũng xứng đáng để chúng ta lưu ý ngắn gọn những gì các sách lịch sử nói về lịch sử như thế nào và nói gì về bối cảnh lịch sử của các ngôn sứ.

B. Lịch sử Đế nhị luật (từ Đnl đến 2V)

Cuốn sách có liên quan trực tiếp tới việc xây dựng lại bối cảnh lịch sử của các ngôn sứ là 2Vua. Chính trong sách này các giai đoạn lịch sử cụ thể với hầu hết các ngôn sứ đã được thuật lại. Sách 2 Sử Biên Niên cũng điểm lại các sự kiện của thời kỳ này, tuy nhiên đã dựa nhiều vào sách Các Vua. Như vậy, sách 2 Vua là nguồn quan trọng nhất để hiểu về bối cảnh lịch sử của các ngôn sứ trong kinh thánh.

Vậy, 2 Vua là dạng sách gì và nói gì về lịch sử thời các ngôn sứ? Thứ nhất 2Vua không phải là một tập sách riêng lẻ, nhưng là một phần đỉnh điểm của trình thuật về lịch sử được bắt đầu từ sách Giô-su-ê và được tiếp tục ở sách Thủ Lãnh, rồi 1 và 2 Samuel và 1Vua. Trên thực tế, sự tương đồng nổi bật về văn phong và thần học giữa 6 sách này (Giô-su-ê, Thủ Lãnh, 1 và 2 Samuel, 1 và 2 Các Vua) và sách Đế Nhị Luật được gọi lên

suy nghĩ rằng, ngay từ đầu sách Đnl cũng có thể là một phần của cái nhìn khái quát về làn sóng lịch sử này, và nó được phục vụ như phần giới thiệu.

Hay nói cách khác, sách Đệ Nhị Luật, sách Giô-suê, sách các Thủ Lãnh, 1&2 Samuen và 1&2 Vua ban đầu có ý đọc như một phần riêng biệt, nối tiếp về lịch sử kể về câu chuyện Israel từ những ngày đầu của Mô-sê (thế kỷ 13) đến thời điểm các tác giả tổng quát về lịch sử này (hậu quả của sự kiện thành Jerusalem bị tàn phá năm 587 B. C., như được thuật lại trong chương cuối của lịch sử, 2Vua 24). Toàn bộ lịch sử này được gọi là lịch sử Đệ nhị luật. Vậy các nhà biên soạn và các tác giả của tập tổng quát lịch sử này muốn nói gì?

1) Phần mở đầu của tuyển tập lịch sử này (Lịch sử Đệ nhị luật) là sách Đệ nhị luật, nhà ngôn sứ vĩ đại Mô-sê là hình ảnh nổi bật áp đảo nhất. Trên thực tế, toàn bộ sách được kết hợp bởi những bài giảng của ông cho dân Israel khi họ đứng trước ngưỡng cửa của đất hứa, đất Canaan. Mô-sê nhắc lại cho dân về cách Thiên Chúa đã dẫn dắt cha ông họ, đưa họ ra khỏi Ai Cập và đã ký kết giao ước với họ tại núi Horeb (ch. 1-11); những bài giảng của Mô-sê được nhấn mạnh về tầm quan trọng này, vì vậy họ phải yêu mến Thiên Chúa và tuân giữ lề luật của Người (12-26), nhờ đó họ sẽ thực sự là dân TC và TC sẽ chúc phúc và không nguyên rủa họ trong đất hứa (27-28). Đó là những điều xác tín ủng hộ cho cái nhìn tổng quát lịch sử Đệ nhị Luật.

2) Hai cuốn Giô-Su-ê và Thủ Lãnh nối tiếp câu chuyện Israel tiến vào đất hứa, đất Canaan Palestin, và Thiên Chúa đã giúp họ chiến thắng kỳ diệu như thế nào. Trong phần này, các tác giả xác tín rằng, Israel không phải là một dân bình thường, nhưng là một cộng đồng được Thiên Chúa dành riêng vì một đường lối sống mang lại phúc lành cho họ nếu họ sống theo đường lối đó. Nhưng nếu họ quên lãng hoặc từ chối đường lối TC họ sẽ chịu các hậu quả như các thảm họa, tai ương hoặc kẻ cả bị đuổi ra khỏi đất hứa.

3) Một chuỗi các sự xác tín khác về các tác giả Đnl bắt đầu xuất hiện trong các câu chuyện có liên quan ở 1 và 2 Samuel. Hai cuốn sách này phần lớn đề cập đến sự khởi đầu chế độ vương quyền ở Israel, sự lớn mạnh nổi bật kinh ngạc của David và nền quân chủ David. Qua David, các tác giả Đệ nhị luật cho chúng ta biết, Thiên Chúa không những cứu dân Israel thoát khỏi Palestines và đem lại cho họ sự thịnh vượng và quyền lực chưa từng có, mà còn ban tặng ân huệ cho họ một giao ước khác nữa (ngoài giao ước với Mô-sê tại Sinai), giao ước này không phải với toàn dân mà chỉ với David và dòng dõi ông: *“Nhà của ngươi và vương quyền của ngươi sẽ muôn đời bền vững, và ngai vàng của ngươi sẽ được củng cố đến muôn đời”* (2 Sam 7: 16). Các lịch sử gia Đệ nhị luật dường như ngụ ý rằng, lịch sử lâu dài của Israel đã đạt tới đỉnh của ân phúc và thành công một cách phi thường qua vương triều David.

4) Tuy nhiên, đây chưa phải là đỉnh điểm của câu chuyện mà các tác giả Đnl muốn nói tới. Còn 2 cuốn nữa, sách 1 và 2 Các Vua, cần được miêu tả và phân tích các diễn biến hoàn toàn bất ngờ đã xảy ra tiếp theo. Từ đỉnh cao của quyền lực và lời hứa, dưới triều đại của David (khoảng năm 1000), Israel đã từ từ sa sút và sau đó rơi vào thất bại khốn khổ. Tại sao? sau cái chết của con trai và là người kế vị của David, là Solomon, vì

các biện pháp đàn áp của ông, cuộc nội chiến đã nổ ra (931) và 10 chi tộc Israel ở phía bắc Jerusalem đã tách ra khỏi chế độ quân chủ David và thành lập một chế độ quân chủ độc lập cho riêng họ (1 Vua 12: 16-19). Israel bấy giờ tồn tại như một dân tộc tự chia rẽ thành 2 vương quốc chống đối và tranh chấp nhau. Một thế kỷ của sự xung đột và chiến tranh nội bộ đã ứng nghiệm lời cảnh báo của Mô-sê nhiều thế kỷ trước là phải đi theo đường lối của Thiên Chúa thì sẽ được tất cả, nhưng điều đó đã bị quên lãng bởi các nhà lãnh đạo cũng như dân chúng (1Vua 14- 2Vua 13).

Đúng vào thời điểm này, các tác giả Đệ nhị luật cho chúng ta biết rằng (khoảng 750 B.C theo cách tính của thời hiện đại) một loạt các biến cố thảm khốc thực sự đã xảy ra. Một thế kỷ trước tại miền bắc của Israel, dọc theo Sông Tích-ra, có một dân tộc tự gọi mình là người Át-sua đã bắt đầu hình thành và gây lo lắng cho những dân tộc láng giềng của họ. Nhưng vào khoảng 750 họ bắt đầu di chuyển về hướng tây (2Vua 15:19, 29), đầu tiên là chinh phục Sy-ri Đa-mát và một vài thập kỷ sau đó (năm 721) là phía bắc Israel, biến lãnh thổ này thành một lãnh địa của đế quốc rộng lớn dần của họ (2Vua 17). Vào thời điểm này, Giu-đa suýt có cùng số phận với Israel, phần lớn là bị mất chủ quyền, nhưng hơn một thế kỷ sau đó (586) họ đã bị hủy diệt bởi một thế lực mạnh hơn, đó là Babylon (2Vua 25).

C. Vị trí của các ngôn sứ trong câu chuyện này

Israel đã có những sự khởi đầu vĩ đại qua thời của Mô-sê và David, nhưng sau này sự suy thoái đạo đức xuống dốc và các cuộc xâm lược quân sự tàn phá bởi các siêu cường quốc ngoại giáo, điều mà các tác giả Đệ nhị luật liên kết những sự kiện đó như bối cảnh cho các ngôn sứ. Và từ những gì họ kể chúng ta có thể bắt đầu hiểu nguyên do của từng nhóm (giai đoạn) hoạt động của các ngôn sứ được nêu ở lần trước. Các ngôn sứ không nói những gì trên không, không nói những điều từ trời rơi xuống, họ bước ra từ những hoàn cảnh và cuộc sống thực của họ để nói lên những gì họ đã và đang thấy; và những gì sẽ xảy ra trong tương lai. Sứ mạng của họ là hòa hợp các biến cố quốc tế và những biến động của thời đại họ đang sống. Ôn gọi của họ được gắn liền với sự nổi dậy của các siêu cường quốc chính trị ở vùng Cận Đông cổ đại vào thế kỷ thứ 8 đến thứ 6 và với các quyết định về cuộc sống và cái chết được đặt ra bởi sự phát triển này.

Một cách rõ ràng hơn, đó là sự nổi dậy của Át-sua về quyền lực vào cuối thế kỷ thứ 8 với những vấn đề mà A-môt, Hô-sê, Isaiah, và Mica đã đối phó. Sự suy yếu của Át-sua và sự nổi dậy của Babylon vào thế kỷ thứ 7 là bối cảnh hoạt động cho các ngôn sứ Nakhum, Habacuc, Xôphonia, Giêrêmia và Êdêkien. Mặc dầu ngoài phạm vi của các lịch sử gia Đệ nhị luật, sự xuất hiện của Ba Tư, vào khoảng cuối thế kỷ thứ 6 đánh dấu sự mở đầu làn sóng hoạt động của các ngôn sứ khác, đó là phần 2 Isaiah, Ovadia, Hagai, Dacaria, Malaki, và có thể là cả Giô-na.

Mỗi câu chuyện thường có mở đầu, thân bài, và kết luận. Phần mở đầu của câu chuyện này là giai đoạn Mô-sê, ổn định cuộc sống, và sự lớn mạnh về quyền lực của triều đại David ở Canaan-Palestine. Thân bài là sự bội giáo và sự thất bại của Israel bởi các siêu cường quốc ngoại giáo sau khi tách khỏi vương quốc David. Và phần kết là giai

đoạn khi một số người Israel còn sống sót trở về quê hương, với sự giúp đỡ của Ba tư, họ sám hối và quyết tâm một cách mãnh liệt để bắt đầu lại cuộc sống tại nơi vùng đất mà Thiên Chúa đã ban cho họ.

Các ngôn sứ mà chúng ta sẽ học thuộc vào phần giữa (phần thân bài) và phần kết của câu chuyện này. Giữa sự suy sụp tinh thần của dân tộc Israel và sự bành trướng quyền lực khó giải thích của các siêu cường quốc (Át-sua và Babylon), các ngôn sứ đã cảnh báo trước về những sự nguy hiểm đó. Hơn thế nữa, họ giải thích tại sao những đại họa này xảy ra. Và sau đó, khi các thảm họa đã xảy ra, họ đã tìm cách đánh thức niềm hy vọng về một tương lai mới và tốt đẹp hơn.

Câu chuyện và giai đoạn mà các ngôn sứ trong câu chuyện này có thể được phác thảo như sau:

Phần mở đầu	750	Phần Thân	550	Phần Kết	450?
	Giai đoạn của các ngôn sứ			Nỗi dậy của Ba Tư	
	Nỗi dậy của Assyria		Nỗi dậy của Babylon		
Abraham - Mosen - David 2000 1250 1000	Sụp đổ của Israel 721	Sụp đổ của Judah 586		Phục hưng và khởi đầu mới 537	
	Isaiah 1-39 Hôse Amos Mica	Nakhum Habacuc Xôphonia Jeremia Edekien		Isaiah 40-66 Ovadia Hagai Dacaria Malaki Gioen Giona	

III. Ngôn Sứ theo quan niệm của Cựu Ước là gì?

A. Ba thuật ngữ kinh thánh dành cho ngôn sứ.

Trong CU, ba thuật ngữ được dùng để chỉ căn tính của Ngôn sứ Israel là ראה (ro'eh), חזה (khozeh) và נביא (nabi). Theo chú thích của người biên soạn được chen vào trong bài tường thuật về cuộc đời của ông Samuel: “Ngày xưa, tại Israel, khi người nào đi thỉnh ý Thiên Chúa thì nói thế này: ‘Nào chúng ta đến với thầy thị kiến (חזה), vì ngôn sứ (נביא) ngày nay thì ngày xưa gọi là thầy thị kiến’” (1Sam 9:9); vì thế “thầy thị kiến” là thuật ngữ xưa nhất hay ít ra được dùng phổ thông nhất vào thời xưa. Vậy chúng ta sẽ tìm hiểu từng thuật ngữ này: trước hết ראה (ro'eh), rồi đến thuật ngữ חזה (khozeh) và sau là נביא (nabi) mà bản dịch Bảy Mươi dịch ra tiếng Hy Lạp là prophetes (các ngôn sứ).

1. ראה (ro'eh) Thầy thị kiến:

Thuật ngữ ראה (ro'eh) được hình thành từ động từ ראה (ro'ah) “thấy”, “nhận thức”, hay “hiểu” bằng mắt xác thịt hay tinh thần, vì thế, tự nó có thể chỉ bất cứ thầy thị kiến nào. Tuy nhiên, trong Kinh thánh thuật ngữ này được dành riêng để chỉ một con người đặc biệt, họ có khả năng thấy điều mà người khác không thể nào thấy được. Vì thế, trong

Kinh Thánh, động từ ראה (ro'ah) đi với chủ từ là Thiên Chúa thì có nghĩa “được thấy” hoặc “làm cho thấy” chỉ “*thần hiện*”, và danh từ ראהם (mar'eh và mar'ah) chỉ những gì Thiên Chúa cho thấy, nghĩa là “*thị kiến*”, hay đúng hơn “*mặc khải của Thiên Chúa*.” Trong Kinh thánh, Samuel là nhân vật đầu tiên được gọi “*thầy thị kiến*” (1Sm 9:11, 18).

Qua câu chuyện của thầy thị kiến Samuen, chúng ta rút ra kết luận như sau: Thầy thị kiến là người được Thiên Chúa ban cho đặc ân không chỉ thấy nhưng còn nghe và hiểu được mặc khải của Thiên Chúa, và tường thuật lại thị kiến là làm cho người khác thấy, nghe và hiểu lời mặc khải của Thiên Chúa.

2. khozeh (khozeh) Thầy chiêm thị:

Theo bình diện ngữ nghĩa, khozeh (khozeh) đồng nghĩa với ro'eh (ro'eh). khozeh (khozeh) được hình thành từ động từ khozah: “*thấy, nhận thức*” chỉ một con người đặc biệt được Thiên Chúa chọn để truyền đạt mặc khải của Ngài. Cũng như ro'eh (ro'eh), khozeh (khozeh) là người không chỉ thấy được những điều Thiên Chúa mặc khải, nhưng còn nghe được lời mặc khải của Thiên Chúa nữa (2 Sm 7:17; 1 Sb 17:5).

Từ vài phân tích trên chúng ta có thể kết luận rằng hai thuật ngữ ro'eh (ro'eh) và khozeh (khozeh) là từ đồng nghĩa, vì thế động từ khozah: “*thấy, nhận thức*” được dùng trong nhiều sách ngôn sứ để chỉ rõ rằng ngôn sứ “*thấy*”, “*nghe*” và “*hiểu*” mặc khải của Thiên Chúa.

3. nabi (nabi) Ngôn sứ:

Thuật ngữ nabi (nabi) được dùng chính yếu trong Kinh Thánh để quy chiếu đến Ngôn sứ. nabi (nabi) được hình thành từ động từ naba (naba) có nghĩa là “*thuyết phục bằng lời nói*”, và hiểu nabi như “*một người có quyền năng trong lời nói*” hay “*một người có sự thuyết phục bằng lời nói*.” W. R. Arnold và R. H. Pfeiffer xem danh xưng này như phân từ thụ động của động từ naba (đi vào) và hiểu nabi (nabi) là một “*con người được thần linh đột nhập*”, nghĩa là “*một con người phát ngôn dưới sự tác động của ơn linh hứng*.”

4. Thuật ngữ prophetes của bản dịch Bảy Mươi

Thuật ngữ Hy Lạp prophetes được dùng để dịch cho nabi (nabi), ro'eh (ro'eh) và khozeh (khozeh) để chỉ ngôn sứ đích thực của Israel, và cũng thuật ngữ Hy Lạp này phát sinh ra thuật ngữ La-tin “*propheta*” mà thuật ngữ Việt Nam gọi là “*Tiên tri*.”

Các Giáo phụ và các nhà thần học đã có những giải thích khác nhau về thuật ngữ prophetes này. Giáo phụ Eusebe de Cesaree cho rằng prophetes là người “*bày tỏ những sự việc tương lai và ẩn kín của Thiên Chúa bởi Chúa Thánh Thần*.” Thánh Tô-ma Aquino cũng hiểu tương tự rằng prophetes là “*người hiểu biết một cách siêu nhiên những sự việc bí nhiệm*.” Suarez không đồng tình với cách giải thích này, nhưng ông cũng tán thành tính chất tiên tri của ngôn sứ, vì thế, ông cho rằng prophetes như là “*người tiên báo tương lai*.” Quan điểm của ông được đa số các nhà thần học chấp nhận: thánh Irenee, thánh Ambroise, Basile, Chrysotome và thánh Gregoire le Grand. Từ đó quan niệm rất phổ thông về prophetes được hiểu như “*Tiên tri*.”

Cách giải thích thứ hai cho rằng tiền tố “*pro*” của thuật ngữ không đơn giản chỉ có một nghĩa “*trước*” nhưng còn là “*thay cho, thế vì*”. Vì thế, prophetes là “*người nói thay*”

cho người khác.” Từ đó phát sinh thuật ngữ chuyên môn: “ngôn sứ”, nghĩa là “*người được Thiên Chúa ủy nhiệm nói thay cho mình về những sự việc dù hiện tại hay tương lai.*” Như vậy “ngôn sứ” có phạm vi ngữ nghĩa rộng lớn hơn “*tiên tri*” và diễn tả chính xác hơn ý nghĩa danh xưng נביא (*nabi*).

Với những văn sĩ Hy Lạp, prophetes được hiểu là “*người giải thích*” hay “*người đại diện*” chứ không là người tiên báo tương lai. Philon nhiều lần giới thiệu ngôn sứ Israel là những “*người giải thích của Thiên Chúa,*” họ chỉ nói những gì Thiên Chúa muốn họ nói. Chrysostome hay Augustine cũng tán thành cách hiểu Prophetes là “*người nói thay cho Thiên Chúa,*” là “*người được Thiên Chúa sai đi để chuyển giao sứ điệp của Ngài,*” hay nói cách ngắn gọn là “ngôn sứ”.

VI. Sách các ngôn sứ là gì?

Đây là một tuyển tập, được tổng hợp lại từ các bản văn ngắn và riêng lẻ. Vậy, ai đã tổng hợp chúng lại? tại sao? dựa trên nền tảng nào? Hơn thế nữa, khi chúng ta làm quen với những sách này, chúng ta sẽ thấy dường như thiếu sự sắp xếp trình tự. Tại sao như vậy? Bằng tiến trình nào những sách này được tổng hợp lại và được bảo tồn?

Bước đầu để trả lời cho những câu hỏi này chúng ta nên nhớ lại rằng, không có ngôn sứ nào được đề cập ở phần mở đầu mỗi sách là chính tác giả của sách đó hoặc là người viết ra sách đó; đúng hơn, vai trò của họ là “những sứ giả” của Thiên Chúa, Người đã linh hứng họ. Có nghĩa là mục đích đầu tiên của họ là truyền đạt các thông điệp bằng miệng tới những cá nhân và tập thể cụ thể mà họ được sai đến. Đương nhiên, điều có thể xảy ra là một số những lời của các ngôn sứ có thể được viết ra trước hoặc sau khi họ truyền tải bằng miệng. Ví dụ: có người đã cảm tưởng Hô-sê và Giê-rê-mi-a có thể đã viết dưới dạng nhật ký. Đôi khi chúng ta cũng đọc vài nơi nói các ngôn sứ được bảo một cách khá rõ ràng dứt khoát viết ra các thông điệp của họ (Is. 8:1-4, 16; Gr 29:1-23; chg 36). Vậy các ngôn sứ có viết, nhưng những gì họ viết luôn luôn ở trong việc phục vụ cho vai trò của họ là các sứ giả của Chúa đến với một số người nhất định, thời gian và nơi chốn riêng biệt. Chỉ ở bước thứ hai là các thông điệp của họ được gìn giữ, lưu truyền và tập hợp lại thành những cuộn sách lớn hơn.

Thực tế đơn giản này giúp giải thích vài đặc điểm nổi bật của các sách ngôn sứ. Từ đây chúng ta bắt đầu hiểu, ví dụ, tại sao các phần văn chương thường được tập trung một cách ngắn gọn và tuy nhiên có vẻ như không liên quan đến những gì trước hoặc sau chúng. Bởi vì những phần văn chương đó ngay từ đầu không phải viết để làm thành một cuốn sách, nhưng chỉ được nói với một số người nghe riêng biệt, từng dịp khác nhau, tại nhiều thời điểm và nơi chốn cụ thể. Những ai sắp xếp những sách này chính bản thân họ cũng không biết cụ thể những phần riêng lẻ này đầu tiên được phát biểu khi nào và ở đâu.

Vậy bằng cách nào những thông điệp đó được viết ra và được tập hợp lại như thế này? Thông tin để trả lời cho câu hỏi này không nhiều, chúng ta chỉ có thể đoán dựa vào những sự quan sát nhỏ. Trong một vài trường hợp, dường như chính các ngôn sứ có thể bắt đầu tiến trình này (xem lại Is 8:16, Gr 36). Tuy nhiên, từ rất sớm, có một số người khác đã nhận ra rằng các ngôn sứ này chính là sứ giả thật của Thiên Chúa và họ bắt đầu lưu giữ,

viết lại, tổng hợp và biên soạn các thông điệp của các ngôn sứ (ví dụ trong các câu chuyện giai thoại tiểu sử của các ngôn sứ: Am 7:10-17; Hos 1:2-9; Is 7). Những người này được cho là những người bạn của các ngôn sứ.

Tuy nhiên, nó không có nghĩa rằng chỉ những người bạn này đã tổng hợp những tuyển tập này, hay cuốn sách các ngôn sứ này. Hãy nhớ rằng những tài liệu này trước tiên được viết vào nhiều cuộn da. Chúng phải được viết lại theo định kỳ nếu các nội dung của nó không bị mất. Mỗi lần như vậy có mặt các người quản lý những tài liệu này, với một cơ hội mới để biên soạn lại, sửa chữa, thêm thắt và gạn lọc chúng. Một cách tự nhiên, điều này có thể làm với mục đích cải thiện giá trị của những tài liệu này cho cộng đoàn mà những tài liệu này đang được gìn giữ.

Như chúng ta đã nói, ngôn sứ là một sứ giả của Thiên Chúa cho một cá nhân hay một nhóm riêng biệt tại một thời điểm và nơi chốn cụ thể. Vậy tóm tắt lại, sách ngôn sứ là gì? Sách ngôn sứ là một hợp tuyển các thông điệp của các Ngôn sứ mà chúng mang tên các Ngài. Nhưng, ngoài ra, chúng ta cũng nhận ra, có thể, những đóng góp của những người gìn giữ chúng; Các người bạn hoặc các môn đệ của các ngôn sứ đã thêm vào các câu chuyện giai thoại về các ngôn sứ và các chú thích khác. Sau này, bằng cách nào đó, các độc giả và các nhà biên soạn có thể đã hình thành chúng như cuốn sách chúng ta có ngày hôm nay. Như vậy, sách ngôn sứ không chỉ là một hợp tuyển các lời của một vị ngôn sứ nào đó, mà còn là một tổng hợp các lời của vị ngôn sứ đó như được biên soạn và được phát triển thêm bởi những người gìn giữ chúng cho những thế hệ sau.

Cụ thể hơn, sách ngôn sứ điển hình gồm có ít nhất bốn loại tài liệu (chúng ta sẽ khám phá khi học về từng ngôn sứ một): 1) các thông điệp của ngôn sứ; 2) Lời của ngôn sứ liên quan tới chính ông và những trải nghiệm của ông; 3) các câu chuyện từ người thứ ba hay các tường trình (từ các người bạn của các ngôn sứ); 4) Các ghi chú giải thích từ các biên soạn hoặc của người sao chép lại, thường có tính chất lịch sử hoặc diễn giải.

VII. Học về những sách này như thế nào?

Trước hết, chúng ta muốn nghe và hiểu các thông điệp của các ngôn sứ, vì chính họ là những người đã khởi đầu truyền thống được gìn giữ trong họ. Đó là sứ mạng ngôn sứ của họ mà những sách này kiên quyết gìn giữ cho lợi ích của các thế hệ tương lai.

- Đọc lướt khái quát để trở nên quen thuộc với bố cục và lịch sử cấu thành của mỗi sách ngôn sứ riêng biệt.

- Theo hướng dẫn của các nhà biên soạn (và đầu đề của nó), chúng ta có thể tiếp tục với những gì có thể học được từ chính các ngôn sứ mà sứ mạng của họ đem lại kết quả cho những sách này.

- Chúng ta tập trung và đào sâu nhiều hơn vào các thông điệp của các ngôn sứ.

Chúng ta sẽ đi theo cách thức sau đây: 1) Khái quát về sách ngôn sứ; 2) Tìm hiểu về Ngôn sứ đó; 3) Thông điệp của Ngôn sứ.

VIII. Tại sao chúng ta học về những sách này

Một đặc điểm nổi bật của các sách ngôn sứ là tập trung vào tương lai của Israel – và sau đó hướng tới tương lai của thế giới. Thế giới của các ngôn sứ là một thế giới nổi loạn.

Trong giai đoạn của họ các siêu cường quốc về quân sự đang tàn phá những dân tộc nhỏ hơn, yếu hơn ở vùng của họ. Chuyện gì sẽ xảy ra? Từng ngôn sứ một đã nổi lên để trả lời cho những bạo lực đó. Họ nói: Yahweh Thiên Chúa của Israel đứng sau những cuộc khai chiến này. Những dân tộc của vùng này đang bị trừng phạt vì tội lỗi của họ. Nhưng tương lai của họ rồi thế nào? Liệu có một tương lai tốt đẹp? Liệu một dân tộc đã mất phương hướng như Israel có thể phục hồi được không? Nếu có thì bằng cách nào và khi nào? Đây là những câu hỏi làm bận tâm các ngôn sứ mà chúng ta sẽ học.

Một lý do khác nữa, những ngôn sứ này là một phần của nhận thức về tri thức của toàn thế giới. Trong khoảng thời gian mà các ngôn sứ đang rao truyền ở Israel, Socrates và Plato cũng đang giảng dạy trên đường phố Athens (là thủ đô của Hy-lạp), Gautama Buddha (đáng sáng lập đạo phật) bắt đầu sứ mạng của ông ở Ấn-độ, Đức khổng tử và Lao-tze bắt đầu tuyên truyền các giáo đạo của họ ở Trung quốc . . . Một đặc điểm của tất cả những nhân vật này là phê bình các tôn giáo tự nhiên thịnh hành và các cơ cấu suy nghĩ thần thoại đã gìn giữ họ. Điều này đã đóng góp vào sự suy yếu hoặc giết chết những niềm tin xưa hơn, và trong một vài trường hợp làm thay đổi sự nhận thức tôn giáo hoàn toàn.

Chúng ta sẽ thấy, các ngôn sứ cũng đem ra những phê bình về tôn giáo Israel vào thời đó, để chống đỡ tôn giáo và niềm tin của họ vào Thiên Chúa Duy Nhất một cách phù hợp, tuy nhiên trong trường hợp của các ngôn sứ, xác tín một cách chắc chắn rằng, sự phê phán đó không làm thay đổi niềm tin của họ vào Thiên Chúa. Ngược lại, với những nhận thức đầu tiên của họ về Thiên Chúa thậm chí khôn ngoan hơn, mạnh mẽ hơn, vĩ đại hơn trong mắt họ. Và sự xác tín của những nhận thức này thông qua các ứng nghiệm lời các ngôn sứ cho sự kiện phá hủy và phục hưng của Israel (vào thế kỷ thứ 8 đến thế kỷ thứ 6) dẫn đến sự xác tín về Thiên Chúa của họ là Thiên Chúa Duy Nhất. Và từ đây “đạo lý Độc thần giáo” được ra đời, đức tin và lý trí lớn lên cùng nhau trong một tổng hợp, điều này chứng minh là mô phạm cho tôn giáo của Kinh thánh, và cho nhận thức của phương tây sau này.

Đây cũng là vấn đề đang tồn tại với chúng ta. Thực ra trong thời đại của chúng ta đặc biệt đức tin và lý trí thường bị đe dọa để đi hai hướng tách biệt nhau. Tầm trọng yếu của các ngôn sứ nằm không chỉ ở những gì họ nói về thế giới và tương lai của nó, nhưng cả ở sự thông minh về cách những gì họ nói – cách họ giúp chúng ta nghĩ về hiện tại và tương lai qua cái nhìn của Thiên Chúa.

Vậy tại sao phải học về các ngôn sứ? Có nhiều lý do, nhưng chắc chắn có hai lý do quan trọng: như một tác nhân cho việc đặt đức tin và lý trí lại với nhau, như một thách thức để suy nghĩ về tương lai thế giới một cách nghiêm túc hơn và đòi hỏi thế giới này trở nên điều gì đó tốt hơn cho tất cả chúng ta.

CÁC NGÔN SỨ THUỘC GIAI ĐOẠN AT-SUA (THẾ KỶ 8) SÁCH NGÔN SỨ A-MỐT

Ngôn sứ A-môt được cho là người đầu tiên trong hàng ngũ các Ngôn sứ Israel và cùng thời với Hô-sê, Isaiah, và Mi-kha. Các Ngài hoạt động vào giai đoạn nổi dậy của Át-sua và sự sụp đổ của Israel năm 721 (thế kỷ 8). Để làm quen với sách Ngôn sứ A-môt, chúng ta sẽ tìm hiểu tuần tự như sau:

- Sách ngôn sứ Amot: Bố cục và lịch sử biên soạn sách.
- Ngôn Sứ A-môt.
- Thông điệp của ông.

1. Sách Ngôn sứ A-môt

So với các sách ngôn sứ khác, sách ngôn sứ A-môt được bố cục khá chặt chẽ. Tuy nhiên, giống những sách ngôn sứ khác, nó có sự ngụ ý rằng, sách ngôn sứ A-môt cũng được biên soạn bởi “những người bạn” và được phát triển qua nhiều giai đoạn. Nó không phải là sản phẩm của một mình ngôn sứ A-môt.

Để phân tích dễ dàng về lịch sử biên soạn của Sách ngôn sứ A-môt chúng ta bắt đầu với tựa đề của nó ở Am 1:1. Theo quan sát của Hans Walter Wolff cho chúng ta thấy tựa đề này có hai chủ đề: thứ nhất đề cập đến “*Lời của A-môt*” và cho biết lai lịch của ông (“*một trong những người chăn cừu tại To-cô-a*”). Thứ hai, đề cập đến “**Thị kiến**” ông đã nhìn thấy và thời điểm ông nhìn thấy (dưới thời nào, vua nào, và cụ thể hơn là hai năm trước trận động đất). Vậy, liệu có thể có hai tuyển tập về sách ngôn sứ A-môt: một tuyển tập về lời của A-môt, và một tuyển tập khác về các thị kiến của ông hay không?

Giả thiết này được khẳng định hơn khi chúng ta lướt qua toàn bộ sách A-môt. Có ít nhất là ba phần khác nhau:

- Phần 1: Mở đầu với một loạt thông điệp tương đối dài ở 1:3-2:16 (các lời sấm được giới thiệu và kết thúc theo công thức của thông điệp: “Đức Chúa phán thế này. . . . Đức Chúa phán như vậy.”)
- Phần 2: Từ chương 3 đến chương 6 và bắt đầu với cụm từ như ở 3:1 “nghe đây hỡi Israel, hãy nghe lời này....” và tiếp đó được thêm các lời cảnh báo, rồi đến “lắng nghe” (3:13, 4:1; 5:1).
- Phần 3: từ chương 7 đến chương 9: gồm có chuyện giai thoại về tiểu sử và năm thị kiến: 7: 1-9; 8: 1-2; và 9: 1-4.

Vậy, tựa đề nào trong hai chủ đề nói trên (1:1) liên quan đến ba phần này? Rõ ràng chủ đề thị kiến có thể phù hợp với phần ba 7:1-9:4: năm thị kiến.

Hans Walter Wolff đã đề nghị rằng chủ đề “*Lời của A-môt*” có thể phù hợp hơn với phần thứ hai, chương 3 - 6. Tuy nhiên, trong phần này có những “lời” không phải “*lời của A-môt*”, nhưng là “*lời của Đức Chúa*” được nói ra và trình bày theo sự linh hội của A-môt và nhiều người khác, không giống lời sấm của Đức Chúa (ví dụ: 3:3-8; 5: 1-3, 7-15, 18-20; 6: 1-7, 12). Theo Wolff, A-môt có thể đã hỗ trợ trong việc tổng hợp phần này, như có nhiều suy nghĩ được cho là của chính ông, nhiều lời cảnh báo của cá nhân ông được lặp đi lặp lại. ví dụ: “*hãy nghe đây*” (3:13), “*hãy nghe lời này...*” (3:1; 4:1; 5:1), “*hãy nghe*

lời này, lời ta than vãn khóc thương người” (5:1). Wolff cho rằng, có thể chính A-môt đã đóng góp phần này trong sách của ông.

Vì vậy, có thể ban đầu đã có 2 tuyển tập riêng biệt về các tài liệu của A-môt: một tuyển tập về các thị kiến (chg. 7-9) và một tuyển tập về lời của ông (chg. 3-6). Vậy còn phần mở đầu ở 1: 3-2:16 thì sao?

Phần này khác một cách đáng kể với tuyển tập “*lời của A-môt*”. Ở phần này được nhấn mạnh từ đầu đến cuối rằng đây là “*lời của Đức Chúa*” (theo công thức của thông điệp “*Đức Chúa phán thế này....*,” ở 1:3,6,9,11,13; 2:1,4,6). Dường như ban đầu có liên kết với phần 2 “*lời của A-môt*”. Vậy có liên quan gì với phần 3, phần “*thị kiến*” không?

Lời ám chỉ về động đất ở 2:13 có thể gợi ý cho điều này, dường như nó phù hợp với thị kiến thứ năm (9:1-4), ở đây A-môt nghe Thiên Chúa cảnh báo cuộc động đất làm lay chuyển đền thờ trên đầu những người đang thờ phượng. Vậy cả hai phần này, chương 1-2 và chương 7-9, là kết cục đi đến lời ám chỉ cuộc động đất đang gần xảy ra, có lẽ là điều đã được ám chỉ ở chủ đề của tuyển tập thị kiến (1:1b). Wolff đã đoán rằng 1:3-2:16 và chương 7-9 được tập hợp lại cùng một hình thức gần giống nhau bởi các môn đệ của A-môt, là những người tin rằng sự tiên đoán về thảm họa sắp xảy ra trước đây của A-môt đã phần nào ứng nghiệm khi một cuộc động đất bất thường xảy ra 2 năm sau đó.

Vậy, có lẽ ngay từ đầu sách A-môt đã có 2 tuyển tập riêng biệt:

- 1) “*Lời của A-môt*” (3-6): có thể do A-môt tổng hợp.
- 2) “*Các thị Kiến*” ông được nhìn thấy 2 năm trước khi xảy ra động đất (7:1-9:4 và 1:3-2:16): có những dấu hiệu cho thấy có thể được tổng hợp bởi các môn đệ của A-môt, là những người đã trải qua trận động đất được đề cập ở phần đầu. Chính những môn đệ này được cho là đã viết lại các giai thoại về cuộc đời ông ở 7:10-17.

Sau đây là tiến trình hình thành sách có thể được diễn tả qua biểu đồ như sau:

Giới thiệu	Thông điệp	Lời của A-môt	Thị kiến	Kết
1:2	1:3-2:16	Chg 3-6	7:1-9:10	9:11-15
Do biên tập viên	Tuyển tập của các môn đệ	Tuyển tập của A-môt	Tuyển tập của các môn đệ	Do biên tập viên

Kết luận: Chúng ta đã có khái niệm và hiểu rõ hơn về quá trình hình thành Sách Ngôn sứ A-môt; thể loại văn phong gồm: Lời của ngôn sứ, thị kiến, sấm ngôn, giai thoại ngôi thứ 3, phần bổ sung của biên tập viên.... . Sự hình thành này được bắt đầu với “tuyển tập cốt lõi” (Lời của A-môt, ch. 3-6) có thể do chính A-môt đã tập hợp, sau đó được phát triển lên nhờ các tuyển tập của các môn đệ, và được gìn giữ bởi các biên tập viên là những người muốn chắc chắn độc giả sẽ tìm được sự liên tưởng cho họ. Bây giờ dễ dàng hơn giúp chúng ta biết cách tiếp cận Sách Ngôn sứ A-môt như thế nào. Chúng ta sẽ tập trung vào lời và thông điệp của chính A-môt hơn là những phần bổ sung của biên tập sách.

2. Ngôn Sứ A-môt

Thông tin về A-môt được đề cập tại tựa đề 1:1 và ở câu chuyện bị trục xuất khỏi Bêl Ên (7: 10-17). Thêm vào đó, một số thông tin khác có thể tìm thấy trong phần thị kiến 7:1-9; 8:1-2; và 9:1-4; và một vài ngụ ý, cũng như gợi ý ở trong chính các thông điệp.

a) Tên:

Xuất hiện ngay đầu tựa đề 1:1: “*Amos*” và được lặp lại 2 lần nữa trong các thị kiến khi Thiên Chúa hỏi ông bằng tên “*người thấy gì, Amos?*” 7:8 và 8:2; và khi ông bị trục xuất khỏi Bết Ên (7:10, 11, 12, 14).

- Ý nghĩa tên A-mốt:

“*Amos*” chỉ tìm thấy ở đây trong sách này, có thể được viết tắt của từ “*Amasiah*” (2 Sử biên niên 17: 16). *Amos* có nghĩa “mang” hoặc ông đã cưu mang. *Amasiah* có nghĩa: “*Yah has carried*” = “*Gia-vê đã cưu mang*” (“*ah*” ở cuối *Amasiah* có nghĩa “*Yah*”, viết tắt của *Yahweh*). Có lẽ đang ngụ ý cách Gia-vê Thiên Chúa đã cưu mang hoặc quan tâm A-mốt, qua việc cho ông được sinh ra làm người.

b) Nghề nghiệp:

Nghề nghiệp của các ngôn sứ trước khi trở thành là một ngôn sứ của Thiên Chúa thường không được nhắc đến, nhưng chúng ta vẫn quan tâm, vì nó có thể giúp chúng ta biết về con người của vị ngôn sứ đó và tầm ảnh hưởng đến ơn gọi của các Ngài. Trường hợp của A-mốt, chúng ta không những biết nghề nghiệp của ông nhưng chính ông đã muốn mọi người biết công việc của ông để phản bác lại những lời phán xét sai về động cơ ông trở thành ngôn sứ. Ở 7:10-17 kể về việc A-mốt bị yêu cầu đi khỏi Bết-ên và kiếm ăn bằng nghề thị kiến ở nơi khác, lời đáp trả của A-mốt cho thấy rằng đó không phải là cách ông kiếm tiền cho cuộc sống của ông. Ông là một “*người chăn nuôi súc vật và chăm sóc cây sung*” (7:14). Vì vậy, không có lý do nào ông phải kiếm tiền bằng nghề thị kiến trong khi ông đã có nghề nghiệp ổn định. Lý do duy nhất là vì Đức Chúa đã truyền cho ông làm điều này (7:15).

Cụ thể hơn về những gì A-mốt làm để kiếm sống, nêu ở 7:14, ông khẳng định ông là “*một người chăn nuôi súc vật và chăm sóc cây sung*” có thể dẫn đến hiểu lầm công việc và thế giá của ông. Vì với chúng ta, “*người chăn sóc súc vật*” gợi nhớ hình ảnh người chăn cừu thấp kém, và “*người chăm sóc cây sung*” thường được cho là công việc của người nghèo khổ, hoặc là người nông dân nghèo. Tuy nhiên, từ *Hipri* ở 1:1 בוקר (*bokher*) “*người chăn cừu*” tương tự từ “*người chăn nuôi súc vật*” ở 7:14, có nghĩa “*ông chủ chiên cừu*” và ngụ ý rằng: ông là chủ nhân và người quản lý của một loại cừu lùn rất đặc biệt, và nổi tiếng vì lông của nó. ở 2 Vua 3:4 cũng dùng từ này để diễn tả về ơn gọi của Vua Mê-sa của Mô-áp.

c) Quê hương

Bản văn nêu rõ ông ở *Tơ-cô-a*. *Tơ-cô-a* cách Jerusalem khoảng 12 hải lý về hướng nam Jerusalem, trên đồi cao. *Tơ-cô-a* được đề cập ở 2Sb 11:6, là một trong những thành vua Rơ-kháp-am (con trai vua và là người kế vị của vua Sa-lô-mon) xây dựng lại và củng cố sau khi Israel bị chia tách làm hai (năm 931).

d) Lối sống và thần học

Cuộc sống của “*những người chăn cừu Tơ-cô-a*” sẽ như thế nào? Họ đã trải qua những gì trong cuộc sống hàng ngày? Quan điểm về cuộc sống của họ là gì? Chính lời của A-mốt

cho chúng ta những dấu hiệu để có thể hiểu về những điều này. Ví dụ Am 3:3-6 chúng ta đọc:

(xem bản văn Am 3:3-6a hay 5:19).

Mỗi câu hỏi trong bản văn này (giúp giải thích tại sao A-mốt cảm thấy ông phải làm ngôn sứ, 3:8) cho chúng ta thấy thế giới A-mốt sống như thế nào. Chắc chắn hằng ngày A-mốt đã sống với những mối nguy hiểm này.

Những cuộc sống khác trái ngược mà ông nhìn thấy khi đi thăm những thành lớn hơn (6:4,6) hay 5:11....

Những sự khác biệt trong lối sống chắc chắn này đã hình thành trong A-mốt sự nhạy cảm, tinh tế rất lâu trước khi TC mời gọi ông làm ngôn sứ (7:15). Có thể cho rằng, cách A-mốt mạnh mẽ phát biểu bắt nguồn gốc từ văn hóa nơi vùng ông sống.

Về quan điểm thần học, cũng giống những người sống ở Israel, họ tôn thờ Gia-vê và tin chính họ là dân riêng và được TC yêu thương (3:2;7:15). Tuy nhiên, không thấy A-mốt đề cập đến sự ngự trị của TC ở Sion như những người Jerusalem vẫn tin (Ps 132: 13-14), hay là triều đại David (132: 12), và thậm chí không thấy ông đề cập đến giao ước tại núi Sinai như các ngôn sứ khác quan tâm đến. A-mốt lại quan tâm đến cách kỳ diệu TC giúp giải phóng Israel khỏi Ai-cập (2:10; 9:7) và chiếm đất Canaan (2:9). Với ông, đây là những dấu chứng để nói lên rằng cuộc sống của Israel phải được đặt trong chuẩn mực của sự đúng sai (2:6-7; 3:2).

Chính vì vậy mà những gì đã xảy ra ở những nơi thánh của Israel là điều cực kì đáng ghét đối với A-mốt (4:4-5). Với A-mốt việc hiến tế động vật diễn ra ở những nơi thánh này là việc làm mới mẻ vô nghĩa không có tiền lệ. *“Hỡi nhà Israel, bốn mươi năm trường trong sa mạc các ngươi có dâng lên Ta hy lễ hay lễ phẩm nào không?”* (5:25), câu hỏi của ông ngụ ý muốn nói: *‘không, các ngươi đã không làm như vậy’*. A-mốt muốn nói rằng, họ không nên làm như vậy tại những nơi thánh, nhưng tại các cửu công (5:15), nơi mà số phận của Israel sẽ được quyết định. Nhưng thậm chí ở nơi đây, A-mốt đã tuyên bố, *“lễ phải biến thành ngải đắng và vứt bỏ công lý xuống đất đen”* (5:7). Khi điều đó xảy ra, đừng lo sợ, vì lễ phải vượt trên tất cả những gì mà Thiên Chúa đòi hỏi nơi dân người (5:24 *“Ta chỉ muốn cho lễ phải như nước tuôn trào, cho công lý như dòng suối không bao giờ cạn.”*)

A-mốt lấy những tư tưởng này ở đâu? theo Wolff, quan điểm này của A-mốt, cả lòng nhiệt huyết đạo đức, phát biểu đanh thép và các quan sát sắc sảo có thể được bắt nguồn từ các hội đoàn với các truyền thống tri thức tại Tơ-cô-a và E-đôm.

e) Ông gọi ngôn sứ

Không giải thích rõ Amot đã trở thành ngôn sứ như thế nào, nhưng 7:15 các môn đệ của ông cho ta thấy Thiên Chúa đã *“bắt”* lấy A-mốt khi ông đang chặn cừu và nói với ông *“đi tuyên sấm cho dân Israel dân ta”*(7:15). Những lời này cho thấy rằng sự can thiệp của Thiên Chúa là nền tảng cơ bản nhất cho sứ mạng của ông. Sự thật xảy ra với A-mốt cũng là điều đã xảy ra với tất cả những ngôn sứ khác. Họ không sinh ra là một ngôn sứ, nhưng họ được mời gọi thi hành sứ mạng này bằng chính lời mời gọi cao quý của Thiên Chúa.

Trong 5 thị kiến ở 7:1-9; 8:1-2; 9:1-4, A-mốt được nhìn thấy và nhận biết gì?

-Hai thị kiến đầu ông đã truyền đạt về điều làm ông sốc khi ông cảm nhận về những gì Thiên Chúa cho ông thấy, đó là Ngài sẽ gửi tại họa châu chấu và hạn hán đến với nhà Gia-cop để hủy diệt chúng (7:1-6). Sự đáp trả đầu tiên của A-mốt ở 2 thị kiến đầu này là cầu xin Thiên Chúa tha thứ (7:2) và xin Thiên Chúa dừng lại ý định hủy diệt Gia-cop (7:5), vì ông sợ Gia-cop quá nhỏ bé và sẽ bị hủy diệt hoàn toàn (7:2,5). Một cách đáng kinh ngạc, lời kêu gọi của ông đã được lắng nghe. Sau đó Thiên Chúa hối hận, Người phán: nó sẽ không xảy ra (7:3,6).

-Thị kiến thứ 3 khiến ông cảm lạnh. Ông đã nhìn thấy một người đàn ông đang đứng trên bức tường lung lay, tượng trưng cho tình trạng đạo đức của Israel. Trên tay cầm một dây dọi. người đã gọi tên A-mốt, hỏi ông đã nhìn thấy gì? và ông đáp như thế nào?(xem 7:8).

-Thị kiến thứ 4 và thứ 5 (8:1-2; 9:1-4): ở thị kiến thứ 4 Israel được liên tưởng với một giỏ trái cây mùa hạ về sự sụp đổ (8:2). Ở thị kiến thứ 5 là hình ảnh mờ về chính Thiên Chúa đã ra tay hủy diệt đền thờ và giết các vị khách của nó (9:1-4).

Đây là những thị kiến về các cuộc thảm họa sắp xảy ra do chính Đức Chúa đem đến bằng chiến tranh, vì Người không thể tha thứ cho sự xúc phạm của Israel được nữa, điều này đã biến người chăn nuôi súc vật A-mốt Tơ-cô-a thành một vị Ngôn sứ, và ông được yêu cầu đi đến Bết-en, gặp tư tế của vương quốc miền bắc (7:14) với lời kêu gào cảnh báo trên miệng ông (7:16).

f) Bối cảnh lịch sử

A-mốt hoạt động dưới thời vua Út-đi-gia, nước Giu-da và vua Gia-róp-am nước Israel (1:1). Cụ thể hơn là 2 năm trước trận động đất xảy ra (1:1b; 9:5 và Dacaria 14:5), vào khoảng năm 760, dựa vào dấu chứng của khảo cổ học từ thành phố Hazor miền bắc Galile. Theo dấu hiệu này cho thấy A-mốt có thể hoạt động vào những năm giữa của giai đoạn dài này, giai đoạn đặc biệt thịnh vượng của các triều đại của những vị vua này. Vì thế, họ đã thành công trong việc mở rộng các ranh giới của vương quốc họ theo hướng bắc và nam tới mức độ chưa hề thấy (xem 2Vua 14:25; 2 Sbn 26; và 6:14). Điều kinh ngạc là “*những người uy quyền*” ở Xi-on và Sa-ma-ri tự hào và tự tin như những gì A-mốt đã nói về họ ở 6:1-7. Đa số họ tin Gia-vê Đức Chúa đã chúc phúc Israel như chưa từng có trước đây: “*ngày của Đức Chúa*” sắp xảy ra khi Israel chiến thắng vinh quang tất cả kẻ thù của họ (5:18).

Những sự phát triển và thuận lợi này là nhờ một chuỗi các biến cố rất đặc biệt ở phía bắc nơi mà người Át-sua đang trở nên hùng mạnh. Tuy nhiên, sau một thế kỷ của quân sự tuần hoàn đột nhập Palestine, quân Át-sua tạm thời ngừng hoạt động ở khu vực này vì tình trạng lộn xộn ở lãnh vực biên giới miền bắc của họ. Hơn thế, nước láng giềng cận kề của Israel ở phía bắc là Sy-ri đang yên lặng vì tình trạng mệt mỏi từ cuộc chiến tranh trước đó với Át-sua. Vì thế, đây là lần đầu tiên trong nhiều thế kỷ qua Israel không phải chiến đấu với vương quốc nào của họ ở biên giới miền bắc. Đây là lý do cho sự thịnh vượng và thanh thản, và cũng chính giai đoạn này các biên giới phía bắc được mở rộng.

Tuy nhiên, tình trạng thịnh vượng này sẽ tồn tại được bao lâu? Điều gì sẽ xảy ra nếu Át-sua chiến thắng tất cả đối thủ miền bắc và trở lại vùng này như họ thường làm trước đây? Nếu Sy-ri thất bại, liệu vương quốc kế tiếp sẽ là Israel chăng?

Nhiều người Israel đang xem xét những câu hỏi này thì cũng như A-mốt đã bắt đầu sứ mệnh ngôn sứ của ông. Tuy nhiên, quan trọng nhất Át-sua đe dọa miền bắc mà họ không thấy cũng không quan tâm, thì ơn gọi của A-mốt là để đối đầu với sự thiếu thận trọng và tâm trạng tự tin của dân tộc ông, đồng thời thức tỉnh họ về những mối đe dọa họ sắp đối diện.

3. Thông điệp

a) Công bố mở đầu (1:3-2:16)

Chúng ta sẽ bắt đầu với các lời tiên tri của A-mốt về các lời sấm mà các nhà biên soạn đã đặt lên đầu sách của ông: 1:3-2:16. Một số nhà chú giải cho rằng những lời này có thể từ một bản sao của tuyển tập “lời A-mốt,” thực ra những lời này được ông tuyên bố trong bài phát biểu nổi tiếng của tại Bết-ên ngay sau khi Đức Chúa gọi ông trở thành ngôn sứ của Chúa (7:10-15). Vì tư tế đền thờ, A-mát-gia, khi nghe A-mốt tuyên bố những lời này đã nhanh chóng báo với vua Gia-róp-am rằng “*A-mốt âm mưu chống đức vua...*” (7:10). Chúng ta sẽ tìm hiểu những lời sấm này để đưa chúng ta đi vào trọng tâm của thông điệp mà A-mốt được gọi để mang đến cho dân trong thời của ông.

1) Nguy hiểm phía trước

Cuộc chiến về bản án mà chính A-mốt đã cảnh báo qua các thị kiến (7:9) đã được A-mốt công khai tuyên bố ở đây. A-mốt tuyên bố: Đức Chúa sẽ “*phóng hỏa*” vào Israel (2:6-16), nhưng không chỉ riêng Israel mà tất cả các vương quốc thuộc vùng này: từ Đa-mát (1:3), Tia (1:9) ở miền bắc đến Ga-da (1:6) và Ê-đôm (1:11) ở miền nam, đến Am-mon (1:13) và Mô-áp (2:1) ở miền đông. “*Phóng hỏa*” là cách nói ẩn dụ của A-mốt về “*dùng gurom*” mà ông đã nói là Đức Chúa sẽ tiêu diệt vùng này (7:9), (1:3, 7, 12; 2:5). Chỉ duy nhất một cường quốc có thể đứng vững trong cuộc xâm lược quy mô này: người At-sua kinh sợ. Chính những khán giả của A-mốt ngay lập tức đã nghĩ đến như thế. Tuy nhiên với A-mốt “*cường quốc*” nào có thể làm được việc này, thì đó là chính Thiên Chúa ra tay. Ông đã tuyên bố đó chính là Thiên Chúa phóng ngọn lửa của sự phán xét xuống vùng này. Chính điều đó đã làm cho A-mốt sợ hãi.

2) Tại sao?

Tại sao Tc lại làm như vậy? A-mốt cáo buộc các nước thuộc vùng này đã phạm nhiều tội ác khác nhau (xem Cn 30:15-31). Tuy nhiên, sự khác biệt đáng chú ý giữa các cáo buộc chống lại Israel ở 2:6-12 và các tội ác của các cường quốc khác.

❖ Tội ác của các nước láng giềng (1:3-2:3)

Ở lời phê bình về các vương quốc láng giềng, trong mỗi trường hợp, sau mỗi lần nhấn mạnh rằng vì nhiều tội ác (không chỉ có một tội ác) mà tại họa sẽ xảy đến với họ, A-mốt chỉ trích dẫn một ví dụ. Tất cả những tội ác đó rơi vào một thể loại duy nhất mà ngày nay chúng ta có thể gọi “*tội ác chiến tranh*.” Điều này dễ hiểu, vì các nước thuộc vùng này đã liên tục đánh nhau hơn cả một thế kỷ qua. Vậy các hình thức tàn độc chiến tranh có thể

xảy ra là điều đương nhiên. Chính vì điều này mà A-mốt đã kể lại sự khùng khiếp về sự tàn sát nhân tâm của thường dân (1:3, 11, 13), tội diệt chủng (1:6,9), các vi phạm hiệp ước một cách trắng trợn (1:9) và sự mạo phạm tới xác chết (2:1).

Lời của A-mốt ám chỉ rằng, ngay cả trong chiến tranh- (ngay cả với những nước lân cận họ không tôn thờ TC của Israel) – thậm chí trong những hoàn cảnh đó, ngay cả những gì được phép cũng phải có giới hạn. TC đã chứng kiến những sự tàn ác này và Ngài đã thất sự ghê tởm với những gì Ngài đã chứng kiến. Không kể ai đã làm điều đó hay viện bất cứ lý do gì. Bản án được thể hiện qua chiến tranh sẽ xảy ra với những vương quốc lân cận của vùng này, A-mốt tuyên bố rằng vì sự tàn ác của họ đã được lặp đi lặp lại trong chiến tranh qua nhiều năm qua.

Vậy với Israel thì sao? Tại sao tại họa lại đến với Israel?

❖ Tội ác của Israel (2:4-16)

Lời sấm về Giu-đa ở đầu đoạn này (2:4-5) có thể xuất phát từ người biên soạn. Vì với A-mốt Giu-đa không phải là một vương quốc độc lập. Với ông “Israel” là một dân tộc hợp nhất bao gồm 2 vương quốc Bắc-Nam (Israel và Giu-đa) (3:1; 5:1; 7:8). Vì vậy, những gì ông phải nói liên quan tới Israel ở 2:6-16 cũng áp dụng cho cả Giu-đa. Tuy nhiên, sau khi Israel ở miền bắc đã thất bại năm 721 chỉ còn lại Giu-đa. Lời sấm này nhắm tới họ để chắc chắn rằng họ có thể nhận ra lời chỉ trích gay gắt của A-mốt không chỉ dành riêng cho người miền bắc, mà Giu-đa cũng vậy, trong giai đoạn này, họ cũng đã loại bỏ Luật Thiên Chúa (2:4).

Lời Sấm dài hơn về Israel ở 2:6-12 tạo thành đỉnh điểm của lời tuyên bố về sự rà soát này của TC. Ở đây không phải chỉ một mà bốn trường hợp về thái độ tội ác được trích dẫn. Tuy nhiên, không có tội ác nào là tội ác chiến tranh giữa nước này với nước kia, nhưng tội về chính người Israel chống lại nhau. Điều này cho rằng, tình trạng đạo đức của Israel thậm chí tồi tệ hơn cả những nước láng giềng lân cận bởi vì cách những tội ác này tồn tại trên danh nghĩa của những đặc ân và cơ hội ưu tiên: để họ có được một quê hương như bấy giờ nhờ vào sự kỳ diệu của Thiên Chúa (2:9); và trước khi có quê hương này, họ đã được giải thoát khỏi Ai-cập (2:10); và Thiên Chúa đã cho người dẫn dắt họ (2:11). Từ những đặc ân này, áp lực đặt lên với Israel được đo bằng một tiêu chí và chuẩn mực cao hơn so với những nước vùng lân cận.

Nhưng cụ thể là những chuẩn mực nào? Bốn tội ác được nêu lên ở 2:6-8 cần lưu ý rõ ràng hơn:

-Thứ nhất (2:6): về cơ bản người tốt đã bị bán làm nô lệ (người công chính và người nghèo) với số tiền ít ỏi. (2Vua 4:1-7 cung cấp một ví dụ cụ thể về điều mà A-mốt có thể đã biết...).

-Thứ 2 (2:7a): một số người cụ thể bị đàn áp, họ là những người đã từng sống trên những vùng đất nhỏ của cha ông trước thời điểm này (đất thổ cư hoặc đất ruộng) bây giờ bị ép bán bởi các bậc quân vương ưu tú là những người đánh thuế và lường gạt dân tới chết (xem thêm 5:11; 8:5-6).

-Thứ 3 (2:8): vi phạm trắng trợn về các truyền thống pháp lý (xem Xh. 22:25; Dnl 24:12-13, 17)

-Thứ 4 (2:7b): luân lý tính dục và sự tôn trọng người khác đã bị phá vỡ phạm vi.

Một đất nước đã tự chia rẽ chống lại nhau bằng những hình thức như thế thì không thể tồn tại, A-mốt đã tiên đoán như vậy. Nó không thể tồn tại vì Thiên Chúa là đấng nhân từ đã đưa họ đi vào sự tồn tại này sẽ không cho phép họ sống sót. Một tai họa sẽ đến đè bẹp các bậc quân vương, những tầng lớp ưu tú đã gây ra những tội ác này (2:13).

Từ bài phát biểu đầy kinh ngạc này (1:3-2:16) cho thấy rõ rằng, trong mắt A-mốt Thiên Chúa là Chúa tể trên tất cả các dân tộc và tất cả đều phải chịu trách nhiệm trước Người. Tuy nhiên, Israel được đo với một chuẩn mực cao hơn. Điểm này trở nên rõ ràng trong một bản tuyên bố đánh thép vào đầu phần tiếp theo: *“giữa mọi chi tộc trên mặt đất, Ta chỉ biết các ngươi thôi. Vì thế, ta sẽ hạch hỏi các ngươi về mọi tội các ngươi đã phạm”* (3:2). Chỉ một mình Israel luôn có những thời khắc thân mật với Thiên Chúa; Chỉ một mình Israel hiểu biết về ý định của Thiên Chúa cho ai sống công chính. Nhưng những tội ác đó đã diễn ra hàng ngày đã làm ảnh hưởng và là sự xúc phạm trắng trợn đến tương quan đặc biệt này giữa TC và Israel. Vì vậy, sự trừng phạt sẽ xảy ra.

Thiên Chúa đòi hỏi gì ở Israel, một dân tộc mà Ngài biết họ một cách thân mật như vậy? Và một lần nữa, đó là tội gì, đặc biệt nó ảnh hưởng tới cuộc sống của những người mà A-mốt đã nêu lên ở 2:6-8 như là người chịu trách nhiệm chính cho sự sa sút này của Israel, là dân riêng của TC, dân được TC tuyển chọn?

b) Nguồn gốc của vấn đề

A-mốt đã đề cập tới một số từ mà ông cho là trọng tâm của vấn đề đã làm ảnh hưởng tới xã hội Israel vào thời đó. A-mốt nói: không có *“lẽ phải”*, và nguy hiểm hơn là không có *“công lý”*. Hai từ này xuất hiện gần nhau ở một số đoạn then chốt để làm sáng tỏ trọng tâm về song đề đạo đức của Israel như A-mốt đã nhìn thấy ở 6:12; 5:7 và 24.

Cụ thể hơn, A-mốt đang ám chỉ điều gì khi ông kêu than lặp đi lặp lại nhiều lần đến sự chết của *“lẽ phải và công lý”*, và yêu cầu phục hồi chúng?

a. Không có lẽ phải:

Từ *“lẽ phải”* (*mishpat* hoặc *justice*) ngoài nghĩa công bằng và lẽ phải chung chung, nó cũng mang nghĩa khác về những quy định cụ thể của sự đúng và sai. Với xã hội của A-mốt nó truyền tải một ý nghĩa thực tế hơn. Ví dụ Xh 22:25-26 có nêu thế này: *“nếu người giữ áo choàng của người khác làm đồ cầm, thì người phải trả lại cho nó trước khi mặt trời lặn. Nó chỉ có cái đó để đắp, để làm áo che thân; nó sẽ lấy gì mà ngủ?”* Đây được gọi là *mishpat*, *lẽ phải*, là quy định (điều này A-mốt chắc chắn đã biết vì thế ông đã buộc tội Israel ở 2:8). Điều này nói lên rằng: đó là sự hợp lý và đúng trong những trường hợp khá cụ thể liên quan đến vay mượn. Một ví dụ khác ở Xh 23:8 *“Người không được nhận quà hối lộ, vì quà hối lộ làm cho những kẻ sáng mắt hóa ra đui mù và làm hỏng việc của những người công chính.”*

Vì thế nó có thể được nói rằng một xã hội mà biến lẽ phải thành ngải đắng và vứt bỏ công lý xuống đất đen như A-mốt đã diễn tả là một xã hội không quan tâm đến những quy luật đó hoặc là coi thường và phá vỡ chúng.

b. Không có công lý:

Xã hội Israel lúc đó không chỉ thiếu *lẽ phải* mà thiếu cả *công lý*. *Tsedaka* (*công chính*) trong tiếng Hipri liên quan không nhiều tới hành động, nhưng là thái độ dẫn đến hành động. Một người yêu quý lẽ phải thì được gọi là công chính ở Israel. Ví dụ Ed. 18:7-9 “*người như thế mới là người công chính.*” Sự nỗ lực bên trong thúc đẩy con người sống theo đường lối này thì được gọi là công lý. Khi lẽ phải bị vi phạm và “*biến thành ngải đắng*” thì xã hội trở nên đau khổ. Khi niềm khát khao sống công chính bị tiêu tan thì xã hội đã “chết.”

A-mốt tin rằng, đây là điều đang xảy ra với xã hội Israel lúc bấy giờ. Những người công chính thì trách nhiệm của họ là giữ gìn lẽ phải đang bị đẩy ra bên lề, bởi những tầng lớp ưu tú tham lam “*chúng ghét người sửa trị nơi cửa công và thù oán kẻ ăn ngay ở thật*” (5:10). Vì kết quả là họ đã trở nên nản lòng và làm thính (5:13). Như thế này thì không chỉ công lý mà cả năng lực cảm xúc cho công lý cũng bị hủy hoại. Cơ cấu xã hội và cuộc sống Israel, như là một dân tộc, đang tan rã như bức tường đổ nát (7:7-8).

c) Thất bại tại Cửa công

Cơ quan làm ảnh hưởng nghiêm trọng nhất về sự đánh mất tính nguyên vẹn này ở Israel là “*cửa công*” (5:8). “*cửa*” là nơi để đi vào đi ra của thành, được bao quanh bởi tường hay thành, ở nơi đây các kỳ mục tập trung theo định kỳ để có các buổi phán quyết (Ruth 4:1-12) hoặc bảo vệ lẽ phải (Am 5:10). Nhờ những cuộc họp này tại cổng làng (cửa công), những nhu cầu của người dân thấp cổ bé miệng được nói lên tiếng nói của mình và bảo vệ mình chống lại những kẻ cường bóc, như người giàu có hay kẻ cường quyền (5:11).

Với Amot, những cuộc gặp gỡ tại đây của các vị kỳ mục quan trọng hơn những buổi tập trung để phụng tự ở các thánh điện của Gia-vê Thiên Chúa. Thực ra, một trong những lời cảnh báo hiểm hoai A-mốt đã khẳng định rằng: ở đây, chính nơi này (cửa công), là nơi mà mọi người nên tụ họp, chứ không phải nơi đó (đền thờ), là nơi dành cho những người thực sự “*tìm kiếm*” Chúa. “*hãy tìm thì các người sẽ được sống*” 5:4, nhưng “*đừng tìm đến Bê-t-Ên, đừng đi vào Ghin-gan, chớ qua Bơ-e Se-va*” (5:5); mà “*hãy tìm điều lành chứ đừng tìm điều dữ..... Hãy ghét điều dữ và chuộng điều lành, nơi cửa công hãy thiết lập công lý*” (5:14-15).

Tóm lại, nếu có niềm hy vọng nào cho sự cứu thoát Israel khỏi tai họa sắp xảy ra, thì đó là việc làm của những người phục hồi công lý tại cửa công. Đó là điều mà A-mốt thực sự quan tâm chú ý nhất cho cơ quan này. Sự bại hoại này của xã hội Israel là nguyên nhân của tất cả tội lỗi và chỉ có sự thay đổi là niềm hy vọng duy nhất.

d) Tại sao tất cả những điều tệ hại này lại xảy ra với Israel?

Tại sao đã có nhiều dấu hiệu để nhắc nhở họ qua các thảm họa tự nhiên ở 4:7-12 mà các thành phần ưu tú đó vẫn không thấm nhuần để thay đổi. những lời cảnh báo đó đã chẳng

mang lại lợi ích gì cả... “*thế mà các người vẫn không chịu trở về với Ta*” Gia-vê Thiên Chúa đã kêu lên như vậy. Tại sao họ lại ngoan cố vậy? tại sao họ lại không nhận ra sự suy thoái đạo đức và luân lý của họ, lại rất ngoan cố với sự khiển trách và hối cải? Lời phê bình của A-mốt về tình trạng ngoan cố này của Israel rất mạnh mẽ, xoáy vào 3 vấn đề: thần học tự mãn, phụng tự u mê, và lối sống buông thả tàn nhẫn.

i. Thần học tự mãn:

Những thành phần ưu tú trong Israel đã tự tin rằng Gia-vê Thiên Chúa “*ở cùng họ*” (5:14), và Thiên Chúa là Đấng trên hết các thần, họ là dân tộc đứng đầu các dân tộc (6:1). Thực ra đã xuất hiện một sự nổi dậy lúc bấy giờ với sự mong đợi rằng sẽ có một ngày không xa Thiên Chúa sẽ đặt dân tộc họ vào một địa vị trội vượt hơn hẳn tất cả các dân tộc khác (5:18). Sau đây là thần học tự mãn mà A-mốt đã tấn công bằng những lời lẽ đáng ghi nhớ nhất: (9:7); (3:2); (5:18-20).

A-mốt tuyên bố rằng, các dân tộc khác đều được Thiên Chúa đoái thương và ra tay giúp đỡ. Vì thế, Israel không nên tự kiêu trong suy nghĩ rằng chỉ một mình họ được Thiên Chúa coi trọng “*the apple of his eye.*” Tuy vậy, Israel đã từng được Thiên Chúa biết và yêu thương một cách mật thiết. chính lý do này mà thái độ của họ đáng khiển trách đặc biệt.

ii. Thờ phượng u mê:

Đây là đặc điểm thứ 2 về cuộc sống của tầng lớp ưu tú trong xã hội Israel mà A-mốt đã nêu lên là nguyên nhân của việc xao lãng về công lý.

Không có chỗ nào đề cập tới việc thi hành phụng tự mà A-mốt tấn công họ là thần ngoại hay thái độ giả hình. Ngược lại, những khoản được liệt kê trong danh mục về các hoạt động tại thánh điện Gia-vê Thiên Chúa ở 4:4-5 không có hại, nhưng không đáng tán dương: sáng sáng hãy tiến dâng lễ vật, cứ ba ngày lại dâng lễ thập phân, đốt bánh không men làm lễ tạ ơn, lễ phẩm tự nguyện. Họ làm những điều đó vì họ vui: “*bởi vì các người thích làm như vậy.*”

Trong khi diễn tả những thực hành phụng tự này, A-mốt đã cổ vũ cộng đoàn bằng một sự chế nhạo kinh tòm bằng ngôn ngữ và lời lẽ nhạo báng thiếu bất kính: “*cứ đến Bết-Ên mà phản bội, đến Ghin-gan mà phản bội nữa đi*” (4:4). Sự kinh tòm của A-mốt về những thực hành phụng tự này, ở 4:4-5 và cả ở lời chỉ trích kịch liệt của ông chống lại “*kiểu phụng tự hình thức*” ở 5:21-26 là rõ rệt.

A-mốt muốn nói rằng, hình thức phụng tự như vậy không được quyền ưu tiên ở Israel (5:25). Vấn đề A-mốt lên án ở đây là nó làm xao lãng những việc làm thiết thực quan trọng hơn mà Thiên Chúa thực sự muốn, những gì đã thực sự dạy dân của Người suốt “*40 năm trường trong sa mạc*”. Họ đã bị ru ngủ bằng suy nghĩ rằng, tương quan giữa họ và Thiên Chúa vẫn còn nguyên vẹn trong khi những gì Thiên Chúa muốn nơi họ đã không còn.

*Ta chỉ muốn cho lễ phải như nước tuôn trào,
cho công lý như dòng suối không bao giờ cạn (5:24).*

iii. Lối sống buông thả:

Lối sống thờ ơ một cách tàn nhẫn của các tầng lớp ưu tú cũng là yếu tố quan trọng, Amot đã dùng lời lẽ sắc bén để vẽ lên chân dung của các bà vợ lười biếng ở 4:1, là những người sai bảo chồng mang rượu lại để uống, trong lúc đây đó nhiều người nghèo đang bị chà đạp và áp bức. Hoặc ở 6:1-7 đề cập đến những người chồng xa hoa của các bà vợ đó. Khi nhà Giu-se sụp đổ thì *“chúng nằm dài trên giường ngà, ngả ngón trên trường kỷ, mà ăn những chiên non nhất bầy, những bê béo nhất chuồng”* 6:4-6.

e) Vậy, liệu có niềm hy vọng nào cho Israel không?

Nếu các bậc quân vương và ưu tú vẫn cứ u mê trong lối sống của họ, liệu đây là dấu chỉ của sự tận cùng? Liệu tai họa sẽ xảy đến có hủy diệt Israel hay không? Liệu câu chuyện về Israel kỳ diệu được Thiên Chúa giải thoát khỏi nô lệ Ai-cập và được đưa vào định cư trong đất Canaan sẽ kết thúc như thế này sao?

Chúng ta đã đề cập phần trước rằng, nguyên nhân dẫn đến suy nghĩ rằng các lời sấm về niềm hy vọng ở phần cuối của sách (9: 8b-15) không phải của Amot, mà là của biên tập viên sau này. Dường như, Amot có một viễn cảnh có triển vọng hơn cho Israel là “có thể TC sẽ đủ lòng thương sót còn sót lại của Giu-se” nếu có những người can đảm lên tiếng và bênh vực công lý tại cửa công (5:14). Tuy nhiên, như ông đã ghi lại rằng, điều đó có thể đang rất xa và không cụ thể. Chỉ một điều duy nhất mà dường như A-môt chắc chắn là sự “tối tăm” khủng khiếp đang hiện ra trước mắt dân tộc Israel (5:20) – Xem 5:1-3; 3:12; 8:11-12; 9:8).

Kết luận: Là một ngôn sứ, A-môt nói những gì ông được truyền để nói- không thêm, không bớt. Sứ mạng của ông là cảnh báo các thảm họa và giải thích tại sao nó sẽ xảy ra. Những người đến sau có thể hiểu rằng thảm họa xảy ra không phải vì Chúa của Israel yếu kém hay tức giận một cách vô lý, nhưng vì tính công bình và chính trực của Ngài, và lòng thương xót của Ngài đối với những người đau khổ và bị đàn áp một cách bất công. Tuy nhiên, sẽ tới một ngày, khi thậm chí Thiên Chúa từ bi và tha thứ cũng không thể bỏ qua cho những sự xúc phạm của dân Người (7:8b), thì điều gì đó sẽ phải xảy ra.

Ngôn Sứ Hô-Sê

Sau A-môt khoảng một thập kỷ lại xuất hiện một ngôn sứ khác ở Israel, ông không những hoạt động ở miền bắc Israel mà còn sống ở đó. Tên của ông là Hô-Sê, con ông Bô-ê-ri.

1. Sách Ngôn sứ Hô-Sê:

Có 2 phần rõ ràng: chương 1-3 và 4-14. Phần 1 từ chương 1-3 và được chia làm 3 phần nhỏ rõ ràng với nội dung khác biệt: 1:2-9 các lời tường thuật; chương 2 là thông điệp, và chương 3 là hồi ký. Một đầu đề mới xuất hiện ở 4:1 *“Hỡi con cái Israel, hãy nghe lời Đức Chúa.”* Đầu đề này giống đầu đề ở 1:1, *“Lời của Đức Chúa phán với ông Hô-Sê...”*. Cả hai mô tả nội dung là *“lời của Đức Chúa”* (1:1; 4:1). Những nơi khác cụm

từ này cũng thường được dùng bởi các ngôn sứ khác để giới thiệu một cách ngắn gọn, lời lẽ rõ ràng, được nói vào các dịp riêng biệt (Is 1:10; Jer 1:4). Ở đây cụm từ “*lời của Đức Chúa*” là *chủ đề* cho một tuyển tập.

Chủ đề này cũng lặp lại ở đầu đề của sách Giô-en, Xôphonia, Mi-ca, Ê-dê-kien, Gio-na, Dacaria, Hag-gai, và Malaki. Cả những sách này và Hô-sê 1:1, cụm từ này thường được kèm theo tên các vua dưới thời các ngôn sứ hoạt động. Những đặc điểm như thế này ở đầu đề các sách nói trên được cho là có liên quan tới Sách Các Vua, và có thể được biên soạn bởi các Sử gia Đế Nhị Luật (Dnl), họ là những người đã biên soạn sách các vua.

Tóm tắt: Sách ngôn sứ Hô-sê được tổng hợp bởi 2 tuyển tập khác nhau (ch. 1-3 và 4-14), và có thể được biên soạn bởi các tác giả Đế Nhị Luật. Dưới đây là sơ đồ cơ bản về sách Ngôn sứ Hô-sê:

Tuyển tập thứ nhất (ch. 1-3) 1:1 “ <i>Lời của Đức Chúa phán với ông Hô-sê</i> ”			Tuyển tập thứ 2 (ch. 4-14) 4:1 “ <i>Hỡi con cái Israel, hãy nghe lời Đức Chúa</i> ”
1:2-9 tiểu sử	ch.2 thông điệp	ch.3 tự truyện	Thông điệp

Chúng ta vừa phân tích tuyển tập 1 (ch. 1-3), **còn tuyển tập 2 (ch. 4-14)?**

Thông thường chúng ta thấy các thông điệp của ngôn sứ được giới thiệu hoặc kết thúc bằng một cụm từ đơn giản để biết nguồn của thông điệp, ví dụ: “*Đức Chúa phán thế này...*” (vd: Am 1:3-2:16). Khác biệt với phần này của Hô-sê, cụm từ nhận dạng này không xuất hiện ở đây, mặc dầu nhiều lời trong này rõ ràng có ý nghĩa được hiểu là lời của Đức Chúa. Thực ra ngay mở đầu của ch. 4:1 kêu gọi “*hãy nghe lời Đức Chúa*”, chúng ta vẫn không thấy cụ thể từ nào liên quan tới Đức Chúa là người nói, cho tới cuối chương 11 ta thấy “*sấm ngôn của Đức Chúa*” (11:11). Điều này có cảm tưởng là mọi lời nói từ 4:1 đến 11:11 là một bài sấm dài của Đức Chúa.

Đọc suốt tất cả các chương của phần 2 này cho thấy một điều khá cụ thể rằng, có nhiều phân đoạn dài và ngắn của nhiều chủ ngữ khác nhau. Vì thế, khó có thể cho là những phân đoạn này được nói ra trong cùng một dịp và cùng một bài nói chuyện. Bản văn gốc về phần này của Hô-sê được cho là rất khó dịch. Có thể nội dung của phần này không được ghi lại thực sự những gì Hô-sê nói nhưng giống hơn là một cuốn nhật ký hay một tạp chí về trải nghiệm và suy nghĩ của ông.

Cụm từ kết thúc ở 11:11 “*sấm ngôn của Đức Chúa*” báo hiệu một điều có thể xảy ra là tuyển tập đầu tiên về lời của Hô-sê có thể kết thúc ở điểm này, tức là kết thúc ở 11:11; và 12:1 là một tuyển tập thứ 3 được bắt đầu. Tự bộc lộ bản thân ở 12:1 cũng cho thấy điều này, vì ở đây ông báo hiệu sự thật rằng một giai đoạn mới và nguy hiểm trong sứ mạng của ông sẽ bắt đầu: “*Ép-ra-im lấy giả dối, và nhà Israel dùng lừa đảo mà bao bọc ta.*” Hơn thế nữa, nghiên cứu nội dung của ch. 4-14 một cách cẩn thận cho thấy rằng, đặc điểm niên đại có thể là cách mà toàn bộ tuyển tập này được sắp xếp – cùng với những lời của ông trước đây xuất hiện ở những chương trước của tuyển tập này (ch. 4-14) và những lời ông nói sau này trong những phần sau (đây có thể là dấu hiệu thêm vào bởi các biên soạn viên khi viết những điều này.) Vì vậy, có thể 12:1-14:9 xuất hiện vào cuối thời sứ mạng của ông.

Tóm lại: không phải chỉ 2 phần chính của sách như chúng ta đã phân tích ở trên, mà là 3 phần: 1-3; 4-11; và 12-14. Theo quan sát thì mỗi phần đều bắt đầu với những lời cảnh báo nhưng kết thúc với những lời về niềm hy vọng. Không chỉ có tựa đề của sách (1:1), mà có cả lời kết (14:10), có thể bởi một vị thầy giáo nào đó sau này với mong muốn khuyến khích học trò của ông đọc sách này với sự quan tâm và trí tuệ mà nó xứng đáng.

Với những quan sát mới trên đây, toàn bộ sách ngôn sứ Hô-sê có thể được biểu đồ như sau:

Tựa đề 1:1		Lời kết 14:10			
Phần 1		phần 2		Phần 3	
phán xét	hy vọng	phán xét	hy vọng	phán xét	hy vọng
1:2-2:25	3:1-5	4:1-11:6	11:7-11	12:1-14:1	14:2-9

Một đặc điểm cuối cùng của sách nên chú ý nữa: cũng giống sách ngôn sứ A-mốt, độc giả người Giu-đe-a thêm lời sấm về niềm hy vọng (9:11-12), họ cũng làm như vậy ở sách Hô-sê. Ví dụ sự khôi phục triều đại David được tiên báo ở 3:5; 1:7; và 12:1b điểm nhấn là trong khi Ép-ra-im (miền bắc) bị sụp đổ thì Giu-đa vẫn trung thành và được cứu thoát. Cũng giống A-mốt, sự chia cắt của hai triều đại không có nghĩa thực đối với Hô-sê. Từ quan điểm của ông, về cơ bản họ vẫn là một dân tộc, với một số phận duy nhất (2:16-25).

2. Ngôn sứ Hô-sê

- a) Tên Hosea: cả tên của Hô-sê và bố của ông đều được nêu lên trong phần mở đầu của sách 1:1. Ông được biết tới là con ông Bơ-ê-ri. Hosea có nghĩa “*ông đã giúp*” hoặc “*đã cứu*.” Tên “Hosea” cũng quen thuộc ở miền bắc nơi ông đã sống. Theo sách Dân số 13:8 nhà lãnh đạo Giô-su-ê khi sinh ra cũng mang tên này, và vị vua cuối cùng của Israel, đương thời với Hô-sê, cũng mang tên này (2Vua 17:6).
- b) Quê quán: không nơi nào nói cụ thể ông sống ở đâu, nhưng tất các vùng được đề cập trong sách này thuộc miền bắc như Samaria, Epraim, hay các đền thờ ở miền bắc tại Bê-tên, Gín-ga, và Si-khem (6:10; 5:15; 8:5; 6:9). Dường như ông sống và hoạt động ở vương quốc miền bắc. Như vậy, Hô-sê là ngôn sứ duy nhất sống và hoạt động cùng một nơi. (Amot sống ở Giu-đa nhưng hoạt động ở Bethel, miền bắc).
- c) Nghề nghiệp: nghề nghiệp của Hô-sê không được đề cập cụ thể nhưng ẩn ý chỗ này chỗ kia thì có thể đoán được. ví dụ chương 3 đề cập việc ông trả một số tiền để chuộc vợ (3:2: *mười lăm đồng bạc, ba mươi thùng lúa mạch*, có nghĩa là một nửa bằng tiền và một nửa còn lại trả bằng lúa), điều này chứng tỏ ông không có đủ tiền mặt để trả trọn vẹn. có lẽ ông chỉ là một nhà nông dân nhỏ.
- Hơn thế nữa, Woff cho rằng Hô-sê là một thành viên của nhóm tư tế Lê-vi, nhóm này có một cuộc sống ổn định và sống rải rác ở miền bắc vào thời điểm này. Theo lịch sử của Israel, các thầy Lê-vi này là những nhóm tư tế đứng đầu ở Israel (xem Dnl 18:1-8). Thực ra, theo Xh 32:25-29 (Dnl 33:8-11) thì chính Mô-sê đã chỉ định họ vào các chức vị này như là phần thưởng cho sự trung thành trong một dịp khủng hoảng trầm trọng. Vậy, nếu đúng Hô-sê là một thành viên của nhóm tư tế lê vi, thì rất có thể ông kiếm sống bằng nghề nông nghiệp, vì vào thời đó họ không phải chịu trách nhiệm gì ở nơi thờ phượng, nhưng họ vẫn là những vị tư tế.
- Những lý nào cho thấy Hô-sê có liên quan tới truyền thống lê-vi này? Chìa khóa cho sự liên quan này là sự giống nhau của sách Hô-sê và sách Đệ Nhị Luật mà nhiều nhà kinh thánh cho rằng Hô-sê có liên quan tới lê-vi. Một vài ví dụ:

- Cả sách Hô-sê và sách Đệ nhị luật nhìn thấy Israel là dân có tương quan với TC bằng một giao ước qua Mô-sê (Dnl 5, Hs 8:1-3, 12:14.)
- Cả 2 khẳng định 10 điều răn của Thiên Chúa là bản tóm tắt cơ bản về những gì mà Thiên Chúa yêu cầu dân giao ước của Ngài (Dnl 5:1-22, Hs 4:1-3)
- Cả 2 khẳng định tầm quan trọng về nhận biết Thiên Chúa và không quên luật của ngài (Dnl 4:9; 6:6-13; 8:11-20, và Hs 4:6b)
- Cả 2 tin rằng từ bỏ giao ước với Thiên Chúa qua việc vi phạm những luật này sẽ dẫn tới hậu quả của sự thảm khốc (Dnl 28, Hs 8:3)
- Cả 2 mô tả vai trò của tư tế thực thụ là các thầy dạy luật, không phải người lo việc cúng tế (Dnl 33:10; 31:9-11; Hs 4:6; 8: 12).

Từ sự phân tích này cho chúng ta một niềm xác tin hơn rằng cả sách Đệ nhị luật và sách Hô-sê hình thành tại cộng đoàn lê-vi thuộc miền bắc. Điều này giúp chúng ta hiểu tại sao Hô-sê dám phê bình chức tư tế được thiết lập (xem Hs 4:4-11). Tuy nhiên, Những tư tế mà ông chỉ trích không phải tư tế thuộc dòng Lê-vi, nhưng là những gia đình thường dân được vua Gia-róp-am đặt vào trong các chức vụ trong đền thờ ở miền bắc (1vua 12:31).

d) Ôn gọi ngôn sứ

Hô-sê không nói gì về thông tin cá nhân, nhưng các nhà biên soạn có đề cập tới. Ở 1:2-9 có liên tưởng tới cuộc đời của ông qua lời kể của tác giả ngôi thứ 3, và qua mạc khải mà ông tiếp nhận. Hô-sê đã tiếp nhận 4 mạc khải khác nhau. Qua những ngụ ý trong mạc khải đã thúc đẩy ông đi vào chức vụ ngôn sứ và việc ngụ ý đó là nền tảng cho tất cả các thông điệp sau này của ông.

- Mạc khải đầu tiên thúc đẩy ông *“hãy đi cưới một người đàn bà làm điếm để sinh những đứa con đàn điếm, vì cả xứ đều bỏ Đức Chúa mà đi làm điếm”* (1:2). Hô-sê đã thực hiện mạc khải này mà không có sự nghi ngờ nào. Vì tác giả đã cho ta thấy ông đã cưới Gô-me 1:3.

Tuy nhiên, nó không rõ ràng Gô-me là một cô gái điếm theo nghĩa thông thường của từ, vì từ này trong tiếng Hipri không có nghĩa “gái điếm” nhưng “người phụ nữ làm nghề mại dâm” (nghề làm điếm), tương đương với cụm từ “nghề điếm thần” mà Hô-sê dùng để mô tả những gì đang xảy ra trong xã hội vào thời của ông (4:12; 5:4). Nhiều người phụ nữ Do thái vào thời đó tự mình làm nghề điếm thần này (4:13), không phải mại dâm nghề nghiệp, nhưng các hoạt động về tình dục là một đặc trưng của việc thờ phượng tại các thánh điện Ca-na-an của thời đại đó.

Vì vậy, khi Hô-sê được yêu cầu cưới một người đàn bà làm điếm và có con với cô ta, có thể không phải một người điếm chuyên nghiệp, mà là một người phụ nữ làm điếm thần tại các thánh điện Canaan. Và cuối cùng ông cũng có 3 người con trai (1:3-9). Mỗi người con của ông được sinh ra là dấu chỉ của một sự mạc khải theo tên mà ông đặt cho họ. Đứa đầu được gọi là Git-rơ-en (1:3-5), là tên của một thành phố nổi tiếng vì ở đây đã có cuộc tàn sát đẫm máu xảy ra một thế kỷ trước (2vua 9 và 10), và tương tự cho các tên tiếp theo. Cho nên, 3 cái tên của 3 người con là tượng trưng cho 3 thảm họa (xem 1:3-9).

e) Bối cảnh Lịch sử

Hô-sê sống vào giai đoạn nào và dưới hoàn cảnh nào?

Ở 1:1 nêu rõ Hô-sê hoạt động dưới thời các vua Út-di-gia, Giô-tham, A-khát, và Khit-ki-gia trị vì Giu-đa, và Gia-róp-am con vua Giô-át trị vì Israel. Như thế này thôi thì chưa

rõ, vì triều đại của những vua này kéo dài gần một thế kỷ (783-687). Sự thật thì không chỗ nào trong sách Hô-sê nói tới At-xi-ri xâm chiếm Samaria (sự kiện này xảy ra 721) có thể sứ mạng của Hô-sê đã kết thúc trước đó. Sấm ngôn tiên đoán sụp đổ triều đại của Giê-hu (triều đại mà vua Gia-rôp-am thứ 2 thừa kế) ở 1:4 là dấu chứng rằng nó bắt đầu tiên nghiệm đến cái chết của Gia-rôp-am năm 743. Trùng khớp với sứ mạng ngôn sứ của Hô-sê bắt đầu không lâu trước đó, tuy nhiên, vì bối cảnh của những lời tiên đoán rõ ràng về những hỗn loạn trong xã hội, điều này rất phổ biến vào những năm cuối và 2 thập niên tiếp theo đó. Vì vậy, Át-xi-ri bắt đầu tấn công mạnh mẽ vùng này.

Một bảng tóm tắt về những sự kiện này dẫn đến suy tàn và sụp đổ của vương triều miền bắc trong thời gian này là ở 2Vua 15:8-17:6. Tóm lại, từ cái chết của vua Gia-rôp-am năm 743 đến sự sụp đổ của miền bắc Israel năm 721 là có tới 6 vua cai trị (2Vua 14:23-15:31). Một dấu hiệu giữa nhiều những cuộc lộn xộn đe dọa sự tồn tại của Israel được đưa ra bởi Át-xi-ri dưới nhà lãnh đạo mới và quyền lực Tích-lat Pi-le-xe III.

Vì thế mà một số dân ở Israel (và có thể chính Hô-sê hay là các môn đệ của ông) đã di cư đến miền nam, Giu-đa. Điều này có thể giải thích sự nghi chép lại về những lời tiên đoán của Hô-sê được sống sót qua nhiều thử thách và khó khăn của lịch sử. Tuy nhiên, với nhiều người Israel sự xâm chiếm của At-xi-ri mang ý nghĩa là bị trục xuất và phải đi tới nơi xa xứ, trong khi đó người ngoại quốc được đưa vào để thế chỗ của họ (2Vua 17:6, 23-34.); và ý muốn nói ở đây là Israel (nước miền bắc) bây giờ không tồn tại, chỉ có Giu-đa sống sót.

3. Thông Điệp của Ngôn sứ Hô-sê

Không giống A-mốt, Hô-sê cho biết rõ ràng về thảm họa và niềm hy vọng. Đây là điều rất quan trọng, cho nên các nhà biên soạn sách của ông đã cẩn thận sắp xếp các thông điệp theo tuần tự để nó có thể thể hiện được ý nghĩa trong tất cả các phần của nó. Như đã nói ở trên, trong mỗi phần của 3 phần chính (ch. 1-3, 4-11, 12-14) thì các lời cảnh báo về tai họa được đặt trước, rồi tới lời sấm về niềm hy vọng. (chúng ta sẽ quan sát sự phân chia này khi chúng ta tiếp cận với các thông điệp của ông.)

a. Sự nguy hiểm phía trước

Từ khi người con trai đầu của Hô-sê chào đời thì ông đã được biết về một thảm họa của cuộc xâm lược sẽ xảy ra để tiêu diệt “vương quốc Israel” (1:4). A-mốt cũng đã thấy trước điều này, nhưng xa hơn, Còn Hô-sê thấy được là nó đang cận kề rồi: “*chẳng bao lâu nữa ta sẽ đến trừng phạt nhà Giê-hu*” (1:4). Trên thực tế, trong bối cảnh của các lời sấm chúng ta hiểu rằng thảm họa này đang xảy ra. Tiếng kèn chiến tranh đang cất lên rồi (5:8), các nhà ngoại giao đang chạy từ thành này đến thành khác để ngăn chặn cuộc chiến nếu họ có thể (5:13, 7:11).

Nhưng, họ đã bất chấp sự nghiêm trọng của tình hình, các bậc ưu tú quân vương, các bậc lãnh quyền của đất nước dường như đang lạc quan, nghĩ rằng Thiên Chúa của họ có thể trừng phạt họ, nhưng chắc chắn ngài sẽ không bao giờ bỏ rơi hoặc hủy diệt họ. Vì Chúa quá nhân từ và yêu thương họ nên Thiên Chúa không thể làm được điều đó (xem 6:1-3).

Ngược lại, Hô-sê thì dường như rất lo lắng và sợ hãi về những gì sắp xảy ra (9:7). Sự nguy hiểm đang ở phía trước, gần kề rồi và trong những lời ông kêu gọi dân chúng, ông nhắm tới sự cảnh báo về những gì sắp xảy ra. (xem 5:14; 9:17; 10:8b; 13:7-8; 13: 15-14:1).

Phần cuối của những lời sấm này đang nói tới một hiện thực: một cuộc chiến tranh sẽ tiêu diệt Israel. Người Át-xi-ri sẽ đến và Israel sẽ bị nhấn chìm và làm nô lệ như họ đã từng ở Ai-cập (8:13b), tượng con bò ở Bết-ên sẽ bị hạ xuống (10:6) và Hô-sê khẳng định tất cả những việc này là do chính Thiên Chúa làm.

Vậy nguyên nhân gì dẫn tới thảm họa này?

- b. Tại sao? Giống Amot, những gì Hô-sê nói không chỉ nhắm vào sự cảnh báo trước các thảm họa, nhưng sứ mạng của ông là giải thích tại sao những thảm họa đó sẽ xảy ra và xác định chắc chắn rằng đó là cách mà Thiên Chúa sẽ ra tay thực hiện.

❖ Trọng tâm về lời phê phán của Hô-sê

Lời phê phán của Hô-sê về văn hóa của ông rất sắc bén và mạnh mẽ. Bắt đầu bằng sự xác tín căn cốt nhất của ông: Israel đã và đang là một dân tộc đặc biệt bởi một giao ước đặc biệt với Gia-vê Thiên Chúa của họ, đã được thiết lập nhiều thế kỷ trước qua Mô-sê trong sa mạc tại núi Si-nai lúc Israel được giải thoát khỏi nô lệ Ai-cập (12:14). Chính nơi đây Israel được “sinh thành” bởi Gia-vê Thiên Chúa (9:10). Đó là lúc Israel được Thiên Chúa “yêu thương” như người cha yêu thương nâng niu đứa con thơ và dạy con mình từng bước đi đầu đời (11:3), và đó cũng là lúc Thiên Chúa trở thành Chúa của Israel (12:10) và Israel trở thành một dân tộc có giao ước và cam kết sống theo luật giao ước này của Thiên Chúa (8:1-3).

Theo Hô-sê, lý do duy nhất và bao quát cho thảm họa sẽ xảy ra là Israel đã hủy bỏ giao ước với Thiên Chúa qua việc không giữ luật giao ước này (Xem 8: 1b-3).

Nhưng cụ thể “*điều tốt lành*” là gì mà Hô-sê nói “*Israel đã gạt bỏ*”? Điều luật nào mà ông cho là họ đã vi phạm? Những điều luật này được các nhà biên soạn viết ngay đầu tuyển tập thứ 2 (chg. 4-11), được viết như thế này:

chẳng có tín thành, chẳng có ân nghĩa

*Cũng chẳng có sự hiểu biết Tc.
Chỉ có bội thề, dối trá, sát nhân và trộm cướp,
Áp bức ngoại tình, các cuộc đổ máu cứ nối tiếp nhau. (4:1b-2)*

Những tội được liệt kê ở 4:1b-2 gọi lại phần 2 của luật 10 điều răn: *ngươi không được giết người, không được ngoại tình, trộm cắp, làm chứng dối, không được ham muốn vợ người ta* (Dnl 5:17-21; Xh 20:13-17). Hô-sê muốn nói rằng, rõ ràng Israel đã không giữ giới luật cơ bản nhất, không sống những giá trị căn bản nhất, và đó là lý do cốt lõi cho cuộc xâm lược bi kịch sắp xảy đến với Israel.

Tuy nhiên, Những thông điệp tiếp theo, đặc biệt có hai tội ác đang tràn lan và phổ biến trong cộng đoàn Hô-sê, và vì thế, nó đặc biệt quan trọng để hiểu về những gì sắp xảy ra. Đây là những tội mang tính hỗn tạp và bạo lực đã được ám chỉ qua mạt khải khi Thiên Chúa lần đầu nói với Hô-sê ở 1:2: *“Hãy đi cưới một người đàn bà để sinh những đứa con đang điếm, vì cả xứ đã bỏ Đức Chúa mà đi làm điếm”*. Để hiểu tại sao Hô-sê nghĩ rằng cuộc chiến phán xét chống lại dân của ông chắc chắn xảy ra, chúng ta phải đặc biệt chú ý đến những gì ông nói liên quan tới những tội ác này.

❖ Sự chung chạ tình dục bừa bãi

Ở 4:12 Hô-sê tuyên bố rằng *“vì thói quen làm điếm (làm điếm thần)”* đã làm ảnh hưởng dân tộc của ông và dẫn họ tới lầm đường lạc lối. Hô-sê đang đề cập tới vấn đề gì? Chắc chắn câu nói này của Hô-sê không dễ cho con người hôm nay có thể nói ra được những lời tương tự như thế, vì những câu tiếp theo ông miêu tả một tình trạng khá khác biệt đối với chúng ta (thời hiện đại) (xem 4:13-14)

Điều này chứng tỏ rằng tình trạng tình dục lộn xộn mà Hô-sê đang nói tới là một điển hình khá cụ thể. Một hành động liên quan tới hy tế và lễ phẩm (4:13) và *“tế lễ với các điếm thần”* (4:14). Những gì ám chỉ ở đây là trạng thái lộn xộn về phụng tự theo một hình thức mà chúng ta biết từ nhiều nguồn khác như một việc làm thông thường trong sinh hoạt tôn giáo Ca-na-an của vùng đó vào thời đó. Yếu tố cơ bản của niềm tin này cho rằng, sinh hoạt tình dục của con người tại nơi thánh có thể kích thích tác dụng tình dục thần linh và từ đó nuôi dưỡng khả năng sinh sản và đem lại phồn vinh thịnh vượng cho nhân loại.

Tình trạng tạp hôn này bị ảnh hưởng bởi Ca-na-an khi họ tiến vào vùng đất này. Lúc đầu họ bắt gặp hình thức thực hành tôn giáo như thế này tại Ba-an Pơ-o, họ đã rất sốc nhưng đồng thời cũng bị hấp dẫn (xem Ds 25; Hs 9:10). Tuy nhiên, sau nhiều năm sống tại đất Canaan những sự ngỡ ngàng đó đã trở thành quen thuộc, và thậm chí, như Hô-sê đã cáo buộc họ, nhiều người thực hành cách phụng tự này và không còn phân biệt sự khác nhau giữa phụng tự Ba-an của Canaan và phụng thờ Gia-vê Thiên Chúa của Israel

nữa (xem Hs 2:18-19). Vì thế, họ cũng đã thờ phượng Thiên Chúa theo cùng cách thức như thế (6:10 nói đến mai dâm phụng tự ở Bết-ên). Chúng ta có thể tưởng tượng sự phát triển này được khuyến khích ở miền bắc theo quan niệm sinh sản của người dân Canaan, tượng con bê, là biểu tượng của Thiên Chúa (1Vua 12:30 vì sự phê phán của các ngôn sứ về việc nhân tạo này xem Xh 32; Hs 8:5-7; 10:5-6).

Vì thế, với những người đương thời của Hô-sê, điểm thần đã trở nên bình thường với họ. Tuy nhiên với Hô-sê, vì ông đã được thẩm nhuần truyền thống cũ ở sa mạc, thì đó là một việc làm đáng xấu hổ và đáng ghê tởm – một việc làm mang đến nhiều hậu quả tiêu cực (*“chúng lại gần bó với các thần ô nhục và trở thành ghê tởm với những thần chúng yêu mến”* 9:10b). Không những nó gắn kết Israel với những nghi lễ thần ngoại và thờ cúng thần ngoại (4:7), mà nó còn ấp ủ một tình trạng chung chạ bừa bãi làm phá hoại hạnh phúc gia đình (4:14a *“con gái các người làm điếm, con dâu các người ngoại tình,”* 5:7 *“vì đã sinh những đứa con hoang”* và kết quả cho việc bị mù quáng về luân lý là dẫn tới sự hủy diệt *“Đám dân đen chẳng thông, chẳng hiểu sẽ bị diệt vong”* 4:14b).

Trong khi đó họ vẫn nghĩ họ là những người tôn thờ Thiên Chúa của họ (6:1-3), vẫn thề ‘nhân danh tên của Thiên Chúa (4:15) và tuyên xưng niềm tin vào Ngài (8:2), nhưng trong thực tế họ đã *“kết thân với ngẫu tượng”*, Hô-sê nói ở 4:17 và Thiên Chúa đã rút lui (5:15, *“Ta sẽ ra đi về nơi ta ngụ, cho đến khi chúng đền tội xong và tìm kiếm nhan ta...”*). Vì *“những việc chúng làm không cho chúng trở lại với Thiên Chúa của chúng. Vì chúng đã quen thói đàn điếm, chúng chẳng biết Đức Chúa là ai”* (5:4).

❖ Bạo lực

Tội ác thứ 2 tập trung vào bạo lực, Hô-sê nhắc đi nhắc lại về sự bạo lực: *“chúng đã phá vỡ tất cả ranh giới và các cuộc đổ máu nối tiếp nhau”* (4:2). Theo Hô-sê thì đây là nét đặc trưng của xã hội Israel với một lịch sử lâu dài như thế. Cuộc đâm máu gây ra bởi Giê-hu tại Git-rơ-en, được nhấn mạnh bởi đặt tên cho con trai đầu của Hô-sê (1:4), là một ví dụ trong nhiều cuộc đổ máu như vậy. một khoảng thời gian dài trong giai đoạn các Thủ Lãnh cũng đã có một cuộc chiến tàn bạo giống như ở Gíp-a (Tủ lãnh 19), và từ đó đã có nhiều cuộc đổ máu như thế này, và Hô-sê nói ngụ ý ở 10:9 *“Hỡi Israel, từ những ngày ở Gíp-a, người đã phạm tội. ngày nay vẫn chứng nào tội ấy, như thế tại Gíp-a xưa...”*. về mặt bạo lực trong xã hội Israel được biểu lộ một cách đặc biệt ở những việc làm tào bạo gây ra bởi các Thủ lãnh là những nhà lãnh đạo (7:7, *chúng đốt tiêu tan các quan tòa của chúng...”*). Rồi các tư tế cũng giết người trên đường Si-khem (6:9), và 7:1 Hô-sê nói tới tình trạng cướp bóc: nhà cửa bị phá tan hoang bởi cướp bóc. Cũng giống như những cây cỏ dại độc hại cho lúa, tình trạng lộn xộn về tình dục và bạo lực, lớn lên cùng nhau, đang đe dọa bóp ghẹt sự sống của xã hội Israel.

❖ Sự thất bại của các tư tế

Thực tế, tình trạng ở Israel không phải luôn luôn xấu, Hô-sê đã ví “*Israel vốn là một cây nho sum sê, trái trắng thật dồi dào phong phú*” (10:1), một dân tộc hùng mạnh làm những dân tộc khác phải run sợ (13:1 “*xưa kia hễ Ép-ra-im lên tiếng là nó gây kinh hoàng, nó có một địa vị cao trong Israel.*”). Vậy ai phải chịu trách nhiệm về sự xuống cấp bi thảm này của Israel như sự chung chạ tình dục bừa bãi và bạo lực, và sự suy yếu hiện tại? Bên cạnh một số sự ảnh hưởng sự giàu có làm hư hỏng (10:1), ảnh hưởng Canaan (9:10), và các vị vua, hoàng hậu không hợp pháp (5:11; 8:4), thì sự xác tín chắc chắn của Hô-sê về trách nhiệm cho sự suy đồi lan tỏa phổ biến ở Israel vào thời đó là một số tư tế nào đó.

Điều này được nhấn mạnh ở 4:1-9, ở đây hàng tư tế đặc biệt được nhấn mạnh, có thể là tư tế ở Bết-ên (so sánh với Amot 7:10-17). Hô-sê đã buộc vị tư tế đó là “*chính người đã vấp ngã ban ngay*” 4:5, vì “*người đã gạt bỏ sự hiểu biết... và quên luật của ta...*” 4:6a. Vì lý do này nên “*Ta gạt bỏ người, không cho làm tư tế của ta nữa; vì người đã quên luật của Tc người thờ, thì Ta, Ta cũng sẽ quên con cái người*” (4:6b). Với Hô-sê đây là chủ chốt, là nguyên nhân, vì những vị tư tế này đã gạt bỏ “sự hiểu biết” (“knowledge”) (Hipri: *the knowledge*) điều mà “*vì thiếu hiểu biết mà dân ta đã bị diệt vong*” (4:6).

Vì vậy, đây là cốt lõi của đoạn phân tích về sự sa sút đạo đức của dân tộc: các tư tế phụ trách các thánh điện chính thức, nhiệm vụ của họ là dạy dân sự “hiểu biết” đó về Thiên Chúa, như vậy mới có thể ngăn chặn được tình trạng sa sút đạo đức của họ, tự chính bản thân họ từ bỏ nó.

Tuy nhiên, cụ thể hơn là “*sự hiểu biết*” nào mà Hô-sê đang muốn nói tới ở đây? Có ba điều Israel chưa thực hiện được là chìa khóa của nguyên nhân: *không trung thành (no loyalty), tình yêu không chung thủy (no faithful love), không hiểu biết Thiên Chúa (no knowledge of God)*, mà chỉ có *bội thề, dối trá, sát nhân, trộm cướp, ngoại tình, áp bức, đổ máu nối tiếp nhau*. Ba điều “không” này (không trung thành, không chung thủy, và không hiểu biết Thiên Chúa) và sự vi phạm tới một “nhóm tội” về luật của 10 điều răn được coi ngang nhau.

Tóm lại: những gì Hô-sê tin đã biến mất trong xã hội của ông là sự hiểu biết thực sự về các khoản luật cơ bản trong giao ước, những điều mà từ trước tới nay đã từng hướng dẫn Israel hoặc quyết tâm sống trung thành với chúng. Và lý do chính yếu này đã không còn, vì các tư tế phục vụ thánh điện của Thiên Chúa bận rộn với việc tế lễ thay vì giảng dạy – cổ vũ một khái niệm về “ân sủng rẻ tiền,” hơn là “sự hiểu biết về Thiên Chúa” để dẫn dắt dân Người đến cuộc sống chính trực, ngay thẳng. Với Hô-sê sự thoái hóa về chức vụ tư tế này là bi kịch tối hậu của dân tộc ông, vì nó mà “*dân Ta bị diệt vong*” 4:6.

c. Niềm hy vọng cho tương lai

Vậy tương lai của Israel sẽ như thế nào? Với Hô-sê câu hỏi này rõ ràng là một nỗi lo âu khắc khoải, một sự phiền muộn tột độ, và đặc biệt là trong giai đoạn khi vợ của ông bỏ ông mà đi. Vậy không lẽ đây là cái kết – cái kết không phải cho riêng cuộc hôn nhân của ông, mà dân tộc của ông, vì cuộc hôn nhân của Hô-sê tượng trưng cho mối tương quan giữa Israel và Gia-vê Thiên Chúa của họ?

Một sự báo trước về cuộc chiến đấu của cá nhân mà Hô-sê trải qua đưa đến câu trả lời cho câu hỏi trên ở chương 11, trong một cuộc độc thoại của cảm xúc mạnh và mỹ miều. Ở chương 11 này là những gì ông hy vọng cho tương lai, niềm hy vọng này không phải phát xuất từ giải thích từ tình trạng chính trị hay xã hội, không phải bằng suy tư các truyền thống thần học, nhưng từ trực quan không trung gian liên quan tới những gì phát xuất từ bên trong bản tính của chính Gia-vê Thiên Chúa.

Ở 11:8-9, TC được mô tả là từ trong sâu thẳm lòng mình Chúa rất giận giữ, thổn thức và bối rối về việc mà dân của Chúa mãi vẫn không chung thủy, vì vậy ngài ấp ủ dự tính có thể tiêu diệt chúng khỏi mặt đất này. Nhưng Chúa đã không thể làm được điều đó, vì tình yêu của ngài dành cho Israel quá lớn lao.

Chính điều này đã tỏ ra cho Hô-sê biết rằng, sẽ có một tương lai cho dân tộc của ông. Lòng thương xót của Thiên Chúa đã chiến thắng sự giận dữ (11:9a). Trong cuộc thảm họa sắp xảy ra, Israel sẽ bị giết hại nhưng không bị hủy diệt.

Sự mặc khải này được lồng qua câu chuyện Hô-sê đi tìm lại vợ ông và tha thứ, yêu thương bà lần nữa.

*Một lần nữa, người cứ đi yêu người đàn bà
đang có tình nhân và đang ngoại tình
cũng như Đức Chúa yêu thương con cái Israel,
trong khi chúng lại quay lưng đi theo các thần khác... (3:1).*

Sự mới mẻ về việc chấp nhận lại người vợ ngoại tình (người mà theo luật thì nên bị xử tử) tương ứng một cách chính xác với sự mới mẻ về mặc khải của Hô-sê liên quan đến Thiên Chúa và tương lai của Israel. Qua cách nhìn nhận về câu chuyện của cuộc đời Hô-sê, ông đã được mời gọi công khai sự thật mới được tìm thấy. Đồng thời cuộc trải nghiệm mới với Gô-me dường như đã thúc đẩy thêm một luồng nhận thức về những gì sẽ xảy ra tiếp theo cuộc xâm lược Át-sua.

Đâu đó trong sách Hô-sê, có đề cập tới nguyên nhân dẫn tới sự tàn phá Israel được cho là một kết quả của tội lỗi và sự nóng giận của Đức Chúa. Tuy nhiên, ở chương 2 sự kiện này lúc đầu được nhìn nhận là một hành vi đặc sủng nhờ đó các nền văn hóa tự tạo

được loại bỏ (đặc biệt những gì liên quan tới tôn giáo Canaan), vì thế Israel sẽ thật sự được tự do cho một mối tương quan mới và một giao ước mới giữa Israel với Thiên Chúa thật của họ (2:16-17). Ở đây, sự tiêu diệt và sự tước đoạt một nền văn hóa là khởi đầu cho cuộc trải nghiệm sa mạc lần thứ 2 (giống trải nghiệm trước về biến cố Sinai) trong thời gian này tương quan giữa Chúa và dân Người sẽ được phục hồi, sẽ được xây dựng lại trong sự “*công minh và chính trực, trong ân tình và xót thương*”, và “*sự nhận biết Thiên Chúa thật*” của họ sẽ một lần nữa được thịnh hành trên đất nước này mãi mãi (2:21-22).

Hô-sê đã nói thế này:

*Chúng con sẽ không cầu cứu với Át-sua (At-xi-ri),
Sẽ không cậy nhờ vào chiến mã,
Cũng chẳng gọi là thần những sản phẩm tay chúng con làm ra,
Vì chỉ ở nơi ngài kẻ mồ côi mới tìm được lòng thương cảm. (14:4)*

Tc đáp lại

*Ta sẽ chữa chúng khỏi tội bất trung,
Sẽ yêu thương chúng hết tình,
Vì cơn giận của ta sẽ không còn đeo đuổi chúng (14:5).*

Tóm lại: niềm hy vọng đốt nóng trong lòng Hô-sê được đặt nền tảng qua sự nhận thức trực tiếp, mạc khải và sự xác tín đặc ân tốt độ của Thiên Chúa. Tình yêu của Thiên Chúa dành cho Israel quá lớn đến nỗi Ngài không cho phép Israel chết trên đất của riêng họ mà không có một ai nâng họ lên, như Amot đã nói: “*nàng nằm xoài dưới đất, chẳng được ai nâng lên*” (Am. 5:2b). Sự phán xét sẽ phải đến, nhưng sự chuẩn bị cho ngày Israel sẽ được phục hồi lại ở trên đất của họ và hòa hợp trở lại với Thiên Chúa bằng sự hiền dịu của một người đàn ông lấy lại những cảm xúc của một người vợ bị xa cách.

Ngôn Sứ Isaiah

Sách ngôn sứ Isaiah là một trong 3 cuốn sách ngôn sứ dài nhất, bên cạnh Giê-rê-mi-a và Ê-dê-ki-en. Ba ngôn sứ này thường được cho là những “ngôn sứ lớn,” vì sách của họ dài hơn những ngôn sứ khác. Điều này đúng với trường hợp của Giê-rê-mi-a và Ê-dê-ki-en, nguyên nhân dẫn đến suy nghĩ như thế này là vì chiều dài khác thường về sự nghiệp ngôn sứ, và di sản lớn lao khác thường về các lời giảng dạy và nhiều câu chuyện họ đã để lại. Tuy nhiên, đây không đúng với Sách ngôn sứ Isaiah. Chiều dài sách Isaiah là một sản phẩm của sự ảnh hưởng Isaiah bởi các thế hệ tiếp hậu và cách những người gìn giữ các lời sấm của ông và đã bổ sung vào các lời khác từ các hậu tiên tri. Hay nói cách khác, không phải một mà hơn một ngôn sứ nói trong cuốn sách này – điểm này sẽ trở nên rõ ràng khi chúng ta tìm hiểu về toàn bộ sách ở phần tiếp theo.

1. Sách ngôn sứ Isaiah

Cách tốt nhất để tiếp cận với sách ngôn sứ Isaiah là đỡ từ từ, và chú ý các đầu đề. Đầu tiên chúng ta thấy ngay câu đầu đề ở chương 1:1 “*Thị kiến của Isaiah, con ông A-môc liên quan đến Giu-đa và Giê-ru-sa-lem...*”. Những lời tương tự lại xuất hiện ở 2:1. Có thể, các nhà biên soạn cuối cùng của sách đã thấy chúng có sẵn như vậy và quyết định chọn chúng làm đầu đề cho toàn bộ sách. Họ mô tả đặc điểm của tuyển tập này là “thị kiến” hoặc mạc khải mà Isaiah “*đã được thấy, liên quan đến Giu-đa và Giê-ru-sa-lem, dưới thời các vua Ut-di-gia, Giô-tham, A-khát, Khit-ki-gia cai trị Giu-đa*” (1:1).

Đỡ những trang tiếp theo, chúng ta chú ý tới các phân đoạn về nội dung và các thể loại văn khác nhau (ví dụ các hồi ký và giai thoại ở 6:1-8:20 rất nổi bật), nhưng sau đầu đề của nhà biên soạn ở 2:1 thì không còn đầu đề nữa cho tới 13:1 “*Lời sấm về Babylon, điều ông Isaiah, con ông A-môc đã thấy,*” được tiếp tục trong mười chương (từ chg. 13-23) bởi những đầu đề tương tự nhau như tới “các dân ngoại” (14:28; 15:1; 17:1; 19:1; 21:1, 11,13; 22:1; và 23:1; và cả nghi chú về câu chuyện của ông ở ch. 20). Nhưng từ chương 24 về sau không có đầu đề như thế này nữa trong suốt 42 chương. Nhưng nếu chúng ta muốn phân chia thêm các phân đoạn, cần phải dựa chặt chẽ vào sự phân tích về các thể loại văn và nội dung.

Có một phân đoạn khác thường là trình thuật mở rộng hơn về lịch sử ở Isaiah 36-39. Nó khác thường vì phân đoạn này gần giống với 2 Vua 18:13-20:19, và có thể được copy từ đây. Trên thực tế, những chương này được cho là đã từng phục vụ như một phụ lục lịch sử cho một phiên bản trước của Isaiah (nghi chú: một số chương ở sách 2 Vua 24-25 cũng được sử dụng theo cách như thế này để kết thúc sách ngôn sứ Giê-rê-mi-a ở chương 52).

Tìm hiểu thêm những chương tiếp theo ở Isaiah 40-66 có thể khẳng định với chúng ta giả thiết này. Ở phân đoạn này chúng ta thấy không có sự liên quan nào tới Isaiah 1-39. Hơn thế nữa, như đã thấy ở đầu đề của sách (1:1), chương 1-39 nói về cuộc sống của người Giu-đê-a ở Jerusalem vào cuối thế kỷ thứ 8, trong khi đó tác giả của những chương tiếp theo, chương 40 trở về sau thì lại đang sống ở Babylon (43:14) vào thời điểm Jerusalem đã bị phá hủy (64:9-11), và nhà lãnh đạo Ba-tư, vua Ky-rô đang hành quân (44:28; 45:1). Biến cố này đã diễn ra ở thế kỷ thứ 6 (546), hai thế kỷ sau nhưng sự kiện này được ám chỉ ở Isaiah 1-39. Nói một cách khác, ngôn sứ của chương 40-66 chắc chắn là một người khác, không phải là ngôn sứ ở thế kỷ thứ 8 của Isaiah Jerusalem.

Phân tích cẩn thận hơn về *nội dung* của những chương này sẽ cho thấy sự khác biệt giữa chương 40-55 và 56-66. Đa số các nhà kinh thánh cho rằng chương 40-55 là của một ngôn sứ đã sống ở Babylon ngay sau hậu quả của phong trào đầu tiên về cuộc chinh phục của Ba tư ở vùng này vào năm 546. Tên của ngôn sứ không còn được biết tới nữa, vì các

lời tiên đoán của ông đã được nhập vào với ngôn sứ Isaiah thế kỷ thứ 8 về Jerusalem, các nhà kinh thánh đề cập tới ông là “Isaiah thứ 2”.

Còn chương 56-66 dường như suy tư về hoạt động của một ngôn sứ khác nữa, mặc dầu thông điệp của ông gần giống với “Isaiah thứ 2”. Và bây giờ ông không còn ở Babylon, nhưng sống giữa những người đã trở về trên đất Israel khi Ba tư đã chinh phục được Babylon năm 539 và giải phóng những người bị giam giữ ở đó (56:8). Isaiah 64:9 nói rằng vào thời đó ông đã sống tại một vùng thuộc Giê-ru-sa-lem vẫn còn là “*chốn hoang tàn*”, nhưng những vùng đất này là nền móng để xây dựng lại đền thờ (66:1). Điều này cuối cùng đã thực hiện vào năm 515 tCn (Ét-ra 6), vì vậy, sứ mệnh của ông cần được truy lại giai đoạn của sự kiện này. Một lần nữa, tên của ông cũng không được biết tới và được đặt cho là “Isaiah thứ 3.”

Qua những gì đã được tìm hiểu ở trên đã nảy ra một đề nghị rằng, sách ngôn sứ Isaiah được lưu giữ di sản không phải của chỉ một nhân vật, mà là của ba nhân vật ngôn sứ chính, mỗi nhân vật sống và hoạt động vào các giai đoạn khác biệt nhau.

Lược đồ về 3 Cuốn Sách của Isaiah:

Cuốn thứ 1	Cuốn thứ 2	Cuốn thứ 3
Các thông điệp của Isaiah về Jerusalem	Các thông điệp của một ngôn sứ vô danh ở Babylon	Các thông điệp của một ngôn sứ vô danh khác ở Giu-đa
740-700	546-538	537-520
chương 1-39	chương 40-55	chương 56-66
Isaiah thứ nhất (phần thứ nhất)	Isaiah thứ hai (phần thứ 2)	Isaiah thứ ba (phần thứ 3)

Chúng ta chỉ tập trung vào cuộc đời và thông điệp của Isaiah thứ nhất (chg. 1-39), còn Isaiah 2 và 3 thì sẽ học sau vì họ hoạt động vào các giai đoạn khác.

Isaiah 1: Chương 1-39

Ở phần thứ nhất của sách Isaiah (1-39) được cho là của Isaiah Jerusalem đề cập ở 1:1, tuy nhiên không phải mọi lời ở phần này đều được cho là của Isaiah. Nó được chia làm 3 phần chính: chương 1-12: gồm những thông điệp quan trọng và đầu tiên của Isaiah; chương 13-23 là một tuyển tập các lời sấm về các dân ngoại; chương 36-39 là phụ lục lịch sử; vậy chương 24-35 thì sao?

➤ Chương 1-12, các thông điệp quan trọng và đầu tiên của Isaiah, có vài nét đặc trưng cần được chú ý:

1. Cách diễn tả cá nhân về ơn gọi của ngôn sứ Isaiah.
2. Tuyển tập các sấm ngôn và các tường thuật về các hoạt động của ông vào giai đoạn chiến tranh Sy-ri-a - Ép-ra-im (6:1-9:6). Tuyển tập này được lồng vào giữa tuyển tập về các lời chỉ trích và cảnh báo của ông (xem 5:25. Và những lời này lại được lặp lại ở 9:7-10:4).

Tuyển tập độc lập
được lồng vào

Chương 1	2:1-4:6	5:1-23	6:1-9:6	9:7-10:4	10:5-34	11-12
Dẫn nhập	Các sấm ngôn đầu tiên	cảnh báo	sấm ngôn trong giai đoạn cuộc chiến Xi-ri Ép-ra-im	cảnh báo	At-xi-ri	giai đoạn mới

➤ Chương 24-35 như thế nào?

1. Chương 24-27 được thêm vào sau vì tập trung vào khái huyền (cánh chung), một viễn cảnh khác biệt với quan điểm của Isaiah thứ 1.
2. Chương 34 và 35 cũng được thêm vào sau vì nhắc chúng ta nhớ lại các thông điệp của Isaiah thứ 2.
1. Chỉ chương 28-33 có những thông tin có thể đối chiếu được với những gì ở chương 1-12. Những chương này có thể có nguồn gốc từ giai đoạn sau về hoạt động của Isaiah.

Vậy, nếu chúng ta muốn nghiên cứu và hiểu về cuộc đời, các hoạt động và các thông điệp của Isaiah Jerusalem của thế kỷ thứ 8, thì tập trung vào 3 phần này: chương 1-12, 13-23, và 28-33. Sự phân tích của chúng ta về Isaiah thứ 1, chg. 1-39, có thể được minh họa qua sơ đồ sau đây:

một phần của Isaiah	một phần của Isaiah	được thêm vào sau	một phần của Isaiah	được thêm vào sau	phụ lục lịch sử
1-12	13-23	24-27	28-33	34-35	36-39
Giai đoạn	Các lời sấm		Giai đoạn		

đầu	về dân ngoại		sau		
-----	--------------	--	-----	--	--

Tuy nhiên, không phải tất cả những lời tiên tri của chương 1-12; chg 13-23; và chg 28-33 đều được Isaiah Giê-re-sa-lem viết ra. Nhiều nhà chú giải cho rằng những đoạn sau đây được thêm vào sau:

- a) 12 chương đầu (1-12): 2:2-5; 4:2-6; 11:10-16 và toàn bộ chương 12.
- b) Ở chương 13-23: các lời sấm phản đối Babylon (13:1-14:23; 21:1-11) và Mo-áp (15:1-16:14), cũng như các lời sấm về Ai-cập và Tia (19:16-25; 23:5-11, 15-16).
- c) Ở chương 28-33: 28:5-6; 29:17-24; 30:19-26. Chương 32 và 33 có thể là hỗn hợp của lời Isaiah và các môn đệ của ông.

Như vậy, Sách ngôn sứ Isaiah cho thấy là một nghệ thuật lắp ghép rất phức tạp về các lời và các trình thuật tiên tri, phát sinh ra từ truyền thống liên tiếp về hoạt động của các ngôn sứ và mở rộng thời kỳ của các thế kỷ. Tuy nhiên, truyền thống này rõ ràng vẫn giữ được điểm gốc của nó về cuộc sống riêng biệt độc nhất đích xác của thế kỷ thứ 8 tCn. Tại sao lời của Isaiah lại được tiếp nhận, gìn giữ và phát triển theo cách như thế này? Câu trả lời được ngụ ý ở 8:16-18.

2. Ngôn sứ Isaiah

❖ Tên “*Isaiah*”, trong tiếng Hipri, được kết hợp bởi 2 từ. “*Isai*” có nghĩa “cứu” hay “cứu chuộc” và “*ah*” là tên của Thiên Chúa được viết theo công thức ngắn “*Yah*” (tên đầy đủ *Yahweh*). Kết hợp 2 từ lại có nghĩa là “Thiên Chúa cứu chuộc” hoặc “Thiên Chúa là đấng cứu độ” (*Yahweh saves or Yahweh is salvation*). Cha của Isaiah là “Amoz” và ông thường được nhắc tới là “Isaiah con ông A-môc” (1:1; 13:1; 20:2; 38:1).

❖ Isaiah sống và hoạt động ở Jerusalem, là thủ đô của vương quốc Giu-đa. Jerusalem là mục tiêu của hầu hết những lời chỉ trích, cảnh báo, và niềm hy vọng của Isaiah (ví dụ 1:21-28). Isaiah biết rất rõ các vua thuộc dòng dõi David ở Jerusalem (xem ch. 7 và 28-31). Đền thờ Jerusalem là cơ sở cho thị kiến sụp đổ và điều đó đã dẫn dắt Isaiah đi vào hoạt động ngôn sứ (chg. 6). Số phận của thành này và đền thờ là mối quan tâm chính của Isaiah ngay từ đầu sứ mạng ngôn sứ của ông (xem ch. 7 và 8) cho tới cuối (xem chg. 36-39).

Bối cảnh của Jerusalem là điểm quan trọng làm cho Isaiah khác với A-môt và Hô-sê. A-môt là người Giu-đa, nhưng ông sống cách xa về phía nam Jerusalem giữa những người chăn cừu tại Tơ-cô-a. còn Hô-sê sống ở Israel, vương quốc miền bắc. Cả 2 không đề cập tới Jerusalem là điểm quan trọng đặc biệt hoặc riêng biệt nào của nó về tôn giáo, chính trị hay bất cứ điều gì. Họ chỉ tập trung vào Israel, được coi như một dân tộc hợp nhất, hoặc tập trung chính yếu vào vương quốc miền bắc và các nơi thờ cúng ở Bết-Ên và Gíp-gan.

Khi họ nói về lịch sử của dân họ, họ ám chỉ cuộc xuất hành từ Ai-Cập, giao ước Si-nai, và quà tặng đất hứa Canaan, chứ không nói tới những truyền thống liên quan tới Jerusalem.

Isaiah cũng nhìn Israel là một dân tộc hợp nhất (1:3) và nhận thức được các nguồn gốc xuất hành của nó (10:26). Nhưng những điều này với ông không quan trọng bằng việc Jerusalem đã được tuyển chọn để thực hiện chương trình của Thiên Chúa cho Israel và cho thế giới. với Isaiah và những người đương thời với ông, Jerusalem không như những thành khác với một điều:

Thiên Chúa đã chọn Jerusalem làm nơi Người ngự trên mặt đất này. Và điều này đã xảy ra sau khi David dành lại Jerusalem và làm nơi cho Chúa ngự (2 Sam 5:6-12; 1Sam 4-6; 2 Sam 6). Thánh vịnh 132: 13-14 khẳng định rằng không phải David chọn, mà chính chúa đã “chọn Xi-on”: (xem Tv 132: 13-14)

Chính vì điều này mà Jerusalem được cho là “*thành của Thiên Chúa*” (Tv 46:4), là một nơi trên mặt đất này Thiên Chúa được gần gũi và có thể tiếp cận được với dân của ngài (1 Vua 8:30-53; Tv. 48:2-3).

Và một lý do khác nữa để thấy Jerusalem khác biệt: Thiên Chúa đã chọn dòng dõi David để trị vì Jerusalem đến muôn đời (2 Sam 7:4-16; 23:5). Vì vậy mỗi vua kế vị vua David thì lời hứa này mang ý nghĩa rằng Thiên Chúa là cha của vua và vua là con trai (thái tử) của Thiên Chúa (Tv. 89:26). Theo tiêu chuẩn này, tất cả các vua được mời gọi sống công chính, đại diện Thiên Chúa và mang quyền bá chủ của Người trên mặt đất “*từ biển này qua biển nọ, từ Sông Cả đến tận cùng cõi đất*” (Tv. 72:8). Tuy nhiên, các vị vua này không được quên tiêu chuẩn này và làm những điều sai trái khác, họ sẽ bị trừng phạt (xem Tv 89: 30-33). Tuy nhiên, những sai phạm đó sẽ không bao giờ đánh bại được các mục tiêu của Thiên Chúa. Khác với giao ước Si-nai, giao ước của Thiên Chúa với Xi-on và với Da-vít là mãi mãi. (Xem Tv 89: 3-4 và 132: 13-14a)

Hai niềm xác tín này (sự chọn lựa của Thiên Chúa về Xi-on và triều đại David) là các điểm chủ chốt về “*thần học Jerusalem*” và cũng là thần học của Isaiah. Với ông, Jerusalem khác biệt và thánh thiêng nhất vì Thiên Chúa ngự trị ở đó “*tại núi Xi-on*” (Is 8:18). Và với ông, các vị vua cai trị Jerusalem cũng thánh thiêng vì họ thuộc dòng dõi David là người mà Thiên Chúa đã thiết lập giao ước không thể hủy bỏ (7:13-17). Hãy nhớ điều này để chúng ta có thể hiểu được các thông điệp của Isaiah một cách cụ thể hơn. Ông không chỉ là Isaiah con ông A-môc, mà quan trọng hơn là “*Isaiah của Jerusalem*”, là nơi ngự trị của Thiên Chúa trên mặt đất này và là nơi mà vương quyền của ngài được thể hiện qua dòng dõi David.

❖ Nghề nghiệp

Nghề nghiệp của Isaiah trước khi trở thành ngôn sứ không được đề cập tới trong sách này. Nhưng ở 8:3 vợ của ông được gọi là “nữ ngôn sứ” và chính bản thân ông rất được tôn trọng và bảo vệ bởi các vua và quan chức ở Jerusalem (mặc dầu thỉnh thoảng ông vẫn chỉ trích họ rất gắt gao) đã khiến Koch nghĩ rằng Isaiah có thể là một “thầy chiêm”, giống ngôn sứ Gát, thầy chiêm của vua David ở 2Sam 24:10-25. Điều này cho thấy Isaiah là một trong những người có một vị trí trong thành Jerusalem, một người tri thức và có chỗ đứng trong cộng đồng của ông.

❖ Ôn gọi Ngôn sứ

Yếu tố quyết định trong việc Isaiah trở thành một ngôn sứ không phải là tri thức hay chỗ đứng, mà là kết quả của cuộc trải nghiệm đau đớn với Thiên Chúa, điều mà chính ông đã đau đớn ghi lại ở 6:1-13, và điều này đã xảy ra vào năm vua Út-đi-gia-hu băng hà (6:1). Trong thị kiến kinh hoàng đó ông thấy (xem 6:1-7).

Chính trong sự thức tỉnh của những sự trải nghiệm đau đớn và biến đổi này, Isaiah tiếp tục báo cho chúng ta biết rằng ông đã nghe lời mời gọi từ Thiên Chúa tới một ai đó để phục vụ ngài như một vị “ngôn sứ”, và ông đã xung phong phục vụ Chúa (6:8-9). Vì vậy, ông được sai đi để nói với dân (xem 6:9-10).

Chính những lời châm biếm này mà sự thật khủng khiếp được hé lộ trong lòng của Isaiah, điều mà đã được tiết lộ trước đây qua sự nhận biết của A-mốt trong thị kiến thứ 3 (Am 7:7-8), và trong tâm trí của Hô-sê tại sự ra đời của con ông (Hos 1:2-9). Với sự mạc khải này bây giờ cho thấy sự kiên nhẫn của TC với Israel đã đi đến tận cùng – tình trạng luân lý của dân ngài đã vượt quá việc thay đổi hay chữa lành – và kết quả là một tai họa khủng khiếp sẽ xảy ra. Một cuộc xâm lược tàn sát xảy đến và chỉ có Giu-đa sống sót. (Xem 6: 11-13)

Tóm lại, có 3 điều xác tín dường như xuất hiện trong đầu Isaiah qua thị kiến kinh hoàng đó:

- Thứ nhất, Thiên Chúa thực sự đang ngồi trên ngai vũ trụ và chịu trách nhiệm với những gì xảy ra trong đó.
- Thứ 2, tình trạng tội lỗi của dân quá lớn cho nên không còn niềm hy vọng để cải thiện trong thời gian ngắn của một cuộc xâm lược tàn phá này sắp xảy ra hủy diệt dân của ông.
- Thứ 3, thảm họa đã cận kề, nhưng đó không phải là cái kết. từ những đồng tro tàn của thảm họa này một dân tộc mới sẽ được sinh ra (6:13).

Toàn bộ sứ mạng của Isaiah đảm nhiệm là giải thích và tuyên truyền những nhận biết này cho dân.

❖ Bối cảnh lịch sử

Được gọi làm ngôn sứ trong năm vua Út-di-gia-hu băng hà, vào khoảng 740, và ông vẫn còn hoạt động khoảng 40 năm sau nữa (ch. 36-39). Chuyện gì đã xảy ra ở Jerusalem-Giuda trong 4 thập niên này và Isaiah đã liên quan tới nó như thế nào?

Ở sách A-mốt và Hô-sê cho chúng ta thấy Át-xi-ri là mối đe dọa của các nước thuộc vùng này, nhưng ở đây mối đe dọa này trở nên cận kề hơn. Từ những gì ghi lại bởi người Át-xi-ri cho thấy rằng chính vua Út-di-gia-hu, trước khi ông chết, đã can thiệp một cách liều lĩnh vào thành lập một liên minh để ngăn chặn sự lớn mạnh của Át-xi-ri vì họ đang di chuyển theo hướng tây mà dường như bây giờ không thể ngăn chặn được. Isaiah viết gì ở 5:27-29?

Điều sợ hãi nhất là sức mạnh phi thường của quân đội Át-xi-ri vây hãm và tiêu diệt các thành trì kiên cố, được xây lên để bảo vệ những kẻ xâm lược ngoại quốc. Bên cạnh đó sức mạnh và long dũng cảm chiến đấu của Át-xi-ri, các vương quốc dũng cảm khác của Palestin không chịu đầu hàng nếu chưa một lần đánh với họ. Sáu giai đoạn chính có thể tìm thấy trong bối cảnh của sự mạng Isaiah, trên thực tế, bằng cách này hay khác, cả sáu giai đoạn đều liên quan đến sự chống chọi của những dân tộc này cho sự sống sót trong mối đe dọa tiêu diệt sắp xảy ra bởi Át-xi-ri.

1) Giai đoạn thứ nhất, một sự kết hợp tấn công bởi các lực lượng của Sy-ri và Ép-ra-im liên kết với nhau chống lại Giu-đa, năm 734 (gọi là cuộc chiến tranh Sy-ri-a - Ép-ra-im). Mục đích của cuộc chiến là ép Giu-đa tham gia vào liên minh chống lại Át-xi-ri. Vua A-khat của Giu-đa thấy dự tính của họ là một sự điên rồ, nhưng ông đã quay qua giúp đỡ Át-xi-ri (dựa theo sự khủng hoảng này, Isaiah đã đối diện với vua A-khat 7:1-8:16).

2) Giai đoạn thứ 2 là sự đáp trả của Át-xi-ri với cuộc nổi loạn này ở sườn phía tây của nó. Cùng năm 734, Át-xi-ri bắt đầu lao vào xâm chiếm vùng này và Đa-mat-Syri đã bị thất bại hoàn toàn và các đường mòn lớn thuộc lãnh thổ dọc theo Israel ở các vùng đồng bằng ven biển Galile, và phía đông và đông bắc Galilee được sát nhập vào các lãnh địa của Át-xi-ri (2 Vua 15:29). Cuộc xâm lược này là bối cảnh cho lời tiên tri về niềm hy vọng nổi tiếng của Isaiah vì *“dân đang lần bước trong đêm tối”* (9:1).

3) Giai đoạn thứ 3, Epraim hoàn toàn thất bại vào năm 721 khi Át-xi-ri tấn công vào vùng này, bao vây và chiếm được Samari, và sát nhập toàn bộ miền bắc Israel vào lãnh địa của họ, và Át-xi-ri trở thành đế quốc rộng lớn. Biền cố đau thương này là những gì mà Isaiah đã từng tiên đoán, cũng giống Hô-sê, Isaiah đã cảnh báo cụ thể về sự lớn mạnh này vào một thập kỷ trước. (xem 9:7-11 và 28:1-4).

4) Giai đoạn thứ 4, ngay sau hậu quả của tại họa này, ở Giu-đa đã có nhiều cuộc cải cách về tôn giáo dưới sự lãnh đạo của vua Khít-ki-gia (2 Vua 18:1-8). Tuy nhiên, Isaiah không nói về những cuộc cải cách đó ở sách của ông, nhưng ông có thể liên tưởng tới chúng ở

chg. 36-39, ví dụ như tương quan đặc biệt của ông với các người khôn ngoan nói chung và những vị vua tốt.

5) Giai đoạn thứ 5, Một cuộc nổi dậy khác chống lại Át-xi-ri xảy ra ở Palestine năm 714. Lần này tập trung vào các thành phố ven biển Palestine của Át-đốt (ch.20)

6) Giai đoạn thứ 6, Một thập kỷ sau, Giu-da đã không còn tự mình đứng vững nữa. Giu-da cũng phải thử tham gia vào cuộc nổi dậy của họ. thời gian thuận tiện cho việc làm này cuối cùng cũng đến, năm 705 khi nhà lãnh đạo At-xi-ri, vua Sargon II chết và khởi nghĩa nổi lên toàn bộ vương quốc Át-xi-ri. Thực ra, đây có thể là mục đích của sự viếng thăm Giu-da vào thời điểm này của công sứ Babylon (xem ch. 39), vì từ một nguồn khác cho biết Babylon cũng ở trong tình trạng nổi loạn ngay sau đó.

Tuy nhiên, người kế vị Sargon là Xen-khê-rip, là một nhà lãnh đạo có nhiều thủ đoạn. sau khi tiêu diệt sự nổi dậy của Babylon, ông đã tăng cường chiến dịch quân sự chống lại Giu-da. Và cuối cùng thì 46 thành của Giu-da bị vây hãm và bị tiêu diệt, và vua Khít-ki-gia đã tự nhốt mình như con chim ở trong lồng, Xen-khê-rip đã viết như vậy. Jerusalem được tha mạng nhưng chỉ sau khi đầu hàng một cách nhục nhã bằng sự đền bù (xem 2 Vua 18:14, *Vua Khít-ki-gia sai người đến nói với vua Át-sua: “Tôi có tội, xin ngài lui binh cho, ngài bắt nộp gì, tôi cũng chịu.” Vua Át-sua bắt vua Khít-ki-gia phải nộp chín ngàn ký bạc và chín trăm ký vàng.*) - và điều gì sẽ xảy ra với Jerusalem, chúng ta sẽ nói ở phần thông điệp của Isaiah.

Lược đồ về sáu sự kiện trong sứ mạng của Isaiah:

1	2	3	4	5	6
Chiến tranh Syria-Ephraim	Sụp đổ của Đa-mat (sự sát nhập của Galilee)	sụp đổ của Ephraim	các cuộc cải cách của vua Khít-ki-gia	cuộc nổi dậy của Át-đốt	cuộc xâm chiếm của Xen-khê-rip
734*	733	721*	715	712*	701*

*Thời gian mà Isaiah hoạt động một cách đặc biệt tích cực trong cương vị là một vị ngôn sứ (7:1-8:18; 20; 28:1-4; 31; 32; 36-37).

Các hoạt động ngôn sứ của Isaiah dường như được đan xen vào nhau giữa các sự kiện chính trị trọng yếu và tôn giáo. Ông bắt đầu sứ mạng ngôn sứ vào năm vua Út-đi-gia-hu băng hà (740); hoạt động một cách đặc biệt vào cuộc chiến Syri-Ephraim (734); ông hoạt động trở lại khoảng 20 năm sau vào thời gian cuộc nổi dậy của Át-đốt (714), và tiếp tục vào cuộc xâm chiếm của Xen-khê-rip (701). Có thể ông cũng đã hoạt động công khai một thời gian ngắn trước khi sự sụp đổ của miền bắc (721).

Kết luận: Là một người dân của Jerusalem, Isaiah tự tin rằng Jerusalem là một thành khác biệt, vì Thiên Chúa đã hứa sẽ ngự trị ở đây, có đền thờ và có vua. Đồng thời ông cũng nhìn thấy thành của ông sẽ gặp nguy hiểm. Các hậu quả khủng khiếp sẽ sớm xảy ra. Cuộc xâm lược tàn phá đang cận kề và chỉ một số nhỏ có thể thoát. Những mặc khải khủng khiếp này đã biến đổi ông và thúc bách ông đi vào sứ mạng ngôn sứ.

3. Thông điệp của Isaiah

Từ khởi đầu đến cuối sứ mạng của ông, Isaiah chắc chắn rằng trong và qua các biến cố xảy ra vào thời của ông, Thiên Chúa đã ra tay “làm” (việc Người làm) và thể hiện “quyết định” của Người. Chương trình này của Thiên Chúa có nhiều lý do. Nó có nhiều ảnh hưởng đến lãnh vực chính trị. Những người có quyền lực và trách nhiệm ở Jerusalem có thể hành động bằng đúng cách nếu họ thực sự hiểu và chấp nhận nó.

Sau đây là những chủ đề bao quát mà chúng ta sẽ gặp nhiều ở sách Isaiah: 1) kế hoạch của Thiên Chúa; 2) Lý do đằng sau những kế hoạch này; 3) Tầm quan trọng của kế hoạch này vì chính sách cộng đồng. Mỗi chủ đề cần được chú trọng cẩn thận nếu chúng ta muốn hiểu Isaiah phải nói gì với dân chúng vào thời của ông.

1) Kế hoạch của Thiên Chúa

Ngay trong diễn biến câu chuyện ơn gọi ngôn sứ của ông, Isaiah đã tin rằng có một cuộc xâm lược tàn phá sẽ quét qua Giu-đa, các vùng quê và các thành của nó sẽ bị tàn phá (xem 6:11-13). Mặc dầu, đoạn này không khẳng định rõ ràng Át-xi-ri là kẻ gây ra cuộc xâm lược này, nhưng đây rõ ràng là những gì Isaiah nghĩ tới. Isaiah đã hiểu ra vì sự bành trướng về quyền lực của At-xi-ri mạnh hơn cả sự ngẫu nhiên của lịch sử. Tuy nhiên, đứng sau biến cố này là Đấng mà mắt ông đã nhìn thấy (trong thị kiến của ông) đang ngự trị trên toàn cõi đất này: là “Đức Vua, Chúa các đạo binh” (6:5b). Tuy nhiên, Át-xi-ri chỉ là dụng cụ của Thiên Chúa (10:5). Vậy, đây là lý do mà Isaiah đã đề cập tới các biến cố được bộc lộ trong giai đoạn của ông như “công việc” hoặc “quyết định” hay “công trình” của Đức Chúa (xem cụ thể ở 5:12b, 18-19; 10:12; 14:24-27; 28:21). Tất cả những biến cố này đã được sắp đặt bởi Đức Chúa với những mục đích cụ thể.

Nhưng cụ thể hơn, “*công việc*” hay “*chương trình*” đó của Thiên Chúa là gì? Câu trả lời không diễn tả hết trong một đoạn. nó có thể được ghép sẵn từng đoạn ngắn với nhau, tuy nhiên, qua nghiên cứu những gì Isaiah nói trong các sách ngôn suốt sứ mạng ngôn sứ của ông. Sơ lược về điều này cho thấy cách thức Át-xi-ri xâm chiếm Giu-đa sẽ không bị hủy diệt hoàn toàn, mặc dầu cuộc chiến chắc chắn sẽ xảy ra và tàn phá (6:13; 9:1); trọng tâm của sự chỉ trích (trước khi mọi sự bị phá hủy) thì Át-xi-ri sẽ bị thất bại (10:5-16; 14:25; 28:21; 31:8) với kết quả là Jerusalem sẽ được dung tha (31:4-6) cùng với những người còn sống sót ở đó (10:20-21; 28:16); phép lạ giải cứu này sẽ mang lại sự ăn năn, tha thứ và đổi mới đức tin (1:25-28; 28:16-22), và theo kế hoạch này thì một Jerusalem mới sẽ

xuất hiện từ đồng tro tàn của thành cũ - sẽ xuất hiện một Jerusalem trung thành, công chính như ngày xưa (1:21; 9:1-6; 11:1-9).

Khái niệm này về kế hoạch của Thiên Chúa là rất quan trọng với Isaiah, được biểu lộ qua sự kiện xảy ra ngay sau khi chúa gọi ông (Is.6) con của ông tên Sơ-a Gia-sup chào đời (7:3) (*shear-Jashup*: “A-remnant-will-return” = “một số sống sót sẽ trở lại”). “Số sống sót” ở đây nói đến những người sống sót từ một cuộc thảm họa. Sự hiện diện của người con này bên cạnh Isaiah trong sự khủng hoảng về cuộc chiến Syria-Ephraim biểu lộ một cách rõ ràng (7:1-9), Sơ-a Gia-sup đã là một biểu tượng rất đặc biệt đối với Isaiah về sự xác tín rằng cho dù Jerusalem có thể bị tấn công, nó sẽ không bị hủy diệt. Một số người còn lại sẽ sống sót một cách kỳ diệu, mặc dầu chỉ một số người sống sót.

30 năm sau Isaiah vẫn còn công bố sự thật này trong cuộc tấn công dữ dội cuối cùng về cuộc xâm lược của vua Xan-khê-ríp (xem Is. 36-37). Xuyên suốt sứ mạng của ông điều này xuất hiện như một trong những xác tín trọng tâm nhất và sâu xa nhất của ông: đó là đất nước của ông có thể đau khổ cùng cực từ các cuộc chiến vào thời của ông, nhưng bằng cách nào đó sẽ còn những người sống sót – đây có thể là sự cứu thoát không phải “bằng xương bằng thịt” (31:3), nhưng bằng “tinh thần” (31:1,3), không phải bằng sức mạnh quân sự, nhưng bởi chính Thiên Chúa. (xem 31:4-5).

Vậy, đây là kế hoạch, là chương trình của Thiên Chúa, là công việc của Người, “công việc kỳ diệu của Người...”, công trình của Người, công trình tuyệt tác (28:21). Một cuộc xâm lược của Át-xi-ri sắp xảy ra. Một cuộc phá hủy tàn ác sẽ xảy ra như một kết quả. Nhưng trước khi tất cả những điều này xảy ra, Át-xi-ri sẽ bị trừng phạt vì tội lỗi của nó (10:5-19) và những người sống sót ở Jerusalem được cứu (31:8). Và từ sự thử thách này một Jerusalem mới sẽ được sinh ra (Xem 14:24-27).

2) Lý do cho kế hoạch này

Tại sao Thiên Chúa làm như vậy? tại sao Ngài để những điều đó có thể xảy ra với Jerusalem? Ở trình thuật về ơn gọi của Isaiah, chúng ta thấy có điều gì đó sai trái ở Jerusalem. Isaiah đã kêu lên khi ông thấy thị kiến của Đức Chúa ở 6:5 rằng *“khốn thân tôi, tôi chết mất! vì tôi là một người môi miệng ô uế, tôi ở giữa một dân môi miệng ô uế.”* Sự ô uế, sự nhơ bẩn, sự xa rời Thiên Chúa là tiêu biểu về xã hội của ông, và Isaiah đột nhiên nhận ra rằng, và chính ông cũng là một phần của xã hội này.

Vậy “sự ô uế” nào Isaiah đang nói tới ở đây và kế hoạch nào của Thiên Chúa (cuộc xâm lược của Át-xi-ri và sự giải cứu kỳ lạ của “những người sống sót” ở Jerusalem) liên quan như thế nào tới vấn đề này?

Một bản sơ lược trả lời cho 2 câu hỏi này được đưa ra ở các thông điệp tập hợp ở chương 1. Ở đây Jerusalem được ví như Xơ-đôm và Gô-mô-ra (1:10), và được miêu tả như một

cộng đồng phản nghịch (1:2). Tại sao? Vì chúng ta được kể lại ở 1:10-17, dân của thành này đã không ngừng tham gia vào việc phụng thờ Thiên Chúa theo hành động ngông cuồng của việc tế lễ động vật mà Ngài không thích, trong khi đó lại bỏ bê những gì Người thực sự muốn ở họ: đừng làm điều ác, hãy tập trung làm điều thiện, tìm kiếm lẽ công bằng, sửa phạt người áp bức, xử công minh cho cô nhi và biện hộ cho quả phụ.

Điều gì đã làm nên những tình trạng này ở Jerusalem, đã có một thời Jerusalem trở nên khác thường: “*Đô thị xưa kia vốn chính trực, vốn là nơi ngự trị của đức công minh...*” (1:21). Có lẽ ông đang nói tới thời vua Út-đi-gia-hu, hoặc David. Với Isaiah, giai đoạn chuẩn mực trong cuộc sống của Israel không phải khi rời khỏi Ai-cập hay thời ở sa mạc núi Si-nai, nhưng là thời bắt đầu cuộc sống ở Jerusalem. Nhưng bây giờ mọi thứ không còn như xưa nữa (xem 1:22-23).

Sự tham lam vô kỷ luật như thế này ở Jerusalem (được bao phủ bởi vẻ bên ngoài mỏng manh của lòng đạo đức) là nguyên nhân của các biến cố thảm họa sắp xảy ra, Isaiah đã tuyên bố như vậy. Riêng chương này (Is.1) những gì được nói tới ở đây là các hành động mà kết quả của chúng sẽ tương tự với việc tẩy sạch gỉ sét “*như người ta lấy muối luyện kim*” (1:25). Isaiah muốn nói “*quân phản loạn và phường tội lỗi sẽ cùng bị đập tan, những kẻ bỏ Đức Chúa đều phải tiêu vong*” (1:28), Chúa nói, sau điều này “*Ta sẽ cho các thủ lãnh của ngươi nên giống như hồi trước, và các cố vấn của ngươi tựa như ban đầu,*” sau đó “*ngươi sẽ được gọi là Thành phố của đức công minh và Đô thị trung tín*” (1:26).

Như vậy, nhìn chung, đây là vấn đề “tại sao” chương trình của Thiên Chúa mà Isaiah đã nhìn thấy. Ông tin rằng, qua thử thách của cuộc xâm lược Át-xi-ri và điều kỳ diệu của sự cứu thoát thì có một vài cải cách sẽ xảy ra với dân thành Jerusalem. Họ sẽ được tẩy rửa bằng lửa như Isaiah đã được Thiên Chúa thanh tẩy bằng hòn than hồng vào thời điểm Thiên Chúa kêu gọi ông (6:6-7). sự ngạo mạn của họ sẽ bị tiêu tan, những kẻ phản nghịch và tội lỗi sẽ bị hủy diệt (1:28), các thủ lãnh và cố vấn sẽ được phục hồi như ngày trước (1:26). Theo chương trình này sẽ có một một Jerusalem mới tồn tại.

Những thông điệp còn lại của Isaiah, mô tả sơ lược về chương trình này được mở rộng ở 2 điểm đặc biệt:

- Ở chương 2-5 chúng ta biết chi tiết hơn về những sự *hỗn loạn* ở Jerusalem là mục tiêu của cuộc xâm lược này.
- Ở 3 đoạn đáng chú ý: 9:1-6, 11:1-9, và 32:1-8, là một mô hình về *lãnh đạo* đã được phác họa mà Isaiah hình dung như sự hồi sinh ở Jerusalem sau hậu quả của thảm họa.

Những đoạn này đáng ghi nhớ và khiêu khích về sự nghiệp ngôn sứ của ông hơn. Cho nên chúng ta tìm hiểu kỹ hơn những đoạn này để có được cái nhìn tổng quát của Isaiah về kế hoạch của Thiên Chúa:

a) Tội lỗi của Jerusalem (2:6-5:25)

Có một ý từ 2:12-17 cho thấy Isaiah đặc biệt lo lắng về thái độ kiêu ngạo phổ biến giữa các các cấp lãnh đạo Jerusalem. Trong bối cảnh này là sự phát triển chính trị ở Giu-đa ngay trước khi cuộc xâm lược của Át-xi-ri. vào thời điểm đó, ở đây đột nhiên xuất hiện một sự phồn vinh giàu có ở vùng này (xem Is 2:6-8). Thông thường với sự sung túc giàu có con người trở nên tham lam và đánh mất sự tôn trọng lẫn nhau, và Isaiah đã thấy điều này chỉ trở nên tồi tệ dần.

*Dân chúng sẽ ức hiếp lẫn nhau,
Người thân cận ức hiếp người thân cận;
Nhãi con hỗn láo với ông già,
Đứa vô lại hỗn láo với người quyền quý (3:5).*

Gây đau khổ đặc biệt cho Isaiah là sự vinh vang và kiêu kỳ của phụ nữ thuộc giới thượng lưu nào đó (3:16-24; 32:9-13) và sự thống trị của họ về giới trẻ vinh vang như nhau. “*Ta sẽ đặt bọn nhãi con làm người chỉ huy chúng, và lũ trẻ ranh làm người cai trị chúng*” (3:4). “*kẻ ức hiếp dân Ta là một đứa trẻ con, những kẻ cai trị nó lại là đàn bà*” (3:12) – đây có thể đang nói tới Giô-tham và A-khát là những người cai trị Jerusalem sau bị kịch nhiễm bệnh phong hủ của cha là vua Út-di-gia-hu (bệnh mà đòi buộc ông phải giam mình trong phòng ngủ của ông, xem 2 Vua 15:5).

Sự suy đồi của Jerusalem được phân tích thêm ở một chuỗi lời nguyên mạnh mẽ với từ “khốn thay” ở 5:8-24 và 10:1-4. Những tội ác của tầng lớp thượng lưu giàu có và quyền lực về kinh tế được kể ra ở các ví dụ mở đầu và kết thúc này. Họ bị kết tội tham lam mua nhiều nhà và ruộng đất (5:8), để làm được như vậy nhờ hoàn toàn vào hối lộ, đồng nghĩa với việc làm thiệt hại cho người khác (5:23; 10:1). Chính những nhóm người này đang làm chủ ở Jerusalem mà Isaiah đang nói tới họ ở những câu tiếp theo. Ở 5:11-12 những bữa tiệc chè chén quá mức được đề cập, và ở 5:18-19 những hành động bất chấp đạo lý tôn giáo. Họ đã thiếu tất cả sự phân định luân lý đạo đức, gọi “*cái tốt là cái xấu, cái xấu là cái tốt*” (5:20); họ tự cho mình là khôn ngoan và thông minh, là anh hùng rược (5:20-21). “*khốn thay những anh hùng tửu lượng, những tay vô địch nghề pha chế rượu nồng*” (5:23).

Chính những người này mà Isaiah đã viết lên bài ca nổi tiếng về vườn nho ở 5:1-7, vì là những người đứng đầu “nhà Israel” và “người xứ Giu-đa” (5:7) họ là nhưng người Thiên Chúa mong đợi “lẽ phải” (*mishpat*) và “công bình” (*tsedekah*), nhưng họ lại trở thành

những kẻ phạm tội bất công và gây nên sự đau khổ cho người khác. Chính những lời nói và hành động của nhóm người này “*chống lại Đức Chúa, phản loạn trước tôn nhan vinh hiển của Người*” (3:8b). Chính họ phải chịu trách nhiệm trước sự sụp đổ của Giu-đa và Jerusalem (3:8a). Vì vậy, họ là mục tiêu của cuộc xâm lược sẽ quét qua đất nước này như một trận lũ quét sạch tội lỗi của nó (8:7-8).

b) Một thể hệ lãnh đạo mới

Isaiah đã không tuyệt vọng về giới lãnh đạo vào thời của ông, ông đã hy vọng cuộc xâm lược sắp tới không những hạ thấp và thanh lọc những nhà quyền lực hối lộ hiện tại, mà còn tẩy sạch cả căn nguyên cho sự phục lâm về một giới lãnh đạo mới, và đây là điều ông đã nhìn thấy trước và cũng là một phần trong kế hoạch của Thiên Chúa.

Có 2 đoạn Isaiah phác họa về mô hình người lãnh đạo ở 9:1-7 và 11:1-9. Cả 2 mô hình rất quen thuộc với Kitô giáo như các lời tiên tri về “Đấng Cứu Thế” báo hiệu sự xuất hiện của Đức Giê-su Nazaret vài thế kỷ sau. Các nhà chú giải hiện đại nghiên cứu để hiểu hai đoạn này, trước hết, có sự liên quan trực tiếp với các giai đoạn và sứ mạng của chính Isaiah.

Cả 2 bản phác họa này nói lên sự mong đợi một vị vua mẫu mực ngồi trên *Ngai của David* và “*lãnh đạo vương quốc của ngài*” (9: 6, 11:1) – một vị lãnh đạo là người thực sự có thể làm những gì mà các vua thuộc dòng dõi David phải làm: “*không xét xử theo dáng vẻ bề ngoài,... nhưng xét xử công minh cho người thấp cổ bé miệng và phán quyết vô tư bênh kẻ nghèo trong xứ sở*” (11:3-4; 9:6). Dường như Isaiah tin rằng người tái hiện trên ngai của David có thể sẽ xuất hiện sớm. Ông đã miêu tả vị vua này ở 9:2-6 và được giới thiệu ở 9:1 bởi sự liên quan đến cuộc xâm lược của Át-xi-ri năm 734 khi các vùng miền bắc của Zebulun và Naphtali bị chiếm đoạt và được sát nhập vào triều đại Át-xi-ri. Nhưng cái ách đàn áp này của Át-xi-ri sẽ được tháo cởi (9:4) và điều này khá rõ ràng là sự bố trí về một đoạn thơ nổi tiếng của ông miêu tả về người con trai được sinh ra, người sẽ hiện thân các đặc tính tốt nhất của vương quyền David (9:6). Hay nói một cách khác, những gì Isaiah đang hy vọng về một “mầm mới” từ gốc rễ Giê-sê (11:1) điều này có thể xảy ra ngay sau sự khủng hoảng của Át-xi-ri – đó là, sự tái lâm của một vị vua thuộc dòng dõi David trên ngai vàng của ông ở Jerusalem, là người sẽ có tất cả các ưu phẩm của những vị vua thánh thiện đang được mong đợi, và là người có thể mang đến sự công chính và bình an, cái mà từ trước đến nay đã bị thiếu vắng (11:5-9; 9:6). Lời tiên tri về “Immanuel” nổi tiếng của Isaiah ở 7:13-17 cũng liên quan đến sự mong đợi này (chúng ta sẽ nói thêm về điều này sau).

Tóm lại, vậy tại sao Thiên Chúa lại đem người Át-xi-ri đến để tiêu diệt Giu-đa trước khi chính họ bị tiêu diệt? là để làm cho giới lãnh đạo ngạo mạn của Giu-đa trở nên khiêm tốn, để tẩy sạch tội lỗi của những người sống sót ở Jerusalem, để chứng minh rằng Chúa là

Thiên Chúa thật, và để dọn đường cho sự phục lâm của một cương vị lãnh đạo mới, công chính hơn, thánh thiện hơn và một cộng đoàn sống giữa những người sống sót qua những thử thách này.

3) Các hậu quả chính trị về chương trình này

Như đã nói ở trên, kế hoạch của Thiên Chúa mà Isaiah đã nhìn thấy, có liên quan rất lớn đến không những các vấn đề xã hội và tôn giáo, mà còn cả chính sách cộng đồng. Isaiah tin rằng những người trong cương vị lãnh đạo là người thực sự hiểu những gì Chúa đang làm sẽ hành động dựa trên những đường lối cụ thể nào đó.

Ông có lời khuyên gì về khía cạnh này?

Từ đầu đến cuối Isaiah tin rằng chính Thiên Chúa là sức mạnh tối cao đứng sau sự nổi dậy của Át-xi-ri và cuộc xâm chiếm của họ ở Israel, vậy chỉ là điên rồ khi cố gắng ngăn chặn điều này xảy ra bằng sức mạnh của vũ khí hoặc các khối liên minh. Thay vào đó, điều được mời gọi ở đây là sự thanh thản nội tâm và niềm tin tưởng vào Thiên Chúa (30:15) điều này sẽ dẫn tới sự hoán cải và niềm tin tưởng vào chỉ một mình Thiên Chúa là Đấng sẽ giải thoát họ (31:4-6). Vậy đến khi nào cuộc xâm lược của Át-xi-ri chắc chắn xảy ra. Nó phải xảy ra, vì Át-xi-ri hành động không phải tự mình họ, mà là dụng cụ của chính Thiên Chúa chống lại “một dân tộc vô luân” (10:5-6). Đường hướng canh tân tinh thần và sự sống còn của dân tộc không phải dựa vào sức mạnh quân sự, nhưng “*sự cải tâm và sống yên bình*” và “*điềm tĩnh và tin tưởng*” (30:15).

Đó chính là những gì Isaiah nghĩ tới khi có tin báo ở Jerusalem rằng sự hợp sức giữa Syri và Ephraim (năm 734 vào giữa chiến tranh Syro-Ephraim) đã được chuẩn bị ở sát miền bắc, sẵn sàng để xâm lược Giu-đa. Chính ngay sau đó, (dựa vào một chuỗi các đoạn đáng chú ý, bắt đầu ở 7:1,2) – tại thời điểm khi dân Jerusalem lo sợ (7:2) - Isaiah được Thiên Chúa sai đi cùng với con trai ông là Sơ-a Gia-súp đến gặp vua A-khát và thử thách ông với một thông điệp. Như đã nói ở trên, tên con trai của Isaiah Shear-Jashub (Sơ-a Gia-súp) có nghĩa là “một số người sẽ sống sót” và một cách mạnh mẽ tượng trưng cho niềm tin của Isaiah là trong cuộc xâm lược đó sẽ có một số người thoát chết để trở thành các thành phần của một cộng đoàn mới và tốt hơn, được lãnh đạo bởi một vị vua thực sự công chính thuộc nhà David.

Thông điệp mà Isaiah được sai đến với vua A-khát trong lúc rất căng thẳng này đơn giản là “hãy bình tĩnh” và đừng sợ, hoặc cũng cố tinh thần bằng những từ “*đừng sờn lòng trước hai cái đầu que cui chỉ còn khói đỏ*” (A-ram và Ephraim) là hai nước đang đe dọa xâm lược Giu-đa và hạ bệ ông. “*Đức Chúa là Chúa Thượng phán thế này: chuyện đó sẽ không xảy ra*” (7:7). Và lý do đơn giản là: họ là con người chứ không phải Thiên Chúa (7:8-9; 31:3). Mục đích của họ là xâm lược Giu-đa và thành lập liên minh để chống lại Át-xi-ri. Nhưng những kế hoạch đó của họ đã trở nên vô hiệu trước những gì Thiên Chúa đã phán quyết. Những gì Thiên Chúa đã quyết định là họ sẽ bị cuốn sang một bên vì con

lũ thủy triều của cuộc xâm lược Át-xi-ri (7:20; 8:6-7). Isaiah ngụ ý rằng, nếu các nhà cầm đầu ở Jerusalem không tin điều này họ cũng sẽ bị lũ cuốn đi (7:9b). Đây là sự thử thách của vua A-khát, đang trị vì nhà David, gạt bỏ mọi sợ hãi sang một bên và hãy để “chương trình” của Thiên Chúa thể hiện theo kế hoạch.

Nhưng vua A-khát đã không lắng nghe – thậm chí cả khi Isaiah cho ông sự chọn lựa về yêu cầu một dấu chỉ lạ để có thể khẳng định sự thật về những gì Isaiah đang nói (7:10-12). Sau đó chính Isaiah đã cất lên lời hứa nổi tiếng của ông về dấu chỉ này ở 7:14.

Kitô giáo coi đây chỉ này (7:14) như một lời hứa hướng tới sự ra đời của Giê-su Nazareth, rõ ràng từ bối cảnh này rằng khởi đầu Isaiah đã có suy nghĩ một hài nhi sẽ sớm được sinh ra, vì ông đã nói thế này:

*Vì trước khi con trẻ biết bỏ cái xấu mà chọn cái tốt,
Thì đất đai của 2 vua mà ngài khiếp sợ đã bị bỏ hoang.
Đức Chúa đã đem lại cho ngài, cho dân ngài, cho thân phụ ngài
Những ngày như chưa có,
Kể từ khi Ephraim tách khỏi Giu-đa... (7:16-17).*

Vậy Isaiah có thể đang nói tới ai? Tiếng Hipri được dùng ở đây để mô tả người phụ nữ mang thai và sớm sinh hạ là “thiếu nữ” (*alma* = young woman), không phải người “trinh nữ” *parthenos* (Hy Lạp), có nghĩa virgin, như ở Tân Ước Mát-thêu 1:23. Nhưng trinh nữ hay đồng trinh (virgin) trong tiếng Hipri là *betula* còn *neanis* trong tiếng Hy Lạp có nghĩa “thiếu nữ.” Không có dấu hiệu nào ở Isaiah cho rằng có thể có bất cứ điều gì khác thường hay kỳ lạ về sự sinh ra của con trẻ ở đây. Sự kỳ lạ hay “đầu lạ” muốn nói ở đây là một con trẻ sẽ sớm được sinh ra bởi người thiếu nữ sẽ được gọi là “Emmanuel,” nghĩa là Thiên Chúa ở cùng chúng ta. Nói một cách khác, con trẻ được sinh ra là người có tên tượng trưng cho niềm hy vọng – mặc dầu trước khi con trẻ này đủ lớn để biết, phân biệt đúng sai thì Syri và Ephraim sẽ bị tiêu diệt, và Giu-đa cũng sẽ trải qua thời gian khó khăn như chưa từng xảy ra kể từ khi Ephraim tách ra khỏi Giu-đa (7:16-17).

Vậy “thiếu nữ” và con trẻ được đề cập ở Isaiah sẽ là ai? Một số phỏng đoán rằng thiếu nữ đó có thể là hoàng hậu, vợ vua A-khát, và do đó Isaiah đang nói tiên tri về người kế vị vua A-khát sắp được sinh ra, là người sẽ làm những việc mà A-khát đã không thực hiện được - ấy là, thể hiện sự hiện diện của Thiên Chúa. Một điều khác nữa có thể xảy ra, ở đây Isaiah đang nói tới vợ của chính ông, vì ở phần đầu và phần sau của sách này tên các con của ông đều mang tính tượng trưng (7:3 “Sơ-a Gia-súp” và 8:1-4 “Ma-he Sa-lan Khát Bát”) – và trong trường hợp thứ 2 (8:1-4), tên người con sắp sinh cũng được báo trước. Hơn thế nữa, tất cả những người con này tượng trưng các yếu tố cốt lõi của Isaiah về khái niệm những gì Thiên Chúa sẽ thực hiện trong và qua cuộc xâm lược của Át-xi-ri vào giai đoạn này.

Vậy, những gì Isaiah nói ở đây là vợ của ông (người thiếu nữ) sẽ sớm sinh cho ông một người con trai khác là người mà bà sẽ đặt tên là Immanuel – một dấu chỉ không rõ ràng (như tên của người con trước, Sơ-a Gia-sup) sự xác tín của ông là trong cuộc xâm lược của Át-xi-ri sắp xảy ra, phần dân còn lại sẽ sống sót (Sơ-a Gia-sup) với những người này thì Chúa sẽ hiện diện một cách hiển nhiên (Immanuel). Thực ra, Isaiah thấy các con của ông như “các dấu chỉ và điềm thiêng cho Israel” được khẳng định rõ ràng ở 8:18 ở đây những đứa con này cũng được diễn tả là đã được ban cho ông bởi “*Đức Chúa các đạo binh, Đấng ngự trên núi Xi-on.*”

Vậy, “Immanuel” có thể là người con thứ 2 của ông và người con được đề cập ở 8:1-4 có thể là thứ 3. Lần này tên của con trẻ là một điềm báo khác biệt. Ở 8:1-2, bằng lời của chính ông và khá chi tiết, Isaiah diễn tả cách mà Chúa hướng dẫn ông công khai những lời này: “Ma-he Sa-lan Khát-Bát (8:1). Một câu sai ngữ pháp, không có nghĩa nhưng gây ra một sự lo lắng— ý nghĩa cụ thể rõ ràng hơn của nó được giải thích đầy đủ gần một năm sau, nó được làm phù hợp như tên của người con mới sinh của ông – với lời giải thích thêm rằng “*trước khi đứa trẻ biết gọi ‘cha’, gọi ‘mẹ’ thì người ta sẽ đem tài sản của Đa-mát và chiến lợi phẩm lấy ở Sa-ma-ri đến trước mặt vua Át-sua* (8:4). Nói một cách khác, giống Sơ-a Gia-sup và Immanuel, tên của con trẻ này cũng liên quan tới điều phải làm với cuộc xâm lược Át-xi-ri. Tuy nhiên, trong trường hợp này sự tập trung không phải ở trạng thái gần của cuộc xâm lược (trước khi con trẻ đủ lớn để nói được những lời đầu tiên), nhưng với mục đích cảnh báo dân ở một viễn cảnh rộng lớn hơn (không chỉ vua và đoàn tùy tùng của vua, như trước đây).

Tuy nhiên, sự hưởng ứng của dân ở Jerusalem về tuyên bố này khác với vua của họ. Những câu tiếp theo đoạn này (8:5-18) cho thấy rằng Isaiah bây giờ đã nhận thấy một khoảng cách đã được mở ra giữa ông và những người đương thời với ông. Ông không lo ngại về những gì họ sợ, không gọi là âm mưu những gì họ gọi là âm mưu (8:12). Ông và họ đã đi 2 con đường khác nhau (8:11). Với Isaiah, Thiên Chúa các đạo binh là tất cả (8:13). Với họ Thiên Chúa này cũng trở thành “một cạm bẫy” (8:14). Thông điệp của Isaiah đã không được lắng nghe và đón nhận.

Vì vậy ông đã rút lui trong thời điểm này và quyết định giữ và niêm phong “lời chứng” của ông trong “lòng” các “môn đệ” (8:16). Không còn gì để lưu luyện ngoại trừ niềm tin vào “*Đức Chúa, Đấng ẩn mặt không nhìn nhà Gia-cóp*” (8:14). Niềm hy vọng của ông bây giờ gửi gắm vào một mình Thiên Chúa Đấng “*ngự trên núi Xi-on*” (8:18) và những gì người sẽ sớm hoàn thành qua việc trừng phạt và canh tân.

Thời gian chờ đợi đã kết thúc, và thực sự nó dài hơn Isaiah đã đoán. Vì lý do là người Át-xi-ri đã không xâm lược vùng này sớm như ông nghĩ. Trong khi đó sự thực là họ đã theo

đuổi cuộc chiến Syro-Ephraim năm 734 để xâm chiếm Syri và một số vùng của Israel, vì vậy họ đã rút lui, để Ephraim và Giu-đa được nguyên vẹn về mặt chính trị. 30 năm sau Át-xi-ri quay trở lại để tiêu diệt cả Ephraim và Giu-đa (721), nhưng sau đó Giu-đa được dung tha về các cuộc tàn sát mà Isaiah đã tiên đoán.

Tuy nhiên, 7 năm sau vào cuộc nổi loạn của Át-đốt năm 714 (xem sơ lược ở trên), Isaiah lại xuất hiện trên các đường phố Jerusalem với cùng những thông điệp mà ông đã tuyên bố ở đó khoảng 20 năm trước (xem chg. 29). Để nói lên rằng sự khẳng định của ông về cuộc xâm lược của Át-xi-ri là không thay đổi, ông đi trên các con đường của Jerusalem trần truồng suốt 3 năm. Ông tuyên bố, làm như vậy dân chúng của Cút và Ai-cập có thể được giải phóng khỏi sự giam cầm bởi Át-xi-ri. và nếu như đây là số phận của những người quyền lực, thì *“làm thế nào chúng ta [người Giu-đa] có thể trốn thoát [liệu chúng ta có thể kháng lại người Át-xi-ri được không?]”* (20:6).

Tuy nhiên, không tới một thập kỷ sau nó đã xảy ra, những gì Isaiah đã tiên đoán, từ giai đoạn ông đón nhận ơn gọi làm ngôn sứ, gần 40 năm trước, hầu như đã xảy ra. Vào năm 704, khi vua Sargon II qua đời, Giu-đa chủ động nổi dậy chống lại Át-xi-ri ở nhiều nơi khác nhau. Đồng thời Babylon cũng nổi dậy (xem chg. 39). Trong bất cứ biến cố nào, sự phản ứng của Át-xi-ri, dưới một vị kế nhiệm mới rất tháo vát, Xen-kê-rip, sẽ nhanh chóng và quyết định. Babylon đã bị cầm đầu bởi Át-xi-ri và một cuộc chiến bắt đầu đứng lên chống lại Giu-đa.

Những gì xảy ra được nói đến ở Is. 36-37; 2 Vua 18:13-19:37. Sự diễn tả về chiến dịch này như một thảm họa đặc biệt. Xen-kê-rip đã bao vây và xâm chiếm nhiều thành, vùng... Tuy nhiên, một cách kỳ diệu, Jerusalem đã được dung tha và những người còn lại sống sót. Lý do không rõ ràng (những ghi chú đối lập nhau ở Is. 37:7; 37:36 và 2 vua 18:13-16), và cuối cùng Át-xi-ri rút lui, để lại Jerusalem sự nhục nhã, nhưng nguyên vẹn.

Với những biến cố đau thương này, thị kiến của Isaiah về “việc làm kỳ diệu” của Thiên Chúa đã được thực hiện. Cuộc xâm lược của Át-xi-ri đã kết thúc. Vậy, cuộc canh tân nào mà Isaiah nghĩ có thể là kết quả từ những điều này? Để kết thúc các thông điệp của Isaiah mà chúng ta đang tìm kiếm, chúng ta phải nghiên cứu thêm một đoạn khác nữa, ở đó suy nghĩ của ông về vấn đề này bị ép buộc làm mới và thay đổi ngoài mong đợi.

4) Kế hoạch bị thất bại

Qua thử thách về cuộc xâm lược thảm hại của Xen-kê-rip năm 701, lời khuyên của Isaiah trở nên có giá trị với cấp độ chưa hề thấy trước đây (xem ch. 36-37). Như chúng ta đã biết, sự mong đợi của Isaiah là cuộc xâm lược này sẽ mang lại sự thanh lọc và phục hưng ở Jerusalem (xem lại 1:25-28). Nhưng điều này xảy ra không có chứng cứ. trên thực tế, nếu sấm ngôn của Isaiah ở 22:1-14 xuất phát từ giai đoạn này, thì có thể được hiểu như là ghi lại vào lúc tuyệt vọng ở phần gần cuối của 40 năm sứ mạng của ông.

Cụ thể hơn, Is. 22:11 yêu cầu rằng vào giữa giai đoạn At-xi-ri bao vây Jerusalem, thay vì nhìn vào “*Đấng tạo thành.... Đấng làm nên mọi sự từ trước*”, dân thành Jerusalem chỉ nghĩ làm cách nào để bảo vệ thành (22:8-11), và sau đó, khi mà tất cả dường như đã mất, họ đã ăn, uống và vui chơi, và nói “*ăn đi, uống đi, vì ngày mai chúng ta sẽ chết!*” (22:13). Sau đó Isaiah đã nhận một mạc khải cuối cùng: “Thiên Chúa các đạo binh đã cho tôi nghe lời mạc khải này: “*tội này sẽ chẳng bao giờ được tha cho đến khi các ngươi chết,*” (22:14). Trong lúc này, Isaiah đi đến cùng một kết luận như Mi-ka là không chỉ có vùng địa phương Giu-đa bị tàn sát, mà cả Jerusalem cũng sẽ bị sụp đổ trước khi có thể bắt đầu lại.

Kết luận, Vậy đây là thông điệp của Isaiah Jerusalem. Vì sự kiêu ngạo, tham lam, vô trật tự và cuộc sống xã hội thiếu trách nhiệm của những người cầm đầu ở Jerusalem, Thiên Chúa đã mang cuộc xâm lược thảm hại chống lại họ. Tuy nhiên, cuộc xâm lược này sẽ đánh dấu không chỉ sự kết thúc mà cả sự bắt đầu của một kỷ nguyên mới ở Jerusalem, khi có một vị vua thực sự công chính trị vì ở đó trên ngai của David, sự công chính và trung thành sẽ được phục hồi – vì nhà xâm lược (At-xi-ri) sẽ bị trừng phạt và những số còn lại sẽ sống sót nhờ sự thử thách này để bắt đầu lại tiến trình xây dựng một thành phố công bình. Tất cả đã xảy ra, thay vì nở hoa đức tin và công chính ở Jerusalem, sự kiêu ngạo và tính hay nhạo báng của các tầng lớp lãnh đạo vẫn còn. Isaiah dường như đã kết thúc sự nghiệp ngôn sứ với sự thấu hiểu rằng các thảm họa phụ vẫn còn ở phía trước đối với thành yêu quý của ông.

CÁC NGÔN SỨ THUỘC GIAI ĐOẠN BABYLON VÀ BA TƯ

Thế kỷ thứ 7

Chuyện gì sẽ xảy ra tiếp theo? Chúng ta biết sự mong đợi Jerusalem sống sót của Isaiah thứ nhất đã trở thành hiện thực qua cuộc xâm lược của At-xi-ri. Tuy nhiên nhiều khía cạnh khác về tiên đoán của ông không thực hiện được. Không có động thái nào thể hiện sự ăn năn ở Jerusalem như đã được nói trước, nhưng Át-xi-ri vẫn giữ sức mạnh của một cường quốc nổi trội tại vùng Cận Đông cổ đại thêm 80 năm nữa. Cụ thể hơn, sau cuộc xâm lược của Át-xi-ri năm 701, qua sự sống sót, Giu-đa, Jerusalem trở nên hoàn toàn lệ thuộc vào đế quốc Át-xi-ri (lệ thuộc kinh tế, chính trị và quân sự) bây giờ được củng cố một cách vững chắc. Sự việc này được phản ánh một cách sinh động trong các chính sách tôn giáo phổ biến ở đây vào thời điểm này trong suốt 45 năm triều đại Ma-na-se (687-642) (xem Lịch sử dân TC trong CU trg.354 – 361). Theo 2Vua 21, trong giai đoạn này không những nhiều thần chiêm tinh của Át-xi-ri được phụng thờ tại sân

đền thờ Jerusalem, mà còn đặt tượng nữ thần Canaan, A-sê-ra, bên trong đền thờ (2Vua 21:7). Nói một cách ngắn gọn, trong thời điểm này, thay vì khôi phục đức tin ở Jerusalem, với đà phát triển về phụng thờ thần ngoại, về cơ bản Jerusalem trở thành thành phố tà giáo gần giống với các thành khác của vương quốc Át-xi-ri.

Với những người vẫn trung thành với một mình Gia-vê Thiên Chúa đang sống ở Giu-đa trong giai đoạn tăm tối này chắc chắn họ bối rối với khuynh hướng du nhập thần ngoại này của Giu-đa. Chúng ta có thể tưởng tượng họ đấu tranh với ít nhất ba vấn đề: 1) Nếu những gì Hô-sê và Isaiah ngụ ý về Át-xi-ri là đúng (là Át-xi-ri rồi đây cũng sẽ bị trừng phạt và đánh bại), tại sao ngày đó lại trì hoãn lâu đến vậy?; 2) Nếu những gì các ngôn sứ nói về đổi mới tinh thần của Israel là đúng, vậy khi nào ngày đó sẽ xảy ra? Và bằng cách nào?; 3) Cuối cùng, Mi-ka đã tự tin tiên báo rằng Jerusalem một ngày nào đó cũng sẽ bị hủy diệt hoàn toàn? Liệu lời tiên báo của Mi-ka là sai? Hay điều đó sẽ vẫn xảy ra?

Chúng ta phải tưởng tượng rằng, bằng cách này hay cách khác, nhiều ngôn sứ của những thế kỷ sau cũng đã có cùng thắc mắc về tình trạng này. Những đáp trả trọng yếu nhất cho những khủng hoảng đang diễn ra và đấu tranh cho sự tồn tại của Israel vào hai thế kỷ sau là Giê-rê-mia, Ezekiel, và Isaiah thứ 2 (Is 40-55). Chúng ta sẽ tập trung vào ba ngôn sứ này.

NGÔN SỨ GIÊ-RÊ-MIA

Ngôn sứ Giê-rê-mi-a hoạt động vào các giai đoạn và các biến cố hỗn độn nhất của các cuộc xâm lược và tiêu diệt Giu-đa. Cuối đời của ông, ông phải rời Jerusalem để tới Ai-cập do lệnh cấm người tị nạn đang tránh nạn ở Jerusalem (Gr 44). Đa số những người đương thời với ông đã bị trục xuất sang Babylon (Gr 52). Người Do thái bấy giờ trở thành một cộng đoàn sống rải rác khắp nơi trên thế giới. Một điều kỳ diệu là trong những hoàn cảnh như vậy nhưng mọi giữ liệu của Giê-rê-mi-a vẫn tồn tại, nếu có khác biệt chỉ là chiều dài và bề dày của sách. Bản Hy-lạp của Giê-rê-mi-a khác với bản Hip-ri không những về bố cục mà còn ngắn hơn. Vì vậy, đã có nhiều phiên bản khác nhau về sách của ông được ra đời sau kết quả sự nghiệp ngôn sứ của ông.

Trong bối cảnh như thế này cho chúng ta dễ hiểu hơn về sự thiếu bố cục của sách và đương nhiên các nhà chú giải cũng không đồng tình với nhau về các chi tiết lịch sử hình thành của sách. Sự tranh cãi đặc biệt tập trung vào nhiều đoạn tường thuật cá nhân khá khác biệt rải rác khắp sách. Vậy những đoạn tường thuật này là của chính Giê-rê-mi-a, hay của một người nào khác? Thể văn của những đoạn này gọi lại các bài giảng theo thể văn xuôi ở sách Đệ nhị luật, nhiều đoạn được cho là do các tác giả Đệ nhị luật nào đó đã biên soạn và bổ sung vào.

Vì không có nhiều thời gian nên chúng ta sẽ không tìm hiểu chi tiết về phần này. Chúng ta cũng sẽ tìm hiểu tóm tắt về cuộc đời và sứ mạng của Giê-rê-mi-a, và sau đó chúng ta sẽ tập trung tìm hiểu kỹ hơn về thông điệp của ông.

1. Ngôn sứ Giê-rê-mi-a:

Giê-rê-mi-a là con trai của tư tế Khin-ki-gia-hu ở A-na-thốt thuộc đất Ben-gia-min. A-na-thốt là một làng tư tế (Giô-suê 21:18) cách miền bắc Jerusalem 3 dặm. Tuy nhiên thần học của ông không tập trung vào thành Jerusalem như Isaiah, nhưng là tất cả các truyền thống của Israel mà chúng ta đã tìm hiểu ở Hô-sê. Vì vậy, với Giê-rê-mi-a, Jerusalem không chỉ là thành khác biệt, mà là nơi có đền thờ mang tên Gia-vê Thiên Chúa (7:10-11) ở đó. Khái niệm về việc Thiên Chúa đặt tên cho Người vào một vị trí nào, và khẳng định Người ngự trị ở đó, thì nơi đó trở thành nơi tối cao nhất cho việc phụng tự là khái niệm của Đệ nhị luật (Dnl 12:2-7). Đường như Giê-rê-mi-a có chung cùng khái niệm này với Đệ nhị luật. Tuy nhiên, với thần học Dnl về sự hiện diện và đặt tên Thiên Chúa tại những nơi thánh luôn đi kèm với điều kiện là dân phải vâng giữ các luật giao ước. Còn ở thần học Jerusalem, Thiên Chúa đã *chọn Xi-on* một cách vô điều kiện là nhà của Người đến muôn đời (Tv 132:13). Nếu dân thành Jerusalem phản bội thì đền thờ và thành sẽ bị phá hủy, Giê-rê-mi-a đã tuyên bố như vậy, như đền thánh của Yahweh ở Si-lô vừa bị phá hủy (Gr 7:12-15).

2. Bối cảnh lịch sử

Mở đầu sách ngôn sứ Giê-rê-mi-a 1:1-3 cho chúng ta biết Giê-rê-mi-a là một ngôn sứ hoạt động với chiều dài khác thường, khoảng 40 năm, từ năm thứ 13 triều vua Giô-si-gia-hu (626) tới khi Jerusalem bị phá hủy và lưu đày ở Babylon năm 586. Chúng ta sẽ tóm tắt những gì đã xảy ra trong giai đoạn cuối hỗn độn này của Giu-đa. Có 3 cuộc diễn biến chính làm nên nền tảng cho sự nghiệp ngôn sứ của Giê-rê-mi-a: **a)** Giai đoạn tăm tối của vua Mơ-na-se; **b)** Những cuộc cải cách của vua Giô-si-gia-hu; **c)** Và hậu quả bi kịch về cái chết của vua Giô-si-gia-hu, cùng với sự tiêu diệt nước Giu-đa xảy ra sau đó bởi Babylon.

a) Giai đoạn tăm tối

Vào khoảng giữa thế kỷ thứ 7 được cho là thời kỳ tăm tối của Giu-đa-Jerusalem sau cuộc xâm lược của vua Xan- khê-ri-p năm 701. Vào năm đó con trai của vua Khit-ki-gia và là người kế vị ông là Mơ-na-se đã mở toang cánh cửa Jerusalem cho sự ảnh hưởng nền văn hóa At-xi-ri. Thậm chí cho phép thờ các thần của At-xi-ri trong các thánh điện (2Vua 21). Rồi tới con của Mơ-na-se là A-mon (chỉ 2 năm) cũng vậy. ông được cho là “đã bỏ Đức Chúa” (2Vua 21:22). Tóm lại, bối cảnh trực tiếp về sứ mệnh của Giê-rê-mi-a là một thời gian gần 75 năm bội giáo chưa từng thấy, đặc biệt là những người ưu tú ở Jerusalem.

b) Nỗ lực cho các cuộc cải cách

Ở 2 Sử biên niên 34:3 cho chúng ta biết rằng, năm thứ 8 triều đại vua Giô-si-gia-hu (lúc đó ông mới 16 tuổi) ông đã bắt đầu tìm kiếm Thiên Chúa của cha ông là vua David, và năm thứ 12 ông bắt đầu làm sạch đền thờ, tức là dẹp bỏ các tượng thần ngoại giáo. Năm thứ 18 khi đang trùng tu đền thờ, họ đã phát hiện một cuốn sách luật được xác nhận là từ Thiên Chúa (2Vua 22:14-20). Họ đã đi trình lên vua và đọc cho vua nghe. Càng nghe vua càng xúc động và tỏ ra lo lắng. Vua xé áo để tỏ lòng khiêm nhượng sám hối. Ngay lập tức, vua triệu tập các kỳ mục, dân cư Giu-đa

và Jerusalem, rồi cùng với họ lên đền thờ và đọc cho cả cộng đoàn nghe. Cùng với toàn thể dân của mình, “*vua long trọng lập giao ước trước nhan Đức Chúa, cam kết đi theo Đức Chúa và hết lòng hết dạ tuân giữ các mệnh lệnh, chỉ thị và quy tắc của người, để chu toàn các khoản của giao ước được ghi chép trong sách đó*” (2Vua 23:1-3).

c) Kết thúc thất bại

Niềm hy vọng vào cuộc cải cách của vua Giô-si-gia-hu tưởng chừng cho chúng ta sự chứng kiến một cuộc chuyển biến sâu xa trong tinh thần dân tộc. Thực tế không phải vậy. Năm 612, chín năm sau cuộc cải cách Ni-ni-vê thủ đô của At-xi-ri bị triệt hạ bởi liên quân Babylon và Mê-đi. Ba năm sau đó (609) quân sự Ai-cập tham gia vào cuộc chiến ủng hộ Babylon để ép Át-xi-ri rút lui và bây giờ Babylon trở nên hùng mạnh.

Tuy nhiên, có một điều kỳ quặc xảy ra. Khi quân sự Ai-cập đang di chuyển về phía bắc, họ ngang qua lãnh thổ của Israel tại Mơ-ghi-đô. Họ không có ý gây chiến với nước Giu-đa nhỏ bé, nhưng vua Giô-si-gia-hu nghĩ đây là cơ hội để khẳng định tự trị, có lẽ ông đã tự tin rằng Thiên Chúa sẽ đứng về phía ông vì các cuộc cải cách mà ông đã làm cho nước mình. Tuy nhiên Giu-đa đã thất bại và vua Giô-si-gia-hu đã bị giết (2Vua 23:29) và Giơ-hô-a-khát được tôn lên làm vua kế vị cha.

Chín năm sau vua Xit-ki-gia-hu do bị ảnh hưởng những người cuồng tín đã coi thường bá quyền của Babylon. Năm 589 khi quân sự Babylon rà soát vào vùng này thì chính Giu-đa là mục đích cho cuộc tấn công. Sau khi họ tàn phá thành phố này tới thành phố khác thì tháng 12 năm 589 Jerusalem bị bao vây. Một năm rưỡi sau, Na-bu-cô-đô-nô-xô ra lệnh triệt hạ hoàn toàn thành phố thánh thiện này. Và Đây là cái kết của Jerusalem. Một cách kỳ diệu, Giê-rê-mia đã sống sót và được phép ở lại với Jerusalem hoang tàn và một số người còn lại (2Vua 25:22-24; Gr 40-44).

3. Ôn gọi ngôn sứ của Giê-rê-mi-a

Chính vào lúc tối tăm của những sự kiện hỗn độn này, bốn năm trước khi vua Giô-si-gia-hu cải cách, Giê-rê-mia được Chúa gọi trở thành một vị ngôn sứ khi còn là một chàng trai trẻ. Câu chuyện ơn gọi của ông được ghi lại ở 1:4-10, suy tư về di sản tư tế (Đnl) của Giê-rê-mi-a. Ở Đnl 18:13-20 chúng ta thấy giữa các cộng đoàn tư tế họ tin rằng ở mỗi thế hệ sẽ có một người làm ngôn sứ cho thế hệ đó giống Mô-sê (Đnl 18:14-15). Thiên Chúa sẽ đặt lời của Người vào miệng người đó, và vì vậy người đó sẽ là sứ giả của Thiên Chúa cho thời đó (Đnl 18:18-19).

Giê-rê-mi-a không có thêm nghề hay việc làm nào khác ngoài sự nghiệp ngôn sứ. Thậm chí Thiên Chúa cấm ông không được lấy vợ và có con (16:1-2).

4. Thông Điệp của Giê-rê-mi-a

Bốn mươi năm sứ mạng của Giê-rê-mi-a được đánh dấu bởi các giai đoạn hoạt động mạnh liệt. Sự nghiệp ngôn sứ của ông có thể được minh họa trong 5 giai đoạn sau:

Át-xi-ri suy tàn	Babylon nổi dậy		
Năm 640	Năm 609	Năm 598	Năm 586

Triều đại Giô-si-gia-hu			Triều đại Giô-hô-gia-kim	Triều đại Xít-ki-gia-hu	
Ôn gọi của Giê-rê-mia 626	Cải cách của Giô-si-gia-hu 621	Sự đổ của Ni-ni-vê 612	Cuộc chiến tại Carchemish 605 (năm thứ 4)	Jerusalem bị phá hủy	
(1) Trước Cải cách		(2) Sau Cải cách	(3) Bốn năm đầu	(4) Khủng hoảng của Gr	(5) Giai đoạn cuối

Chúng ta sẽ lần lượt xem xét lại những gì Giê-rê-mia nói và làm trong mỗi giai đoạn này:

1) Trước cải cách của Giô-si-gia-hu (626 – 612)

Vì các lời sấm, hồi ký và chú giải được thu tập lại ở chương 1-6 phản chiếu sự bội giáo của hàng phẩm trật tôn giáo khá rõ ràng đang phổ biến khắp Giu-đa trước cải cách của vua Giô-si-gia-hu, vào khoảng thời gian đầu sự nghiệp ngôn sứ của Giê-rê-mia. Chính Giê-rê-mia đã báo cho chúng ta rằng cốt lõi của những gì ông phải nói với chúng ta trong thời kỳ hoạt động của ông được mạc khải với ông sau khi ông được kêu gọi, qua trải nghiệm của hai thị kiến (1:11-19).

Thị kiến thứ nhất (1:11-12) truyền tải sự quả quyết đơn giản rằng Thiên Chúa đang “*canh thức*” lời Người để thi hành lời đó nơi Giê-rê-mia. Giê-rê-mia báo cho chúng ta rằng, sự xác tín này đã được hé mở khi ông đang nhìn nhánh ‘*cây canh thức*’. Không lâu sau đó ông thấy ‘*một cái nổi sùng sục*,’ nội dung của nó là “*mặt nổi từ phía bắc nghiêng xuống*” (1:13), và bất ngờ tiếng của Đức Chúa phán với Giê-rê-mia “*từ phía bắc*” các nhà xâm lược sắp đến tấn công dân của ông và đưa Jerusalem vào tình trạng bị tuyên phạt, “*chúng sẽ đến, và mỗi dân sẽ đặt ngai của mình tại lối vào các cổng Jerusalem.*” Dường như tại thời điểm này, ông không biết những kẻ xâm lược này là ai, ông chỉ biết tai họa sẽ ập xuống “*từ phía bắc*” vì sự bội giáo: “*vì chúng đã bỏ Ta, đã đốt hương kính các thần khác và đã sụp lạy những sản phẩm tay chúng làm ra*” (1:16b), và Jerusalem cũng chung số phận vì điều này (1:14-16).

Điều này cho chúng ta cảm tưởng giống những cảnh báo của tai họa trước, điều mà các ngôn sứ của thế kỷ trước đã nhắc tới. Tuy nhiên, chúng ta cần nhớ rằng những cảnh báo của các ngôn sứ đó đã xảy ra vào thời xâm lược của At-xi-ri và bây giờ Át-xi-ri đã suy tàn. Hơn thế nữa, không ngôn sứ nào ở thế kỷ trước, ngoại trừ Mi-ka, đã đặt ra Jerusalem là mục tiêu của các cuộc xâm lược, ngay cả chính Mi-ka cũng không được sai đi mang các cảnh báo trực tiếp cho chính Jerusalem như bây giờ Giê-rê-mia được thúc bách làm (xem 1:17-19). Một điều kỳ lạ nhỏ ông được cảnh báo trước chắc chắn rằng “*chúng sẽ giao chiến với người*” (1:19).

Những lời tiếp theo ở chương 2-6 gợi nhớ cho chúng ta về Hô-sê và có thể phản ánh sự ảnh hưởng của ông. Trong thông điệp đầu tiên của ông ở 2:1-13, giống Hô-sê, Giê-rê-mia khiển trách tình trạng đáng tiếc về công việc mà những người đứng đầu nhà Israel đã sai phạm, cụ thể là hàng tư tế chẳng thêm biết và quan tâm đến Thiên Chúa (2:8). Cũng giống Hô-sê, Giê-rê-mia

nhìn lại thời sống trong sa mạc của dân Israel là thời kỳ lý tưởng (2:1-3), lúc đó, *“Israel là của thánh thuộc về Thiên Chúa, là hoa lợi đầu mùa của Người”*... (2:3). Israel trở nên sa đoạ khi họ tiến vào vùng đất Canaan và bắt đầu thay đổi Thiên Chúa của họ cho *“những hồ nứt rạn, không giữ được nước”* (so sánh 2:13 với 2:28; 3:2). Đây là lý do Thiên Chúa đã giáng tai hoạ xuống phía bắc (4:6), một viễn cảnh cho thấy đã đưa Giê-rê-mia đến bờ vực của sự suy sụp cảm xúc (4:19).

Một vài đoạn trong phần này nêu rõ rằng sự yêu cầu khẩn khoản cấp bách thay đổi tâm hồn, ngụ ý rằng nếu có sự hoán cải thật, thì tai hoạ có thể được đẩy lui đi (3:12-13; 3:21-25; 4:1-4). Dường như trong bối cảnh hoạt động sứ mạng ngôn sứ của ông, Giê-rê-mia đã không hoàn toàn mất niềm hy vọng. Điều này đã gợi lên một nghi vấn liệu có phải ông là một trong những người dọn đường cho cuộc cải cách của Giô-si-gia-hu - Đế nhị luật năm 621.

2) Sau cuộc cải cách của Giô-si-gia-hu (621-609)

Sách 2Vua 23 mô tả cuộc cải cách tôn giáo đã xảy ra ở Giu-đa sau khi cuốn sách luật được tìm thấy trong đền thờ. Dưới sự điều hành của vua Giô-si-gia-hu, tất cả đền miếu của thần ngoại đều bị phá huỷ và người Giu-đa đồng ý tôn thờ Gia-vê Thiên Chúa và chỉ một mình Người tại đền thờ Jerusalem. Đột nhiên, tất cả những tôn giáo sai lạc mà Giê-rê-mia đã từng chỉ trích đã bị quét sạch. Một cách ngạc nhiên, tất cả những gì ông đã từng kêu gọi trong suốt sứ mạng ngôn sứ của ông tới thời điểm này đã được lưu ý và thực hiện.

Sự phản ứng của Giê-rê-mia là gì qua sự thay đổi lạ lùng này?

Một trong những bản tường trình sơ lược về cá nhân ở 11:1-12 có thể có liên quan đến câu hỏi này. Những từ cụ thể về “giao ước” được đề cập, lời mà Giê-rê-mia được Thiên Chúa phán bảo là hãy đi công bố *“trong các thành Giu-đa và phố phường Jerusalem”* (11:6). Điều này cho thấy rằng ngay từ đầu Giê-rê-mia đã ủng hộ một cách tích cực cho việc cải cách này, thậm chí bằng lời giảng dạy nhân danh họ. Thích hợp với điều này là những gì ông diễn tả về vị vua khai mở cho các cuộc cải cách này, vua Giô-si-gia-hu, cùng với các lời sấm soi nổi về niềm hy vọng cho sự đổi mới của Ép-ra-im ở chương 30-31 (nhiều người đã tin rằng những điều này được viết vào thời điểm khi lãnh thổ của vương quốc miền bắc được trả tự do và trả lại quyền điều hành cho người Giu-đa, (xem 2Vua 23:15-20, và cả lời kêu gọi khẩn thiết của ông đối với miền bắc để họ trở về với Đức Chúa ở Gr 3:11-13). Ngoài ra, chúng ta cũng nên quan sát ở 11:9-12 đề cập đến âm mưu giữa người Giu-đa, và sự quay về *“tội lỗi của cha ông khi trước là từ chối không chịu nghe lời Ta”* (11:10). Điều này có thể là sự nhắc đến những cuộc mở rộng dưới thời Giô-hô-gia-kim, sau cái chết bi thảm của Giô-si-gia-hu, dường như khi các cuộc cải cách Đế nhị luật này của các thế hệ trước đó đã bị từ bỏ.

Tuy nhiên, Giê-rê-mia 3:6-11 cho thấy rằng mặc dầu sớm hơn trước đó (triều đại của Giô-hô-gia-kim) vào triều đại của Giô-si-gia-hu, Giê-rê-mia đã nhận ra một vài điều không thích hợp. Giê-rê-mia đã nói rằng mặc dù cải cách, Giu-đa vẫn chưa thực lòng trở về với Gia-vê Thiên

Chúa, nhưng chỉ giả dối (3:10). Một điểm tương tự ở 5:1-5, ở đây chúng ta được nghe thuật lại rằng, sau khi rảo quanh Jerusalem để tìm kiếm “*một người biết thi hành luật pháp, biết sống cho chân thật*”, Giê-rê-mia phải đi đến kết luận rằng không có người nào, mặc dầu dân thành Jerusalem đã thề hứa trung thành với Thiên Chúa bằng môi miệng (5:2). Tương tự như vậy, 6:20 lễ toàn thiêu đất giá được ám chỉ với việc như một thịnh hành ở đền thờ, nhưng Giê-rê-mia đã hỏi điều đó có gì tốt đẹp không (6:20), nếu họ không hề quan tâm để ý đến lễ luật của Thiên Chúa dầu là một chút (6:19b) – “*đường ngay nẻo chính*” sẽ đem đến sự bình an thư thái (6:16).

Tóm lại, dưới triều của Giô-si-gia-hu, Giê-rê-mia dường như đã nhận ra rằng các cuộc cải cách Đệ nhị luật mà chính ông đã ủng hộ một cách rất mãnh liệt lại rất hời hợt nông cạn, lần đó họ chỉ thành công trong việc chú trọng vào thờ phượng, chứ không phải phục hồi lại cuộc sống theo đường lối đích thực của Thiên Chúa (công lý và lẽ phải). Bây giờ đã trở nên rõ ràng với Giê-rê-mia rằng, dầu vua có ý định tốt và muốn sự thay đổi trong cuộc sống tôn giáo cho dân người, điều đó có thể không thực sự hoàn toàn biến đổi tính chất của họ được.

Minh họa sinh động một cách đặc biệt về tâm thức tôn giáo ở Jerusalem mà ông có khi nói về những phê phán vào thời điểm đó được viết ở 34:8-22. Ở đây, một sự việc bất ngờ xảy ra được tường trình, điều này đã xảy ra khi Jerusalem bị vây hãm năm 588. Trong thời gian khủng hoảng đó, bậc ưu tú quân vương của thành có lẽ muốn xoa dịu Thiên Chúa và muốn có được sự phê chuẩn của Người (và giải thoát họ) qua việc vâng giữ luật Israel (xem Xh 21:1-10; Đnl 15:12-17), họ đã quyết định giải phóng người nô lệ Hipri. Thủ đoạn của họ dường như đã được thực hiện (34:8-10) và sự vây hãm đã được huỷ bỏ (34:21). Nhưng sau đó, theo tường trình tiếp theo, thì họ đã đổi ý và bắt lại các nô lệ mà họ vừa thả tự do (34:11).

Cuộc cải cách của vua Giô-si-gia-hu đã thất bại, lời cảnh báo trước đây của Giê-rê-mia về cuộc xâm lược tàn phá “*từ phía bắc*” là sự trừng phạt vì tội của dân một lần nữa đã trở nên rất hiện thực. Tuy nhiên, tại điểm này vẫn chưa có dấu hiệu cho thấy ông đã xác định được kẻ xâm lược đó là ai?

3) Bốn năm đầu của triều đại Giô-hu-gia-kim (609-604)

Một trang sử mới trong sự nghiệp ngôn sứ của Giê-rê-mia bắt đầu sau cái chết bi kịch của Giô-si-gia-hu (xem 22:10) và người kế vị lên ngôi vua Giu-đa là Giô-hô-gia-kim (ông được đề cập ở 22:13-19). Chúng ta đã đề cập đến hoạt động của Giê-rê-mia vào năm thứ tư vua Giô-hô-gia-kim, khi trình thuật các thông điệp về 23 năm sứ mạng ngôn sứ của ông đã được sao chép lại vào trong một cuộn da và đọc tại đền thờ Jerusalem (xem Gr 36). Ngay vào thời điểm đó các quân đội đang tập trung phía trên Eu-phơ-rát tại Các-kê-mít cho cuộc chiến đấu quyết định liệu Ê-gíp hay Babylon sẽ thay thế Át-xi-ri trở thành cường quốc nổi trội. Với Giê-rê-mia, tính từ thời điểm ông được đáp trả ơn gọi ngôn sứ, đã có sự báo trước về một cuộc thảm họa xảy ra với Giu-đa *từ phía bắc*. Vậy chắc chắn không thể là Ê-gyp, nhưng là Babylon. Nếu đúng Gr 25:1-13 là đoạn kết của cuộn da được chuẩn bị để đọc tại đền thờ vào thời điểm này, thì chắc chắn trong

tình hình này với cuộc đời ông, ông đã làm tất cả mọi việc có thể để cảnh báo dân về thảm họa kinh hoàng mà ông tin là sắp xảy ra với họ.

Tuy nhiên, những đoạn tiếp theo trong cuộn da này cho thấy rằng, Giê-rê-mia đã không chờ đến năm thứ tư của vua Giơ-hô-gia-kim để làm điều này. Ở đây ám chỉ rằng ông đã làm điều này vào những năm trước đó. Ví dụ ở 26:1 biểu thị về bài giảng nổi tiếng trong đền thờ được tóm tắt ở 7:1-15 mà ông đã giảng vào đầu vương triều của Giơ-hô-gia-kim. Và nếu các trình thuật tiếp theo từ chương 7-20 cũng là một phần của cuộn da này, thì tất cả đều ám chỉ hoạt động và thông điệp của Giê-rê-mia vào giai đoạn này, hoặc sớm hơn.

Xem lại những trình thuật này (7-20), chúng ta sẽ thấy chúng có liên quan với cách mà Giê-rê-mia chắc chắn (xem 7:16; 11:14; 14:11), hoặc ông được mách bảo để báo với họ về thảm họa từ phía bắc mà bây giờ ông tin là sắp xảy ra (7:15, 20, 29, 34; 8:2-3; 13:10, 13-14; 14:16; 15:2; 16:4, 13; 18:11; 19:11, 14-15; 20: 4-6). Ví dụ 7:1-15 nói với chúng ta rằng, trong một dịp ông được uỷ thác đứng tại cổng đền thờ Jerusalem để cảnh báo tất cả những ai ra vào đền thờ chỉ đề kêu khẩn Đức Chúa một cách vô ích mà họ nghĩ là việc họ làm có thể ngăn chặn được thảm họa sắp xảy đến này.

Hiếm khi thần học giao ước và Jerusalem được đặt cạnh nhau một cách sắc bén như thế này. Những người mà Giê-rê-mia đang nói với họ đều bị thuyết phục rằng đây là “*Đền thờ của Đức Chúa*” (7:4), là nơi chính Đức Chúa đã chọn làm quê hương của Người đến muôn đời – vì vậy, đây là nơi an toàn, sẽ không bao giờ bị huỷ diệt. Với Giê-rê-mia những suy nghĩ này là “*một sự dối trá vô giá trị*” (7:8) – Jerusalem không thần thánh hơn Shilo tí nào (Shilo bây giờ đã đổ nát), Jerusalem không đặc biệt hơn Ephraim (bây giờ đã bị trục xuất – 7:15). Với Thiên Chúa chỉ có một điều quan trọng duy nhất, đó là lòng trung thành với luật giao ước: không giết người, không gian dâm, không thờ thần ngoại và vv... (7:5-7; so sánh với 6:16-21). Ở đây những luật giao ước này đã bị xúc phạm và tai họa chắc chắn sẽ xảy ra.

Đây là thực chất của thông điệp mà Giê-rê-mia đã cố gắng gửi tới dân Giu-đa - Jerusalem vào những năm đầu thời Giơ-hô-gia-kim - bằng mọi cách, mọi phương tiện có thể trong sự sáng tạo của ông. Những ngôn sứ trước đó cũng đã dùng đến các hành động, dấu chỉ và biểu tượng lạ kỳ như phương thức để gây sự chú ý cho công cộng và truyền tải các thông điệp của họ. Với Giê-rê-mia hoàn toàn ngược lại, Thiên Chúa nói với ông đừng lấy vợ, không vào nhà đang có tang, không vào nhà có tiệc mừng (xem 16:1-9). Cái đai thắt lưng của ông sau này bị hư là biểu tượng cho sự tàn phá của Giu-đa và Jerusalem (13:1-11). Cuộc viếng thăm nhà thợ gốm dùng để diễn tả cách mà Gia-vê Thiên Chúa tạo nên sự dữ chống lại dân của ông (18:1-12). Cuối cùng là bình sành vỡ trước sự chứng kiến hoảng hốt của các nhân chứng ở 19:1-11 - Những dấu chỉ này để nói lên dân và thành này sẽ bị tàn phá.

Hậu quả cho những hành động này là Giê-rê-mia đã bị đánh đòn và giam một đêm (20:1-3), và ông bị cấm tất cả mọi hoạt động, và không được bước vào các vùng ranh giới của đền thờ (36:5). Vì sự nghiêm cấm này đã thúc bách ông có một kế hoạch khác, là viết những gì ông muốn nói vào cuộn da và một ai đó có thể đọc trong đền thờ (chương 36). Cuối cùng, điều này đã khiến vua ra lệnh cho người đến bắt Ba-rúc và Giê-rê-mia, nhưng hai ông đã phải chạy trốn (36:26).

4) Sau sự việc cuộn da (604-598)

Câu chuyện về những gì xảy ra tiếp theo phải gộp nhặt từ nhiều bản văn rải rác. Trong giai đoạn này, tiếp theo sự cố cuộn da, cả Ba-rúc và Giê-rê-mia đã trải qua một cuộc khủng hoảng tinh thần được nói tới ở Gr 45 và 15:15b-21. Sau đó, với sự giúp đỡ của Ba-rúc, Giê-rê-mia có thể đã viết lại một cuộn khác (xem 36:32) và một số lời sấm về các dân ngoại (xem 46:2). Tiếp đến là phần cuối của triều đại Giơ-hô-gia-kim, khi các lực lượng Babylon đang bắt đầu xâm lược vùng này (và chắc chắn vua Giơ-hô-gia-kim đã rất run sợ), và một lần nữa Giê-rê-mia dường như trở lại cuộc sống công khai. Đây là cơ sở cho lời kêu gọi và cảnh báo của Giê-rê-mia với sự giúp đỡ của nhà Rê-kháp (35: 12-17).

Trong giai đoạn này, cuộc đời của Giê-rê-mia có rất nhiều khó khăn, nhưng điều đáng chú ý nhất có lẽ là sự khủng hoảng tinh thần mà ông và Ba-rúc đã trải qua trong lúc này. Sự khủng hoảng của Ba-rúc là sự suy sụp tinh thần phát xuất từ suy nghĩ âm đạm của ông về viễn cảnh tương lai cuộc đời ông qua lời kể của Giê-rê-mia ở chương 45. Giê-rê-mia đã khuyên ông đừng tìm kiếm những việc lớn lao vĩ đại hay sự đối đãi đặc biệt cho bản thân trong giai đoạn khó khăn này, mà hãy bằng lòng với lời hứa mộc mạc của Đức Chúa là sẽ bảo toàn tính mạng cho ông ở bất cứ nơi nào ông đến (45:5).

Cuộc khủng hoảng tinh thần của Giê-rê-mia được diễn tả qua một chuỗi các lời cầu nguyện rải rác từ chương 11-20. Đọc những lời đó, chúng ta sẽ ngạc nhiên về khả năng nhận biết bản thân và tính thẳng thắn của ông. Thực ra, những gì Giê-rê-mia tự bộc lộ ở đây làm cho chúng ta tự hỏi: động cơ nào khiến ông viết ra những điều này. Sự thật làm chúng ta ngạc nhiên trong sự nghiệp ngôn sứ của ông là ông đã hai lần tính rời bỏ sự nghiệp (xem 20:9) và đức tin của ông (xem 15:18). Thực ra, trong lúc này ông đã quá thất vọng, ở chương 20 kể lại cho chúng ta rằng, ông đã nguyện rửa ngày ông được sinh ra và nguyện rửa cả người báo tin vui cho cha của ông khi ông được sinh ra thay vì phá thai để ông có thể chết trong lòng mẹ (20: 14-17).

Điều gì đã làm cho ông thất vọng thâm trầm như vậy? không phải viễn cảnh tương lai như Ba-rúc, hay sự chống đối của các bậc quân vương ở Jerusalem, nhưng ông đã phát hiện ra chính dân làng ông (A-na-thốt), và thậm chí gia đình ông âm mưu giết ông (11: 18-21; 12:6). Chưa bao giờ trong trí tưởng tượng của ông có thể đoán trước được điều này sẽ xảy ra với ông, vì cuối cùng chính họ (những người lớn của A-na-thốt cùng với gia đình ông) là những người đã từng giáo dục ông để có một Giê-rê-mia như hôm nay, và là những người luôn trung thành ủng hộ ông.

Tuy nhiên, giữa nỗi thất vọng cùng cực này đã có những điều đáng chú ý xảy ra. Thiên Chúa lại bắt đầu nói với ông, không phải về mối quan tâm đến người khác mà về tình trạng tinh thần của chính ông. Thứ nhất, thương cho bản thân mình đang chịu thử thách (12:5), và sau đó là sự từ bỏ niềm tin của chính mình (15:19). Với điều kiện là ông phải “*chịu trở về*” và thậm trọng hơn để “*nói điều cao quý thay vì điều hèn hạ*” (15:19), thì ông sẽ được phục hồi lại ơn gọi ngôn sứ của mình và sẽ trở nên như miệng của Thiên Chúa.

5) Mười lăm năm cuối cuộc đời Giê-rê-mia (600-585)

Những năm cuối của vua Giô-hô-gia-kim tới triều đại vua Xít-ki-gia, và tới năm Jerusalem bị vây hãm và sụp đổ (chương 27-44). Trong những giai đoạn này Giê-rê-mia rất kiên định, mạnh mẽ, và thẳng thắn. Những khó khăn, yếu đuối đã vượt qua và bây giờ ông chấp nhận với những gì mình được kêu gọi để làm: đơn giản là một ngôn sứ của Thiên Chúa.

Ngay sau hậu quả cuộc xâm lược thành Jerusalem của vua Na-bu-cô-đô-nô-xo năm 598, thông điệp của Giê-rê-mia không chỉ đơn thuần lặp lại những suy nghĩ trước đây. Sau tất cả, giờ đây Jerusalem không bị đập vỡ như cái vỏ của thợ gốm được nêu ở 19:11 như ông đã tiên đoán trước đây. Hơn thế, khi thành bị vây hãm, họ đã cướp phá của cải, trục xuất vua và mười ngàn người thể lực dân thành Jerusalem sang Babylon (xem 2V 24:10-17). Bây giờ Giê-rê-mia phải đối diện với hai câu hỏi sau: thành đã được dung tha, vậy điều gì sẽ xảy ra với nó? Liệu nó sẽ tiếp tục bị phá hủy trong tương lai, hay nó sẽ có một cơ hội khác? Thứ hai, số phận của những người bị trục xuất sang Babylon sẽ như thế nào? Liệu đây là kết thúc của cuộc đời họ? Liệu họ sẽ biến mất như những người Israel bị Át-xi-ry trục xuất thế kỷ trước? hay họ sẽ sống sót và trở về Giu-đa sớm?

Với câu hỏi về số phận của Jerusalem, câu trả lời ban đầu của Giê-rê-mia đã là một sự ngạc nhiên cho nhiều người. Ông đã cảnh báo về sự tàn phá của thành Jerusalem sắp xảy ra trong suốt 30 năm. Bây giờ, đột nhiên ông nói rằng nếu Giu-đa và những nước thuộc vùng này chỉ cần nhún nhường và quy phục sự thống trị của Babylon thì họ có thể sống, và không bị tiêu diệt (xem chương 27). Viễn cảnh này cho sự sống sót rất thực và khẩn cấp đối với ông đến nỗi ông đã phải vận dụng một trong những hành động táo bạo nơi công cộng. làm một cái ách bò lớn, ông điều hành đến các đại sứ của ngoại kiều ở Jerusalem, và đến với các vị lãnh đạo và dân thành với thông điệp : “*các người hãy đưa cổ nhận ách của vua Babylon mà làm tôi nó cũng như dân nó, và các người sẽ được sống*” (27:12). Sự thay đổi quyết liệt từ sự chết đến niềm hy vọng trong thông điệp của ông đang lôi cuốn. Ông đã có phương cách cho từng khủng hoảng mới là sẵn sàng để đón nhận “lời” của Thiên Chúa trong từng khoảng khắc khác biệt đó (xem 18:7-10).

Với câu hỏi thứ 2 về những người lưu đày ở Babylon, lúc đầu ông đã không chắc chắn lắm, ông đã im lặng trước vấn đề này khi ngôn sứ Kha-nan-gia nói: “*Đức Chúa phán như sau: cũng*

giống như thế, hai năm nữa, Ta sẽ bẻ gãy cái ách của Na-bu-cô-đô-nô-xo, vua Babylon, không còn để nó đè trên cổ mọi dân tộc” (28:11). Tuy nhiên, không lâu sau đó, những suy nghĩ của ông về vấn đề này được làm sáng tỏ một cách đặc biệt qua thị kiến về hai thúng vả, một thúng rất tốt, còn một thúng rất xấu, xấu đến nỗi không thể ăn được (chương 24). Thúng vả tốt tượng trưng cho những người bị lưu đày, vì họ là những người mà Thiên Chúa đang chờ đợi điều tốt lành nơi họ và ban cho họ một tấm lòng để nhận biết Thiên Chúa và sẽ đưa họ trở về đất này. Còn những quả vả xấu không ăn được tượng trưng những người còn ở lại Giu-đa và sẽ bị tiêu diệt.

Bây giờ đã rõ ràng rằng, niềm hy vọng cứu vãn Jerusalem của Giê-rê-mia đã bị từ bỏ. Ở Jerusalem tình trạng thực sự sa đoạ và chỉ có những người ở Babylon có niềm hy vọng cho tương lai (24:9-10), vì chỉ ở nơi đó, viễn cảnh về sự phục hưng thật của niềm tin, sự trở về hết lòng với Thiên Chúa (24:7). Giê-rê-mia cảm thấy rằng, bây giờ ông có thể hình dung khung cảnh cơ bản của tương lai: Jerusalem sẽ bị tiêu diệt; chỉ những người lưu đày ở Babylon còn có chút gì đó để mong chờ, vì ngày đó sẽ đến khi họ trở về đất này đã được đổi mới bằng tinh thần.

Nhưng ngày đó là ngày nào? Câu trả lời táo bạo của Giê-rê-mia được viết trong bức thư nổi tiếng cho người lưu đày ở Babylon năm 597 (xem chương 29, đặc biệt câu 1-14). Ông khuyên họ nên ổn định cuộc sống, trồng cây ăn trái, cưới vợ gả chồng, sinh con cái, và tìm kiếm thịnh vượng cho thành mà họ được đày tới, vì bảy mươi năm sau (một khoảng thời gian dài, chứ không đơn thuần vài năm như ngôn sứ Kha-nan-gia nói ở 28:11) chính nơi này sẽ được trở lại để có một tương lai và một niềm hy vọng, đồng thời đức tin cũng sẽ trở nên lớn mạnh *“các người sẽ tìm Ta và các người sẽ thấy, bởi vì các người sẽ hết lòng kiếm Ta, Ta sẽ cho các người được gặp”* (29:13).

Có một lời sấm khác nổi tiếng của Giê-rê-mia đề cập tới sự phục hưng và biến đổi nội tâm của dân thành Jerusalem như sự phục lâm của *“giai ước mới”* (xem 31:33 và 32:37-41), điều này sẽ xảy ra ở Babylon trong khoảng bảy mươi năm. Nó sẽ xảy ra như thế nào? Dường như điều này không chắc chắn với ông. Tuy nhiên, sự hàm ý cho thấy rằng cần thời gian: thời gian để tách ra khỏi Jerusalem, thời gian để ổn định cuộc sống và có gia đình, thời gian để nói rộng tầm nhìn và quay trở lại điều căn bản của mình, thời gian để cầu nguyện chân thành với Thiên Chúa. Đây là việc làm của những người chuẩn bị cho tương lai bằng cách xây nhà, trồng vườn, lập gia đình, cầu nguyện, và kế hoạch điều tốt đẹp cho đất nước mà Thiên Chúa đã đày họ ra khỏi (29:4-7), là những người sẽ cảm nghiệm *“kế hoạch Ta định làm cho các người, kế hoạch thịnh vượng, chứ không phải tai ương, để các người có một tương lai và một niềm hy vọng”* (29:11).

Giê-rê-mia cũng nói rất nhiều về tương lai (xem các sấm ngôn của ông ở chương 30-33), về các ngôn sứ (23:9-33), về các vị vua quá khứ, hiện tại và tương lai (21:11-23:6). Tuy nhiên, điều cốt lõi của tất cả những điều này là sự hiểu thấu của ông về những điều sai trái ăn sâu trong tâm trí của dân (17:1,9), điều này sẽ được thay đổi, và thay đổi những người đương thời của ông đang lưu đày sẽ trở về đất nước của họ một ngày nào đó.

Trong khi đang bị vây hãm và có thể Jerusalem sẽ dẫn đến hủy diệt, Giê-rê-mia đã khuyên đầu hàng, nếu không phải toàn bộ thành thì từng cá nhân có thể tự cứu mạng sống của họ bằng cách rời bỏ thành để đi về phía Babylon (38:2 “*Đức Chúa phán như sau: Ai ở lại trong thành này sẽ phải chết vì gươm đao, đói kém và ôn dịch; ai chạy ra ngoài đầu hàng quân Can-đê, thì ít ra cũng sống và bảo toàn được tính mạng*”). Một cách cay đắng, ông đã bị đánh đập và bỏ tù vì sự phản nộ của những người vẫn đang tìm cách bảo vệ thành (37:15-16), lần khác ông bị bỏ vào hầm nước đến gần chết (38:4-6). Tuy nhiên, lời hứa của Thiên Chúa đã được thực hiện (xem 38:7-13)

*Ta sẽ làm cho người nên thành đồng kiên cố đối với dân này.
Chúng có chống lại người cũng chẳng làm chi được,
Vì Ta ở với người để cứu sống và giải thoát người,
Sấm ngôn của Đức Chúa (15:20).*

Một cách nghịch lý, trải qua tất cả sự đau khổ này, niềm tin của ông vào Thiên Chúa lớn mạnh hơn (xem 17:5-8, 12-13), ông đã tin thời gian tốt đẹp đang chờ phía trước. Thiên Chúa phán thế này vào lúc cao điểm của sự vây hãm “*người ta còn tậu nhà cửa, ruộng nương, vườn tược trong xứ này*” (32:15), và sau này khi tai họa đã ập tới: “*Ta sẽ xây các người chứ không phá, sẽ trồng chứ không nhổ*” (42:10).

Tóm lại: Sứ mệnh ngôn sứ của Giê-rê-mia bắt đầu với thị kiến về một cuộc xâm lược thảm khốc từ phía bắc. Những năm giữa sứ mạng của ông đã thất bại về các cuộc cải cách. Sau đó ông đã nhận ra rằng “*không gì nham hiểm và bất trị như lòng người, ai dò thấu được?*” (17:9). Cuối cùng một điều kỳ diệu nhỏ mà tư tưởng của ông đã đề cập đến những viễn cảnh cho sự chữa lành về tội ác sâu kín này. Liệu đây có phải là sự phục hồi tinh thần của ông mà ông đang đề cập đến? với bất cứ tình huống nào, lần cuối cùng ông lên tiếng vẫn chứng tỏ sự táo bạo nói về Thiên Chúa nơi vùng đất ngoại kiều (chương 44).

Ngôn sứ Ê-dê-ki-en

Ê-dê-ki-en là một trong mười ngàn người Jerusalem bị trục xuất sang Babylon năm 598, khoảng 12 năm trước khi Jerusalem bị sụp đổ và phá hủy. Có nghĩa ông là người đương thời với Jeremiah, tuy nhiên Ezekiel đón nhận ơn gọi ngôn sứ không phải ở tại quê nhà Jerusalem, mà bên bờ sông Co-va (Chebar) Babylon (1:1). Tại đây ông đã bắt đầu sứ mạng ngôn sứ ở giữa những người lưu đày. Trước khi tìm hiểu về ông và các thông điệp của ông, chúng ta sẽ lướt qua về sách của ông.

1. Sách Ngôn sứ Ezekiel

Sự khác biệt của sách Ezekiel với những sách Ngôn sứ mà chúng ta đã tìm hiểu trước đây là toàn bộ sách được viết dưới dạng tự truyện, ngoại trừ 1:2-3 được thêm vào bởi nhà biên soạn. Tuy nhiên đây không phải là điều hoàn toàn mới lạ trong văn chương ngôn sứ. A-mốt đã từng ghi lại các thị kiến của ông theo hình thức tự truyện này ở 7:1-8; Hô-sê cũng viết lại câu chuyện ông đã phục hồi người vợ của mình ở 3:1-3; và Isaiah ghi lại ơn gọi ngôn sứ của ông ở chương 6. Đặc biệt Jeremia cũng thường dùng lối tự truyện này như ở chương 14 và tiếp sau đó.

Có thể do hoàn cảnh nơi Ezekiel sống và hoạt động tại Babylon vào thời đầu ổn định cuộc sống tại đó, không có nơi nào khác để đồng hương của ông có thể tập trung nghe ông giảng và truyền lời sấm ngoài nhà riêng của ông (vd 33:30-33). Trong hoàn cảnh như thế này, nếu muốn lưu giữ lời sấm của mình, ông phải làm như vậy. Hình thức hồi ký tự truyện như này không phải nét đặc thù duy nhất trong sách Ezekiel, còn có thêm một điểm đặc trưng khác về ngày và sự sắp xếp các nội dung của sách. Chúng ta sẽ đi qua về những ngày này để làm sáng tỏ lịch sử hình thành của nó.

Chúng ta sẽ làm sáng tỏ hai khoảng thời gian sau đây đã gây ra một vài nhầm lẫn. Thứ nhất, Ed 1:1 “*ngày mồng năm tháng tư năm thứ ba mươi*” rõ ràng không trùng khớp với những thời điểm khác của toàn bộ sách. Chính vì vậy mà các nhà biên soạn đã thêm ở 1:2-3 để làm sáng tỏ “*năm thứ ba mươi*” đồng nghĩa với “*năm thứ năm khi vua Giô-gia-khin.*” Thứ hai, chương 33:21 nói về một người lưu đầy từ Jerusalem đến Babylon báo tin thành Jerusalem đã bị sụp đổ là “*ngày mồng năm, tháng mười, năm thứ mười hai.*” Jeremiah 39:2 cho biết Jerusalem sụp đổ “*ngày mồng chín, tháng tư, năm thứ mười một triều Xít-ki-gia-hu.*” Điều này nói lên rằng người đưa tin này đã đi mất một năm rưỡi để tới Babylon, thực tế hành trình này có thể thực hiện trong khoảng 4 tháng bằng phương tiện xe ô tô (caravan). Trong bản bảy mươi ghi “*tháng mười, năm thứ mười một.*”

Ngoài ra, các sấm ngôn về dân ngoại ở chương 25-32 có sáu ngày cộng thêm một ngày được đề cập ở 3:16 được cho là thêm vào khoảng chừng 20 năm sau. Điều này dẫn đến khẳng định rằng, phần này có thể là một tuyển tập riêng.

Sau một vài quan sát về thời gian có sự khác biệt, dẫn đến một dấu chỉ rằng sứ mệnh của Ezekiel có ba giai đoạn khác biệt nhau về thời gian.

- Thứ nhất, từ thời ông nhận ơn gọi năm thứ năm bị giam giữ 593 đến khi Jerusalem bị vây hãm (chg 1-24). Ở giai đoạn này, trước khi Jerusalem bị vây hãm, Ezekiel chủ yếu tập trung vào cảnh báo dân Israel ở Babylon về sự sụp đổ cận kề của Jerusalem.
- Thứ hai, từ khi bắt đầu vây hãm (24:1) đến ngày người đưa tin báo Jerusalem đã bị phá hủy (33:21-22) - khoảng thời gian của 2 năm. Vợ của ông chết vào ngày

Jerusalem bắt đầu bị vây hãm (24:15-16). Từ hôm đó cho đến khi ông nhận được tin Jerusalem sụp đổ ông đã rút lui và câm lặng (xem 24:17, 25-27; 29:21; 33:22), tuy nhiên, có thể ông đã viết ra (một số sách ngôn về dân ngoại được cho là viết vào thời điểm này).

- Thứ ba, giai đoạn cuối (chg 33-48), kéo dài tới năm 571 (được đề cập tại 29:17 “*ngày mồng một tháng thứ nhất, năm thứ hai mươi bảy.*”). Khi mọi người đều biết Jerusalem không còn nữa, Ezekiel bắt đầu nói về tương lai tốt đẹp với dân chúng. Đây là nội dung của phần đoạn thứ ba và phần cuối của sách.

Lược đồ về thời gian và mục đề được sắp xếp như sau:

Trước Jerusalem bị vây hãm Chương 1-24	Jerusalem bị vây hãm Chương 25-32	Sau vây hãm Chương 33-48
Cảnh báo về sự phá hủy của thành	Các lời sấm về dân ngoại	Các thông điệp về niềm hy vọng

Vậy ai đã bố cục cho sách Ezekiel?

Chắc chắn Ezekiel là người viết từng phần riêng (đặc biệt là những phần tự truyện được nêu ở trên), tuy nhiên có nhiều bằng chứng cho thấy có sự tham gia của nhiều người khác như bổ sung và sắp xếp nội dung bởi những người lưu giữ và biên soạn.

Tóm lại, chúng ta có thể nói Sách ngôn sứ Ezekiel khác biệt so với các sách ngôn sứ khác được thể hiện qua cách viết tự truyện, khá bố cục và ghi chú thời gian được đề cập nhiều. Đồng thời, nó cũng cho thấy dấu hiệu đã được biên soạn lại bởi độc giả sau này là những người đã làm cho thông điệp của Ezekiel trở nên thích hợp hơn với nhu cầu của họ bằng nhiều cách khác nhau.

2. Ngôn sứ Ezekiel

Ông là ai? Ông là người như thế nào? Niềm tin của ông là gì? Ông trở thành ngôn sứ như thế nào? Trước khi muốn hiểu những gì ông nói, thông điệp của ông là gì, chúng ta cần tìm hiểu về con người Ezekiel.

- Tên: Tên của ông được nêu ở 1:3 “*Ezekiel, con ông Bu-di*”. Từ “*Ezekiel*” là một tổ hợp của động từ Hipri *hazak*, có nghĩa “*tăng thêm sức mạnh*,” và *el* có nghĩa Thiên Chúa, biểu thị “*Thiên Chúa ban thêm sức mạnh*”. Ed 24:24 đã ghi rằng “*Ezekiel là điềm báo cho các người.*”

- Nghề nghiệp: Ed 1:3 cho chúng ta biết Ezekiel là một tư tế.
- Lý lịch: Theo Ed 1:2 Ezekiel là một trong những người bị cầm tù ở Jerusalem và trực xuất sang Babylon vào thời vua Giô-gia-khin. Tại thời điểm ông nhận ơn gọi ngôn sứ là “*năm thứ năm*” của cuộc lưu đày này. Có nghĩa là chỉ năm năm trước Ezekiel đã từng là một trong những người cao quý và đáng chú ý ở Jerusalem (2V 24:14), hay cụ thể hơn ông là một trong những tư tế thuộc tầng lớp ưu tú của thành Jerusalem. Giống Isaiah, ông là người dân thành Jerusalem nhưng môi trường sống của ông là đền thờ. Nghĩa là, chúng ta có thể thấy rõ các bộ luật tư tế thịnh hành khi đọc sách Ezekiel, cả suy nghĩ và ngôn ngữ cũng được thể hiện rõ:

vd 4:14

Ôi lạy Đức Chúa là Chúa Thượng, này con chưa hề bị ô uế. Từ bé đến giờ con chưa ăn vật chết hay bị xé xác, cũng chưa có miếng thịt ôi nào lọt vào miệng con.

Hiểu về lai lịch của Ezekiel giúp chúng ta hiểu hơn về con người và thông điệp của ông, ví dụ các thị kiến của Ezekiel ở chương 1-3 và 8-11 (ở đây Ezekiel thấy “*vinh quang của Thiên Chúa*” rời khỏi đền thờ và tỏ hiện ra với ông trên bầu trời Babylon), chúng ta cần chú ý đặc biệt tới khái niệm “*vinh quang*” (*kavod*) của tư tế. Theo khái niệm của các ngôn sứ ở Jerusalem hiểu “*vinh quang*” không chỉ “*tên*” của Thiên Chúa ngự trị trong đền thờ (đây là khái niệm của các tác giả Đnl (Thứ luật)), nhưng “*vinh quang*” Đức Chúa (xem Xh 40:34-35; 1V 8:11) – sự rạng ngời hoặc yếu tính của Thiên Chúa.

Đám mây che phủ Lều Hội Ngộ, và vinh quang Đức Chúa đầy tràn nhà Tạm. Ông Mô-sê không thể vào Lều Hội Ngộ vì đám mây đậu trên đó, và vinh quang Đức Chúa đầy tràn nhà tạm (Xh 40:34-35)

Khi các tư tế ra khỏi Cung thánh, thì có đám mây tỏa đầy Đền thờ Đức Chúa. Các tư tế không thể tiếp tục thi hành nhiệm vụ được vì đám mây: quả thật vinh quang Đức Chúa đã tràn ngập trên Đền Thờ Đức Chúa (1V 8:11).

Chỉ khi nào chúng ta bắt đầu nhận ra rằng Ezekiel được cảm rỗi sâu trong truyền thống các tư tế Jerusalem, chúng ta có thể bắt đầu cảm phục ý của ông là gì đối với ông khi phải nhổ rễ khỏi đền thờ ở Jerusalem để đến với bờ sông Cơ-va Babylon. Thánh vịnh 137 nói lên nỗi thất vọng của người Israel, những người đương thời với Ezekiel trong giai đoạn sau khi Jerusalem bị tàn phá năm 586. Tuy nhiên, lúc Ezekiel được gọi, năm thứ năm của cuộc lưu đày (593), Jerusalem chưa bị sụp đổ. Vậy chuyện gì đã xảy ra sau đó?

- Bối cảnh lịch sử: có nhiều dấu chứng nhỏ chỉ ra đây quả là một thời kỳ rất rối loạn, đã có ít nhất là ba quan điểm trái ngược nhau về vấn đề điều gì đã có thể xảy ra tiếp theo. Thứ nhất, từ Jeremiah chúng ta biết rằng với họ Jerusalem bị sỉ nhục và thất bại chỉ là tạm thời và những người bị lưu đày ở Babylon sẽ sớm trở về Jerusalem, cụ thể là trong vòng “hai năm” (Gr 28:1-4). Theo tư tưởng này có thể một số người đương thời với Ezekiel cũng nghĩ họ sẽ ở lại Babylon một khoảng thời gian ngắn thôi và sẽ trở lại Jerusalem sớm để có một tương lai sáng lạn. Ý kiến thứ hai cho rằng, những người bị lưu đày ở Babylon là những người được Thiên Chúa chọn ra để phán xét và trừng trị. Vì thế, họ sẽ ở lại đó trong cảnh lưu đày và của cải vật chất của họ sẽ bị những người còn sót lại ở Jerusalem sở hữu. Theo Ezekiel 11:14 nhóm người này bây giờ tuyên bố rằng “*các ngươi phải ở xa Đức Chúa, còn chúng tôi mới là những người được sở hữu đất này.*” Thêm một ý kiến nữa nói về tương lai của những người lưu đày ở Babylon, hoặc ít ra là của chính Ezekiel, và viễn cảnh mà Jeremiah ủng hộ một cách mạnh mẽ rằng Jerusalem lẽ ra đã bị hủy diệt rồi chứ không phải trốn thoát như số phận hiện nay. Không chỗ nào cho thấy Ezekiel đề cập đến Jeremiah, nhưng nhiều sự giống nhau về văn phong và nội dung thông điệp. Điều này nói lên rằng Ezekiel biết Jeremiah và thực ra có thể ông là một trong những tư tế đền thờ đã từng cố gắng ngăn cản Jeremiah khi ông tiên báo những điều này ở đó trước khi bị trục xuất năm 598 (xem Gr 7; 26; 36).
- Ôn gọi ngôn sứ: Ôn gọi ngôn sứ của Ezekiel được diễn tả ở 1:1-3:15. Ở 1:1 nói Ezekiel nhìn thấy “*thị kiến Thiên Chúa.*” Những gì ông cố gắng diễn tả với chúng ta trong đoạn này không phải những gì ông thực sự nhìn thấy, mặc dầu cơn bão (1:4) có thể là thực. Hãy nhớ rằng, bản văn gốc của những thị kiến này ngắn hơn và đơn giản hơn với bản ta đang có đây (vd 1:7-11, 14-21, 23-25 có thể được thêm vào bởi độc giả sau này để khuếch đại các đặc tính thị kiến của sự hiển nhiên).

Thị kiến “bốn sinh vật” ông nhìn thấy ở 1:27 miêu tả toàn bộ những gì ông nhìn thấy được tóm lại ở câu 28 “*như vinh quang Thiên Chúa.*” Nói cách khác, trong thị kiến đầy cảm hứng này ông đã nhận thấy sự hiện diện của Thiên Chúa giống sự hiện hữu của Đức Chúa tại đền thờ Jerusalem mà ông là một tư tế tin là một sự hiện hữu riêng biệt. Tuy nhiên, điều làm ông sập mặt xuống đất (1:28b) không phải chính thị kiến mà Đức Chúa đã tỏ mình ra với ông trên bầu trời Babylon. Lúc đó chắc chắn ông bắt đầu nhận ra “vinh quang” Thiên Chúa không còn ngự trị tại Jerusalem nhưng đã rời khỏi đó (điểm này được nhìn thấy rõ hơn ở thị kiến từ chương 8-11).

Trong lúc đang phủ phục vì tác động bởi những gì vừa nhìn thấy, Ezekiel cho chúng ta biết, ông đã nghe có tiếng nói với ông “*hỡi con người*” (Son of man) và bảo ông “*hãy đứng cho vững*” để Người nói với ông (2:1). Sau đó ông được trao nhiệm vụ là một ngôn sứ cho dân Israel đồng hương của ông ở Babylon, không phải để thay đổi

họ (vì họ được cho là dân phản loạn), nhưng đơn giản để họ có thể nhận biết có một vị ngôn sứ của Thiên Chúa ở giữa họ để khi ông tuyên sấm điều gì họ sẽ lắng nghe.

Ngay tại thời điểm này, ông được cho ăn thứ mà Đức Chúa sẽ cho, và khi ông nhìn để biết cái gì, thì ông nhìn thấy bàn tay hướng về ông từ trời với một cuộn sách, rồi mở ra trước mặt ông, ông nhìn thấy “*cuộn sách được viết cả mặt trong lẫn mặt ngoài, trong đó có viết những khúc ai ca, những lời than vãn và những câu nguyện rửa*” (2:10). Khi ông ăn cuộn sách đó, nhiệm vụ được ủy thác trở thành ngôn sứ cho Nhà Israel phản nghịch (“*dù chúng nghe hay không*” – 3:11) được lặp lại. Ezekiel kết thúc thị kiến này ở 3:15 rằng tôi “*rất đói sừng sò*” khi ông đến gặp những người lưu đày ở bờ sông Co-va và lưu lại với họ bảy ngày.

Một điều làm cho thị kiến này được sáng tỏ là tầm quan trọng về việc cuộn sách mà Ezekiel được yêu cầu ăn ngay trong dịp này; và lời yêu cầu này được lặp đi lặp lại và mạnh mẽ bảo ông không được bước bình, nhưng lắng nghe và mở miệng và ăn thực sự cuộn sách đó (3:1-3). Chúng ta cũng cần nhớ lại trình tiết trước khi ăn cuộn sách, cuộn sách đó được mở ra trước mặt ông vì thế mà ông có thể xác minh cuộn sách đó được viết hai mặt toàn những lời than vãn (chứ không phải bất cứ thông điệp nào về tương lai). Đó cũng là sự hàm ý rằng cuộn sách này chứa đựng thông điệp mà Ezekiel bây giờ phải đem đến cho dân, vì ở 3:1 ông được bảo “*hãy ăn cuộn sách này rồi đi nói với nhà Israel.*” Nói một cách khác, một cách cụ thể hơn, qua trải nghiệm thị kiến này tư tế Ezekiel bị bắt buộc trở thành một vị ngôn sứ của thảm họa.

Chúng ta có thể tự hỏi nhưng tại sao lại như vậy? Tại sao một “cuộn sách” lại có thể đóng vai trò nổi bật trong việc một vị ngôn sứ trở thành người mang thông điệp phán xét? Câu trả lời có thể nằm ở sự việc đã xảy ra ở Jerusalem một thập kỷ trước, vào thời khi Ezekiel đang được thực tập làm tư tế đền thờ ở Jerusalem. Đó là năm thứ năm thời kỳ Giô-gia-khin Jeremiah đã đọc cuộn sách này tại đền thờ (cuộn sách viết những lời tiên sấm về sự sụp đổ thành Jerusalem), và cuộn sách này bị cắt thành từng mảnh và đốt ngay khi đọc cho vua nghe (Gr 36). Thậm chí trước đó Jeremiah hầu như bị giết bởi hàng phẩm trật đền thờ Jerusalem vì chính ông đã dám loan báo cùng thông điệp này ở Gr 26.

Điều này rất khó để tưởng tượng rằng, vào thời điểm đó chính Ezekiel là thành viên của hàng phẩm trật đền thờ Jerusalem, ông lại không hiện diện trong các sự kiện và thậm chí là tham gia trong cuộc bách hại ngôn sứ Jeremiah. Nếu đúng như vậy, chúng ta có thể so sánh giữa Ezekiel với thánh Phaolô, là người mạnh mẽ từ chối Đức Giê-su và bách hại những người theo Ngài đã trở thành Tông đồ của Người qua thị kiến gặp gỡ Đức Ki-tô trên đường Đa-mát. Ăn cuộn sách từ trời xuống (trong thị kiến của ông) Ezekiel giống Phaolô trải qua cuộc hoán cải và tham gia vào hàng ngũ những người tin rằng Jerusalem không thể không bị tàn phá (như Jeremiah đã tin).

Cũng có nghĩa rằng Jerusalem cũng không phải là nơi Thiên Chúa đã chọn làm nơi người ngự đến muôn đời như Thánh vịnh 132:13-14 diễn tả và cũng là những gì ông được dạy trong cuộc đời ông. Đây cũng là điểm đau đớn nhất đối với ông. Vì thực tế, “vinh quang” Thiên Chúa đã rời khỏi đền thờ Jerusalem và xuất hiện trên bầu trời Babylon như ông đã nhìn thấy trong thị kiến. Điểm này được sáng tỏ hơn với ông ở thị kiến diễn tả ở chương 8-11 khi ông được trở lại Jerusalem và chứng kiến tội lỗi diễn ra ở đây, xác tín với ông rằng “vinh quang” Thiên Chúa rời khỏi thành này như con chim lớn cất cánh bay đi

Vinh quang Đức Chúa bay lên khỏi Đền Thờ và dừng lại trên các Kê-ru-kim. Các Kê-ru-bim dang cánh và cất mình lên khỏi mặt đất trước mắt tôi khi đi ra; các bánh xe cũng chuyển theo cùng một lúc. (10:18-22)

Bấy giờ các Kê-ru-bim cất cánh lên và các bánh xe cũng cất lên theo; vinh quang của Thiên Chúa Israel ngự bên trên các Kê-ru-bim. Vinh quang Đức Chúa đi lên khỏi thnahf và dừng lại trên núi ở phía đông của thành (11:22-23).

Trong khi các cuộc khủng bố hình phạt đã đến:

Hãy làm cho Đền thờ ra ô uế; tại các tiền đình, hãy chất đầy xác chết, mau đi! Họ ra đi và chém giết trong thành (9:7).

Với những thị kiến này tư tế Ezekiel trở thành vị ngôn sứ của cuộc thảm họa, giống Jeremiah, nhưng với mệnh lệnh nói lời Đức Chúa không phải cho Jerusalem, mà cho người tị nạn (người lưu đày) ở Babylon.

3. Thông điệp

Ở phần phân tích Sách Ezekiel cho chúng ta thấy sự thật về sứ mạng ngôn sứ của Ezekiel mở ra hai giai đoạn rất khác biệt: giai đoạn thứ nhất xảy ra trước cuộc vây hãm bắt đầu dẫn đến sự sụp đổ của thành năm 586 (chương 1-23 và xem chg 24); và giai đoạn thứ hai dân Israel ở Babylon nhận được tin Jerusalem thật sự bị tàn phá (33:21-22). Những gì Ezekiel cảm nhận là làm và nói ở giai đoạn thứ hai này trong sứ mạng của ông khác biệt với những gì ông nói ở phần thứ nhất. Hai giai đoạn này phân biệt nhau bởi hai sự kiện: cái chết của vợ ông trong đêm Jerusalem bắt đầu bị vây hãm (24:1, 15-17), tiếp theo là một thời gian hai năm bị câm (24:27; 33:22), trong thời gian này ông dường như giam mình trong nhà (một số nhà kinh thánh cho rằng tình tiết này được miêu tả ở 4:4-8 cho đến giai đoạn này).

Bây giờ chúng ta sẽ tìm hiểu xem ông phải nói gì trong giai đoạn trước khi thành bị vây hãm.

1) Trước sự vây hãm của thành Jerusalem (593-589)

Thông điệp của Ezekiel vào năm thứ năm, tháng thứ năm lưu đày của ông (1:2) đến cận kề ngày Jerusalem bắt đầu bị vây hãm, vào năm thứ chín, tháng thứ 10 (24:1), được tập hợp ở chương 1-24. Những thông điệp này được xác định và hình thành bởi hai trải nghiệm thị kiến kinh hoàng ông nhìn thấy vào đầu và giữa của bốn năm rưỡi.

Thị kiến đầu ở chương 1-3, với mạc khải về vinh quang của Thiên Chúa xuất hiện trên bầu trời Babylon và cuốn sách viết toàn những lời than van, ông đã bị ngược đãi vì điều trái ngược với những gì mà nhiều người đương thời của ông tin, Jerusalem bây giờ đi đến phá hủy hoàn toàn. Phần thứ hai của thị kiến mười bốn tháng sau, ông được dẫn đi dạo quanh thành yêu dấu của ông (xem 8-11), ông được nhìn thấy và nhận thức sâu xa được những gì đang diễn ra là ngẫu tượng bây giờ trở nên thịnh hành và phổ biến ở đây (xem đặc biệt 8: 3-18). Sự thực, khi trải nghiệm những thị kiến này, ông được chứng kiến sự thực khủng khiếp về sự phán xét và hủy diệt thực sự bắt đầu (9:7).

Tuy nhiên, nên ghi nhớ rằng, sự tập trung của vế thứ hai về sự trải nghiệm thị kiến không phải chỉ tập trung vào riêng tội lỗi và đe dọa sự phá hủy thành Jerusalem, nhưng cả vào tương lai của dân sau cuộc phán xét này – chủ đề này làm ông hoàn toàn lo lắng sau này trong sứ mạng của ông. *“Ôi, lạy Đức Chúa là Chúa Thượng, khi Ngài trút cơn lôi đình xuống Jerusalem, Ngài tính tiêu diệt tất cả những người còn sót lại của Israel sao?”* Ông đã hỏi Đức Chúa như vậy (9:8; 11:13). Câu trả lời ông nhận được trong lúc này giống câu trả lời của Giê-rê-mia có được trong cùng giai đoạn này, và quan tâm tới những gì ông đã viết trong bức thư gửi cho người lưu đày ở Babylon (xem Gr 29). Thực tế, Jeremiah đã nói “không phải tất cả sẽ bị tiêu diệt; một số sẽ được cứu – đúng, một số người đã được cứu rồi – những người bây giờ đang sống ở Babylon. Ezekiel cũng nói cùng một thông điệp như vậy. Gia-vê Thiên Chúa đang và sẽ được *“nơi nương ẩn”* cho những người lưu đày ở Babylon và cuối cùng họ sẽ được trở về trên đất Israel, rửa sạch *“mọi thứ gớm ghiếc và nghề tởm”* – thay vào cho họ một quả tim và tinh thần mới (11:18-21).

Với sự gạn lọc này một yếu tố của niềm hy vọng được đưa vào trong quan điểm của Ezekiel ở điểm này, bởi vậy các thông điệp ở phần mở đầu này được cho là đề cập đến không những một hay hai, mà là ba chủ đề: sự phá hủy Jerusalem cận kề, giải thích tại sao điều đó xảy ra, và những suy nghĩ về những gì sẽ xảy ra tiếp theo (một tương lai sáng lạng sau sự phán quyết). Chủ đề thứ tư cũng tái diễn, như chúng ta sẽ thấy: ý định tối thượng của Thiên Chúa trong tất cả những biến cố này (ý nghĩ này được diễn tả lặp đi lặp lại trong câu: *“để chúng hoặc các ngươi nhận biết rằng chính Ta là Đức Chúa”*).

a. Môi đe dọa phía trước

Các lời sấm của chương 1-24 được trình bày bởi hai dấu hiệu ở 4:1-3 và 24:15-24. Cả hai minh họa cảm xúc mãnh liệt mà Ezekiel được bố trí để trở thành một vị ngôn sứ như ông được gọi để làm và cảnh báo sự nguy hiểm phía trước “*dù chúng nghe hay không*” (3:11).

Ezekiel 4:1-3 miêu tả dấu hiệu đầu tiên trong chuỗi các hoạt động biểu tượng về những gì sắp xảy ra với Jerusalem cho những người đương thời đang sống ở Babylon. Trong trường hợp này ông được chỉ dẫn lấy một viên gạch và khắc thành Jerusalem lên đó, vẽ mọi diễn biến của thành lên đó: (xem 4:1-3). Điều này dường như kịch hóa sự xác tín của ông về Đức Chúa, chính Người, đã bị loại bỏ và đuổi ra khỏi thành của Người, vì thế thành không thể tha thứ và giải thoát nữa.

Rồi đến khoảng khắc cao trào của dấu chỉ khi ông được yêu cầu cấp bách “*hãy nhìn thành*” (bản dịch của chúng ta viết “*hướng mặt về phía thành*”), *thành sẽ bị bao vây và các người sẽ bao vây thành*” (4:3). Ezekiel bây giờ thể hiện trước mắt những người đang tập trung để chứng kiến tất cả những gì sẽ xảy ra và thành sẽ bị phá hủy như thế nào, công bố những gì ông làm “*là dấu chỉ cho nhà Israel*” (4:3). Mục đích của những gì Ezekiel làm để làm sáng tỏ một cách sinh động cho những người không tin nhận về số phận của thành rằng, Jerusalem thành yêu dấu của họ sẽ bị phá hủy và chính Đức Chúa sẽ làm điều đó.

Dấu chỉ cuối cùng vào cuối thời kỳ này tiết lộ mức độ của bi kịch mà chính cá nhân Ezekiel bị cuốn vào. Ở 24:1 chúng ta biết rằng mặc dầu ở Babylon cách hàng ngàn cây số, ông biết cụ thể ngày quân Babylon bắt đầu bao vây Jerusalem, và ông viết đó là “ngày mồng mười tháng mười năm thứ chín”. (Giê-rê-mia cũng đề cập đến điều này ở **Gr 39:1**)

Cùng ngày, ông báo cho chúng ta biết chuyện gì sẽ xảy ra ở 24:15-16, ông có một điềm báo trước rằng vợ ông sẽ chết, và khi điều này xảy ra, ông không được thương tiếc người vợ quá cố của mình theo nghi thức thông thường, nhưng “*hãy rên rỉ âm thầm*” (24:17). Ông tường thuật rằng: “*tôi nói với dân chúng ban sáng, thì đến chiều vợ tôi chết. Sáng hôm sau, tôi làm như lệnh Đức Chúa đã truyền cho tôi*” (24:18). Khi mọi người hỏi ông tại sao ông hành động một cách khác thường như vậy, ông trả lời thành thật rằng cái chết của bà ấy tượng trưng cho cái chết của Jerusalem. Đứng trước những bi kịch như vậy, những nghi thức thông thường cho sự đau khổ trở nên cổ xưa. Từ tận cùng sâu thẳm của sự suy sụp (“*rên rỉ âm thầm*”), bản thân Ezekiel trở thành “*điềm báo*” thuyết phục cho dân của ông về độ sâu của bi kịch sẽ xảy ra với họ (xem 24:24).

Bằng cách này và nhiều cách khác nữa, Ezekiel tìm cách chuẩn bị cho dân về thảm họa sắp xảy ra. Vì vậy, bằng cách báo trước không những có một vị ngôn sứ ở giữa họ (2:5),

mà còn chính biến cố đó, khi nó xảy ra, không phải một sự tình cờ nhưng là “hành động của Đức Chúa” là Thiên Chúa của họ.

b. Tại sao?

Giống những vị ngôn sứ trước, Ezekiel tìm cách giải thích cho họ không những bi kịch đó sẽ đến, mà cả tại sao điều đó xảy ra. Tóm lại, những gì ông nói là dân Israel đang và đã từng trong sự phản nghịch Thiên Chúa một cách vô lý trí. Họ đã vi phạm luật Thiên Chúa một cách trắng trợn và lặp đi lặp lại. những sự vi phạm này được liệt kê chi tiết và đầy đủ ở 22:6-12:

Này, các ông hoàng của Israel ở nơi người, ai nấy tha hồ gây đổ máu. Ở giữa người, cha mẹ bị khinh dể, ngoại kiều bị áp bức, mẹ góa con cô bị ngược đãi....

Cấp độ hành vi ở Jerusalem đã xuống dốc dưới mặt bằng của các nước láng giềng, ông đã công bố ở 5:5.

Ezekiel khác biệt với các ngôn sứ khác về việc nhấn mạnh rằng, khuynh hướng thờ tà thần chống lại Thiên Chúa là đặc tính của dân người từ những ngày đầu khởi sự. Điều này giúp chúng ta nhớ lại Hô-sê và Jeremia đã nhận định giai đoạn tiêu biểu nhất của Israel là thời “ở trong sa mạc” trước khi tiến vào đất Canaan (Hs 9:10; Gr 2:7). Với Isaiah thì giai đoạn đầu khi Xi-on đã từng trung tín và chính trực, là nơi ngự trị của đức công minh (1:21). Nhưng đây không phải là quan điểm của Ezekiel. Ở chương 20 và 23 ông đã vạch ra khuynh hướng phản nghịch Thiên Chúa của họ ngay những ngày đầu ở Ai-cập (xem 23:1-3), và tiếp sau đó ông nói rằng, từ khi đó cho đến bây giờ Israel vẫn không thay đổi. Với chính Jerusalem ông đã viết ở 16:8 rằng, trong khi Đức Chúa thực sự tuyển chọn thành và do đó Người đã tiến tới lập giao ước giữa Người với thành này (như thần học về Jerusalem đã ngụ ý), thói “ngoại tình” về tôn giáo, chính trị và xã hội một cách trắng trợn của thành đòi hỏi thành cũng bị đối xử như những người bị xét xử vì tội ngoại tình và giết người (16:38 *Ta sẽ xét xử người như xét xử những người phụ nữ ngoại tình và những kẻ mắc tội đổ máu. Ta sẽ làm cho máu người phải đổ ra vì Ta phẫn nộ và ghen tuông*). Vì vậy, giao ước đó bây giờ trở thành vô giá trị.

c. Niềm hy vọng

Tuy nhiên, Ezekiel không mất niềm hy vọng – thậm chí ngay đoạn mở đầu sứ mạng của ông. Đây là chủ đề thứ ba được ông đề cập đến ở chương 1-24. Đây là chủ đề làm nổi bật thông điệp của ông sau này khi tin Jerusalem bị sụp đổ ở chương 33, tuy nhiên nó cũng giới thiệu chủ đề trước ở trong phần này, tại tâm điểm của các trải nghiệm thị kiến diễn tả ở chương 8-11.

Đáp lại hai lần kêu xin của ông: “*Ôi, lạy Đức Chúa là Chúa Thượng, khi Ngài trút cơn lôi đình xuống Jerusalem, Ngài tính tiêu diệt tất cả những người còn sót lại của Israel sao?*” (9:8; 11:13), ông nhận được thị kiến về tương lai của Israel sau cuộc phán xét giống những gì Jeremia đã nhận được khi ông đang suy nghĩ về hai thúng vữa (Gr 24). Ông nhìn thấy tương lai của Israel không trông chờ vào những người đang sót lại ở Jerusalem, nhưng là những người Giu-đa đang lưu đày ở Babylon – tuy nhiên, không phải vì họ tốt hơn những người ở Jerusalem, nhưng vì Đức Chúa đã hứa là “nơi nương ỉn” cho họ “trong một thời gian” (11:16 “*Quả thật, Ta đã đưa chúng đi xa, đến ở giữa chư dân; Ta đã phân tán chúng đi các nước. Ta đã nên một thứ Thánh Điện cho chúng trong một thời gian, tại các nước chúng đến*”) và một ngày nào đó sẽ đưa họ trở về quê nơi họ đã từng bị phân tán (11:17 “*Từ muôn dân, Ta sẽ tập hợp các người lại; từ muôn nước, nơi các người bị phân tán, Ta sẽ quy tụ các người về và Ta sẽ ban cho các người đất Israel*”).

Trong môi liên kết này Đức Chúa có ý định đặt thần khí mới vào lòng họ (11:19), lấy khỏi họ quả tim chai đá và ban cho họ một quả tim bằng thịt, để “*chúng đi theo các thánh chỉ của Ta và tuân giữ cùng thi hành các quyết định của Ta*” (11:20) – thị kiến về những gì xảy ra tương đương với thị kiến của Jeremia về Israel (Gr 32:31-34).

Tuy nhiên, cả ở đây và 20:34-44 cũng có những khía cạnh của thị kiến về tương lai đặc sắc, đặc biệt có hai điểm này: a) Trước phục hưng, Ezekiel viết, cuộc phán xét khác sẽ xảy ra để thanh lọc những ai cố chấp bám vào lối sống củ vô kỷ luật (11:21 “*còn những ai lòng dạ đi theo các đồ góm ghiếc và ghê tởm của chúng, Ta sẽ căn cứ vào lối sống của chúng mà hạch tội*”). Ở 20:35 khẳng định rằng sự thanh lọc này sẽ diễn ra ở “*sa mạc của các dân*” trên hành trình từ Babylon trở về Israel, nhưng trước khi vào lại quê hương ở 20:36-38 ông viết thế này: (xem bản văn).

b) khía cạnh đặc sắc thứ hai của Ezekiel là sự mong chờ khi sự phục hưng xảy đến sẽ theo cách thức là các dân tộc xung quanh sẽ đến để nhận biết về huy hoàng của Thiên Chúa, Đấng đã thực hiện tất cả những sự việc này. Ông viết: “*qua các người, Ta sẽ biểu dương sự thánh thiện của Ta trước mắt các dân tộc*” (20:41). Tóm lại, sẽ có cuộc mặc khải quan trọng cho toàn cõi đất.

d. Ý định tối cao của Đức Chúa

Điểm thứ tư này giới thiệu một chủ đề khác xuyên suốt tất cả các lời sấm của toàn bộ sách Ezekiel. Đây là khái niệm của Ezekiel về ý định thống trị của Đức Chúa trong lịch sử, được diễn tả qua cụm từ “*bấy giờ các người sẽ nhận biết rằng chính Ta là Đức Chúa*” (6:7; 7:4, 9, 27; etc... cụm từ này xuất hiện khoảng 24 lần). Nét đặc trưng này của sách Ezekiel biểu lộ sự xác tín cốt lõi của vị ngôn sứ này rằng, hành động của Đức Chúa trong lịch sử Israel đơn giản chỉ để thực hiện ý định của người là làm cho không những Israel

mà muôn dân nhận biết Người. Nếu đây không phải ý định của Người, ở chương 20 Ezekiel viết, thì chính Israel có thể đã bị hủy diệt từ lâu. Sự thật là vì “danh” Đức Chúa đã trở nên hợp nhất với Israel, do đó Đức Chúa buộc phải dung tha lần này đến lần khác. Vì nếu Israel diệt vong, danh Đức Chúa cũng sẽ tiêu vong với Israel và bị xúc phạm trước mắt các dân tộc khác (20:9, 14). Vì vậy, những gì Đức Chúa đã làm trong quá khứ, đang thực hiện ở hiện tại, hoặc trong tương lai, mục đích của Người là để dân Israel quan tâm và chú ý đến ý định căn cốt nhất là Danh Người được nhận biết khắp hoàn cầu.

2. Giai đoạn cuối (585-572)

Chính chủ đề về những việc làm trong tương lai của Thiên Chúa minh chứng danh Người và biểu lộ chính mình Người nơi và qua Israel mà Ezekiel thu lại trong giai đoạn cuối sự nghiệp ngôn sứ của ông (chương 25-32 và 33-48). Trong lúc Jerusalem đang bị vây hãm (và ông đã bị câm), ông đã quay qua nghĩ đến số phận của các nước láng giềng: Ammon, Moab, Edom, Philitinh, và đặc biệt Tia và Ai-cập (25-32). Rất mạnh mẽ, các lời sấm uyên thâm mà ông viết ra để khẳng định rằng họ cũng sẽ bị hạ nhục và hủy diệt bởi Babylon – Đây như là sự mở đầu cho sự phục hưng của Israel trên đất của họ (28:25-26).

Tuy nhiên giai đoạn khi Israel lưu đày ở Babylon thì Jerusalem sụp đổ (33:21-22), sự mạng của Ezekiel đã thay đổi một cách đặc biệt chuyển hướng tới một tương lai đầy hy vọng và mới mẻ hoàn toàn. Trước thời điểm này, ông đã từng là một ngôn sứ bất hạnh, chủ yếu nhấn nhủ và rao giảng cho dân riêng lẻ họ có thể nghe hoặc không. Nhưng bây giờ ông tin một tương lai phía trước, một tương lai không xa, dân tộc ông sẽ được giải thoát khỏi Babylon và được trở về trên đất của họ. Tuy nhiên, như ông đã nhìn thấy, sự khác thường của tương lai này sẽ là một cuộc xét xử và loại trừ những kẻ nổi loạn và phản nghịch trên hành trình trở về quê, để những ai có thể hoàn thành được hành trình này sẽ được trở về một cách xứng đáng (Ed 20:35-38).

Vì vậy, trách nhiệm của ông bây giờ được chia làm hai phần: trước hết là thuyết phục những người đương thời của ông ở Babylon rằng, thực sự họ đang đứng trước một tương lai đầy hy vọng đó. Thứ hai, ông trở thành người bảo vệ và gìn giữ dân để chuẩn bị họ cho hành trình trở về (33:7-20; và chg 18; 3:16-21).

Cuộc phán xét trước đây đã xảy ra với toàn dân, nhưng hôm nay là một tương lai đầy hy vọng phía trước, nhưng là cho những ai xứng đáng – là những người thật sự sống theo đường lối của Đức Chúa và nhờ đó họ được gọi là công chính (*xem chương 18*). Đây là sự xác tín mới và chói sáng của Ezekiel. Và đây là lý do tại sao bây giờ ông nhấn nhủ cộng đồng của ông bằng sự hăng hái và nhiệt tâm mục vụ chưa từng xảy ra trong truyền thống ngôn sứ. (*xem 18:30-32 và 33:11*).

Mỗi quan tâm tha thiết và phúc âm này cho từng tâm hồn và sự thịnh vượng của họ là điều mới mẻ trong lời tiên tri. các ngôn sứ Israel phải quan tâm chủ yếu đến thảm họa đang cận kề và ý nghĩa của nó cho toàn dân. Bây giờ thảm họa đã xảy ra và “nhà Israel” đã sụp đổ, một tình hình mới hoàn toàn được chờ đợi. Những ngôn sứ trước (đặc biệt Jeremia) đã thấy trước một cơ hội khởi đầu lại sẽ được ban cho Israel ngay thời điểm này, tuy nhiên sự nhận thức/lĩnh hội khác thường/duy nhất của Ezekiel là chính vai trò ngôn sứ cần được thay đổi một cách đặc biệt có ý nghĩa cho sự thay đổi này. Hình thức và đường lối cần có sự khác biệt. ngôn sứ cần trở nên mục vụ hơn, chu đáo hơn đến từng cá nhân và tâm tính của mỗi người. Ngôn sứ cần trở nên người truyền bá phúc âm đến từng cá nhân và cuộc sống của họ.

Nhưng điều quan trọng hơn là Ezekiel thấy trước những gì cho những người được thức tỉnh bởi phương thức này? Cụ thể điều gì sẽ xảy ra với họ trong tương lai? Nếu họ sẽ trở về quê hương của họ, vậy khi nào xảy ra, và trong hoàn cảnh nào? Trong giai đoạn cuối này của sứ mạng của Ezekiel nhiều tư tưởng có ảnh hưởng sâu xa trước đây của ông liên quan đến vấn đề này được bàn luận sâu xa và được thêm thắt vào. Theo Ezekiel 4:6 dường như ông đã đoán trước thời gian khoảng bốn mươi năm là thời gian được phân bổ cho sự trừng phạt Giu-đa và lưu lại ở Babylon – hoặc khoảng một thế hệ. Như những gì đã xảy ra, tuy nhiên, một điều Ezekiel nhấn mạnh ở chương 34 là giải phóng khỏi Babylon và được trở lại sẽ xảy ra, đó sẽ là chính Đức Chúa Người sẽ thực hiện điều đó, chứ không phải hành động của Israel và các nhà lãnh đạo (xem 34:11-12). Vì vậy, chỉ sau khi sự được trở lại đã được thực hiện, ông tiếp tục nói ở 34:23 “Ta sẽ cho xuất hiện một mục tử để chăn dắt chúng; nó sẽ chăn dắt chúng, đó là David, tôi tớ của Ta: chính nó sẽ chăn dắt chúng; chính nó sẽ là mục tử của chúng” và 37:24 “David tôi tớ Ta, sẽ làm vua cai trị chúng; sẽ chỉ có một mục tử duy nhất cho chúng hết thảy. chúng sẽ sống theo các phán quyết của Ta, sẽ tuân giữ các thánh chỉ của Ta và đem ra thực hành,” vương triều David sẽ được phục hồi lại thành một Israel hợp nhất (37:22 “Ta sẽ làm cho chúng thành một dân tộc duy nhất trong xứ, trên các núi Israel; tất cả chúng chỉ có một vua duy nhất; chúng sẽ không còn là hai dân tộc, không còn chia thành hai vương quốc”). Vì vậy tại đây ở thị kiến của Jeremia về những gì sẽ xảy ra với một vai trò của vương triều David được miêu tả rất bình dị/giản dị. Hành động của chính Thiên Chúa sẽ yếu tố tối cao trong cuộc giải thoát và trở lại này.

Đương nhiên, trước khi điều này xảy ra các dân thù địch/các quân thù đang xâm chiếm và bao vây quê hương sẽ phải giải quyết. Đó là số phận của họ được nói ở chương 35 và 36 rằng họ cũng sẽ bị hạ nhục một cách dứt khoát là sẽ không bao giờ thóa má, sỉ nhục hoặc cướp bóc cộng đồng mới được phục hồi này (36:15 “*Ta sẽ không còn để cho người phải nghe lời thóa mạ của các dân, phải hứng lấy những lời sỉ nhục của các nước; người sẽ không còn làm cho dân tộc người lão đảo nữa*”). Quả thực, những nước lân cận còn sống

sốt sẽ ngạc nhiên thấy một Israel đổ nát bây giờ đã được phục hồi một cách kỳ diệu và từ đó họ nhận ra tất cả do chính Thiên Chúa làm (36:33-36).

Tuy nhiên, trọng tâm của thị kiến về tương lai (cũng giống trong trường hợp của Jeremia) không phải sự chiến thắng của Israel với những nước lân cận mà là phép lạ/phép mầu/kỳ công của sự thay đổi nội tâm sẽ xảy ra trong giai đoạn này tại chính cộng đồng này. Jeremia đã tiên đoán điều này qua khía cạnh của giao ước mới với luật được viết trong tâm. Tương tự, Ezekiel cũng nói tới thanh tẩy nội tâm, đổi mới tinh thần, và ban tặng một quả tim mới. (xem 36:26-27)

Nét đặc trưng cuối cùng về các thị kiến tương lai của Ezekiel được phác thảo chi tiết ở chương 40-43:6 về đền thờ mới huy hoàng nơi Đức Chúa trở lại trong vinh quang đến muôn đời (46:1-6). Từ thành lũy này của đền thờ tại trung tâm điểm của cộng đoàn trở lại này, một dòng nước kỳ diệu chảy về phía đông sẽ trở thành một dòng sông hùng cường có đầy cá và mang lại sự sống cho vùng đất kho cạn trước đây, Ezekiel viết ở 47:1-12.

Tuy nhiên, một cách thực tế, làm thế nào để thuyết phục dân Israel đang sống tại Babylon tin một tương lai như thế đang chờ họ?

Một câu hỏi tương tự dường như đã ám ảnh Ezekiel tại thời điểm này trông sứ mạng của ông khi ông chứng kiến thị kiến biến đổi cuộc sống (xem chương 37). Câu hỏi xuất hiện khi ông nhìn thấy cảnh tượng này: *“Hỡi con người, liệu các xương này có hồi sinh được không?”* ông đáp *“lạy Đức Chúa là Chúa Thượng, chính Ngài mới biết điều đó.”* Hai lần ông được bảo “tuyên sấm” trên những xương ấy (37: 3-4,9) và kết quả kinh ngạc cho những gì ông đã thực hiện (xương được hồi sinh trước mắt ông) chắc chắn là một sự xác tín rất quan trọng trong sứ mạng ngôn sứ của chính ông khi ông đang chuẩn bị dân để họ đón một tương lai đầy hy vọng. Như thế đó là lời tuyên sấm thiết yếu trong việc chuẩn bị Israel cho sự khởi đầu phán xét, và bây giờ được mạc khải, lời tuyên sấm cũng sẽ thiết yếu trong việc đánh thức những người mất niềm hy vọng và họ sẽ được chuẩn bị cho sự khởi đầu của thần khí mới (37:11-14).

Các thị kiến về tương lai khác biệt này là cách Ezekiel kết hợp tốt nhất cả thần học Jerusalem và các truyền thống của tất cả người Israel cổ được phản chiếu ở Đệ nhị luật. Tại trung tâm điểm về hình ảnh tương lai của ông là thị kiến Đệ nhị luật của một dân tộc được đổi mới từ nội tâm/từ trong thâm tâm bởi lời tuyên sấm, luật của Thiên Chúa được viết trong tâm hồn họ (36:25-28; 37:14). Tuy nhiên ông đã kết hợp điều này với thị kiến về dân thành Jerusalem được hợp nhất theo lề luật của David, thi hành nghi lễ phụng tự tại đền thờ Jerusalem và trong tình thế đất được chúc phúc dồi dào phong phú đến nỗi các nước lân cận sẽ nhận biết chính Ta là Đức Chúa (34:27-31; 36:7, 36). Tất cả những điều

này ông thừa kế di sản thị kiến của các ngôn sứ tiền nhiệm là Hô-sê, Isaiah và đặc biệt Jeremia.

Các Ngôn sứ Thời kỳ cuối (thế kỷ 6):

Isaiah thứ ba, Khác-gai, Dacaria, Malaki, Giô-en, Giô-na

1. Lời tuyên sấm sau năm 538

Để hiểu chuyện gì xảy ra với truyền thống ngôn sứ trong giai đoạn tiếp theo ngôn sứ Isaiah thứ hai, điều quan trọng cần ghi nhớ, rằng những sự kiện xảy ra khi Ky-rô xâm lược Babylon năm 538 không hoàn toàn xảy ra như những gì các ngôn sứ Israel đã tiên đoán. Đúng, Ky-rô đã chiến thắng Babylon như Isaiah thứ hai đã nói, và ông cho phép những người lưu đày ở đó được trở về quê hương của họ như Jeremia và Edekien đã nói (Ed 1-2, và 6:1-12). Tuy nhiên những diễn biến này không chứng minh là những sự kiện thay đổi thế giới trọng yếu như các ngôn sứ đã nghĩ. Vinh quang Thiên Chúa chưa được tỏ hiện/biểu lộ với tất cả nhân loại như Isaiah thứ hai đã thấy trước; hay đền thờ và vương quyền David cũng chưa được khôi phục và thiết lập. Sau tất cả, có một dấu chứng nhỏ hiển nhiên trước mắt là sự biến đổi nội tâm mà Jeremia và Edekien đã nói có thể đã xảy ra trong giai đoạn này: *một quả tim mới và một giao ước mới*.

Tóm lại, sự khẳng định đáng chú ý về sự phục hưng mà một số ngôn sứ trước thời lưu đày và thời lưu đày đã tiên đoán đã không xảy ra. hay nói cách khác, trong khi các ngôn sứ thuộc những thế kỷ trước đã thành công trong việc tiên đoán hình thức các thảm họa xảy đến và giải thích tại sao nó xảy ra, thì những lời tuyên sấm của họ về chuyện gì xảy ra bây giờ khi Israel đã bị phá hủy đã quá xa với thực tế. Câu hỏi về làm cách nào Israel và thế giới có thể thực sự nhận biết Thiên Chúa và sống trong bình an và công bình, thì dường như các ngôn sứ đã đi đến bế tắc.

Đây không phải lần đầu tiên sự thất vọng về cánh chung xuất hiện. vào thời của Isaiah thứ nhất đã từng thất vọng vì sự mong muốn đổi mới tinh thần cho thành Jerusalem (Is 22). Ngôn sứ Na-khum và Ô-va-đi-a đã nghĩ sự đổi mới này có thể xảy ra khi Át-sua sụp đổ (Nk 2:1-2; Ov 16-21), nhưng niềm hy vọng này đã không trở thành hiện thực.

Tuy nhiên, sự thất vọng của những giai đoạn trước không thể so sánh với những gì đã xảy ra ở giai đoạn sau năm 538, vì chưa từng có ngôn sứ nào trước đây chờ đợi ơn cứu độ thế giới cao hay tập trung vào khoảng khắc đặc trưng và một chuỗi sự kiện riêng biệt như vậy. Từ sự sụp đổ của Babylon, sự phục hưng của Giu-đa trở về quê hương, được cho là các sự kiện biến đổi thế giới có thể xảy ra, nhưng đã không xảy ra.

Vậy, những ngôn sứ của những thập kỷ tiếp theo sẽ xoay quanh những vấn đề tại sao lại như vậy và bằng cách nào và khi nào chương trình của Thiên Chúa sẽ thực hiện cho thế giới sẽ xảy ra. Đó là Isaiah thứ ba (56-66), Khác-gai, Dacaria (1-8), Malaki, Giô-en và Giô-na. Những ngôn sứ này cố gắng chú tâm vào tình hình tồn tại với người Giu-đa trở về Palestin sau khi họ được giải thoát khỏi Babylon. Vậy họ đã nói gì?

2. Các ngôn sứ chính hậu lưu đày

1) Isaiah thứ ba (Is 56-66)

Tên của ông không được biết, nhưng ông được biết là một môn đệ của Isaiah thứ hai, sống với những người lưu đày ở Babylon, trở về Palestine ngay sau khi Ky-rô chiến thắng Babylon năm 538. Vì vậy, ông được gọi là Isaiah thứ ba. Tình hình ở Giu-đa lúc ông đang tuyên sấm được miêu tả trong lời cầu nguyện của ông ở Is 64:8-11: (*xem bản văn*).

Từ những lời này chúng ta có thể tập hợp niềm hy vọng tha thiết của Isaiah thứ ba rằng những tình hình này sẽ được thay đổi. Ở 63: 19-64:2 ông cầu nguyện rằng Thiên Chúa có thể xé trời mà ngự xuống, làm những phép lạ không tưởng để Thánh Danh Thiên Chúa được tôn vinh giữa muôn dân. Những lời lẽ này cho thấy ngôn sứ này có cùng niềm hy vọng với Isaiah thứ hai rằng sự phục hưng của Giu-đa sẽ là lúc các biến cố xảy ra để toàn nhân loại nhận biết Thiên Chúa. ở 61: 1-9 ông viết rằng khi Thiên Chúa đặt ông làm ngôn sứ, Ngài đã bảo ông công bố rằng Jerusalem sẽ sớm được xây dựng lại và một dân tộc sẽ được thành lập ở đó và trở nên nức tiếng giữa muôn nước (61:9).

*Như đất đai làm đâm chồi nảy lộc,
Như vườn tược cho nở hạt sinh mầm,
Đức Chúa là Chúa Thượng
Cũng sẽ làm trở hoa công chính,
Làm trỗi vang lời ca tụng trước mặt muôn dân (61:11).*

Lời nhắc nhở mở đầu sách của ông tóm tắt thông điệp của Isaiah thứ ba: “*hãy tuân giữ điều chính trực, thực hành điều công minh, vì ơn cứu độ của Ta đã gần tới, và đức công chính của Ta sắp được biểu lộ*” (56:1). Ôn cứu độ chưa hé nở, nhưng sẽ gần tới nếu cộng đoàn tuân giữ điều chính trực (xem thêm chương 58). Ông tự tin rằng ơn cứu độ mà ông nói tới sẽ rất quan trọng, mang lại không những thay đổi Israel mà cả muôn dân, vì từ đầu tới cuối sách của ông là những lời sấm nhấn mạnh rằng dân ngoại cùng chia sẻ trời mới, đất mới mà Thiên Chúa đã tạo dựng: “... *nhà của Ta sẽ được gọi là nhà cầu nguyện của muôn dân*” (56:7; so sánh với 66:18).

Tóm lại: trong tình hình khó khăn và thất vọng của những năm đầu tái định cư ở Giu-đa, Isaiah thứ ba tìm cách làm cho niềm hy vọng vĩ đại của Isaiah thứ hai được sống và đánh thức sự biểu lộ của Thiên Chúa Israel cho muôn dân.

2) Khac-gai và Dacaria 1-8

Tuy nhiên, năm này qua năm khác không có dấu hiệu nào của tầm quan trọng này xảy ra. Khac-gai 1:5 nói đến một số khó khăn cộng đoàn phục hưng này đang đối diện vào thập kỷ thứ hai sau khi trở về quê: *“các ngươi hãy để tâm suy cho kỹ về lối sống của các ngươi. Các ngươi gieo vãi nhiều, nhưng thu hoạch chẳng bao nhiêu. Các ngươi ăn mà không đủ no, uống không đủ say, mặc không đủ ấm. Đồng lương của người làm thuê lọt qua túi thùng”* (1:5-6). Thêm một số vấn đề khác như lúa mì bị vàng úa, bị đục sâu và mưa đá (2:17). Trong hoàn cảnh bất lợi này tình hình chủ nghĩa tư lợi đang đe dọa. Từ Nơ-khe-mia (một thế hệ sau) chúng ta được biết một số người trở nên rất giàu có, trong khi đó một số người khác bị ép mình bán làm nô lệ (Nk 5).

Rõ ràng có điều gì đó không đúng. Ôn cứu độ đã quá xa vời với toàn cõi đất và thậm chí một dân tộc nhỏ như Israel. Ngôn sứ Khac-gai và Dacaria tin tưởng rằng họ biết tại sao lại như vậy và bắt đầu chia sẻ suy nghĩ của họ về vấn đề này vào năm thứ hai triều Đa-ri-ô (520), kể từ Ky-rô (Kg 1:1; Dcr 1:1) – mười tám năm kể từ khi những người lưu đày trở về Giu-đa, và đền thờ Thiên Chúa ở Jerusalem chưa được xây lại. Theo các ngôn sứ này, đây là những gì không đúng – đây là điều đang cản trở sự xuất hiện của Thiên Chúa trong vinh quang của người và mang đến những phép lạ làm thay đổi thời đại.

Vì vậy, họ đã công bố rằng, nếu có một cơ hội để thay đổi tốt hơn, phải bắt đầu từ việc khôi phục việc làm tại đền thờ, nếu không cho tới khi đền thờ được xây dựng lại Thiên Chúa sẽ trở lại Xi-on (Dac 4:8-9; 8:3) và tỏ vinh quang của Ngài ở đó (Kg 1:6-8). Chỉ như vậy thì lời nguyện rửa sẽ được loại bỏ (Dac 5:1-4), và cây nho, cây vả, cây lựu sẽ lại sinh hoa trái (Kg 2:19). Như vậy Jerusalem sẽ hưng thịnh và các nước sẽ về đây với Thiên Chúa của Israel (Kg 2:7, 15). Quả thật, tất cả những điều này sẽ xảy ra: sức mạnh ma quỷ sẽ sụp đổ và Dơ-rúp-ba-ven, người được Thiên Chúa đặt ấn tín tại Jerusalem sẽ trở thành người Thiên Chúa tuyển chọn để cai trị thế giới (Kg 2:20-23; Dcr 6:9-14; tuy nhiên, sau này có những thay đổi bối cảnh về phân đoạn này vì những lời tiên báo này đã không xảy ra).

3) Malaki

Nhiều tình thế đáng khiển trách xảy ra ở Jerusalem ngay sau sự thất vọng khác về cánh chung của trạng thái tự nhiên này được phản ánh trong lời liên báo của Malachi. Ở chương 1 chúng ta thấy việc phụng tự tại đền thờ Thiên Chúa bây giờ ở Jerusalem đã nhanh chóng trở thành việc thăm bại, đa số các động vật bệnh tật hoặc tàn tật được dâng tiến làm lễ tế (1:8). Các tư tế chịu trách nhiệm cũng được mô tả là hời hợt và gây ra nhiều

sai lầm (2:8-9). Với cộng đoàn những người đàn ông ly dị các bà vợ trẻ một cách tàn nhẫn (2:14-16) và cưới những bà vợ ngoại kiều (2:11). Đường như Thiên Chúa xa lánh và không quan tâm (1:2). Nhiều người đã công khai ngờ vực:

Thiên Chúa, Đáng xét xử công minh, Người ở đâu?” nhiều người đã đặt câu hỏi như thế (2:17).

Phụng thờ Thiên Chúa thật là viển vông, tuân giữ các lệnh truyền của Đức Chúa và bước đi ử rử trước nhan Người, nào ích lợi chi? (3:14).

Một số người còn kết luận thế này: *“những kẻ làm điều ác được thịnh đạt, họ thử thách Thiên Chúa mà chẳng hề hấn gì”* (3:15)

Đối diện với tất cả những sự việc này, Malachi bày tỏ về những gì ông tin là dấu chỉ rằng Thiên Chúa vẫn còn yêu thương Israel – ông vạch ra về những gì xảy ra với Ê-dom khi so sánh với Gia-cóp (1:2-5). Sau đó, ở 3:1-5 ông nhắc lại lời tiên báo rằng Đức Chúa sẽ trở lại một cách “bất chợt” tại đền thờ, và ngày đó sẽ thanh luyện con cái Lê-vi và cho dấu chỉ chống lại tất cả những ai lạc sai đường lối của Người (người ngoại tình, kẻ phản bội và những ai bóc lột người lao động, cô nhi quả phụ và cướp bóc nhân quyền người ngoại kiều). Khi nào điều này xảy ra, ông tuyên bố, sự khác biệt giữa người lành và kẻ dữ sẽ một lần nữa được hiển nhiên (3:18-20).

Điểm đáng chú ý ở đây là sự mất dần niềm hy vọng về sự phục hưng vương quyền David – tuy nhiên, không đánh mất sự mong đợi Thiên Chúa sẽ hành động bằng cách nào đó để cứu thoát những ai trung thành với Người.

4) Sau Malakhi

Tuy nhiên, từ hoàn cảnh này cho chúng ta thấy rằng khi Nơ-khe-mia và Êt-ra thăm họ vào một thời gian ngắn sau đó, lời của Malakhi được thực hiện rất ít để cải chính các vấn đề ở đây. Phong trào hôn nhân khác chủng tộc (ngoại giáo) không giảm sút (Er 9-10), tinh thần thấp (Nkm 1-6), các vấn đề về mặt xã hội tràn lan (Nkm 5). Isaiah thứ 3, Hắc-gai, Dacaria và Malakhi chắc chắn đã đóng góp rất nhiều trong việc gìn giữ đức tin trong từng nhóm nhỏ qua việc chia sẻ về niềm hy vọng và mong đợi tương lai. Tuy nhiên, nhiều lời hứa của các ngài về sự thay đổi thế giới sẽ sớm được biểu lộ dường như đã không phù hợp. Vì với những ai vẫn còn tin vào lời các ngôn sứ chắc chắn họ đã đầu tránh rất nhiều với vấn đề là khi nào và bằng cách nào những gì các ngôn sứ đã nói sẽ xảy ra.

Niềm xác tín đang lớn dần giữa một số người rằng một cuộc chiến lớn giữa Israel với những dân tộc khác vẫn còn ở phía trước trước khi Thiên Chúa thi hành sự phục hưng cuối cùng cho Israel và cho thế giới xảy ra (Er 38 và 39; Dcr 12-14). Tuy nhiên những

người khác lại hy vọng rằng định hướng truyền giáo của Isaiah thứ 2 có thể được thực hiện theo hình thức hòa bình hơn nếu Israel có thể phá vỡ được suy nghĩ rập khuôn của họ về thuyết thần ngoại (thuyết sùng bái ngẫu tượng) và tập trung vào bốn phận hay là sứ mạng của họ (sách Giona có thể phản ánh về quan điểm này của những ai gìn giữ niềm hy vọng này, (Giona 4:11)).

Tuy nhiên, dường như với Malakhi thời các ngôn sứ lớn về trực giác của Israel đã đến lúc kết thúc. Từ đây về sau những phương thức khác được áp dụng để đối diện với những vấn đề của cộng đoàn này và người lãnh đạo cũng là một dạng thức khác (ví dụ như Nê-khe-mia và Êt-ra). Cho đến hôm nay, các ngôn sứ đã nói và làm tất cả những gì họ có thể về phần cơ bản của ơn linh hứng mà họ đón nhận.

Nhìn Tổng Quát và Tầm Quan Trọng của Các Ngôn Sứ

Trước khi kết thúc môn học này, chúng ta sẽ đặt lại câu hỏi: các ngôn sứ có tầm quan trọng như thế nào trong quá khứ và hiện tại?

1. Cho tới hôm nay, tầm quan trọng của các ngôn sứ vẫn được quan tâm. Không còn nghi ngờ rằng những ngôn sứ này thuộc mẫu người tốt có uy tín cho người Israel sống qua các giai đoạn Israel và Giu-đa sụp đổ năm 721 và 586, và giai đoạn lưu đày ở Babylon. Qua cách các ông tuyên sấm về sự sụp đổ và phục hưng trước khi những sự kiện này xảy ra, và cả qua cách giải thích về những sự kiện này như là hành động của Thiên Chúa, họ đã biến những gì có thể cho là thảm họa cuối cùng thành mặc khải. Dưới phương diện lời tuyên sấm của các ngôn sứ, các biến cố trong giai đoạn này có thể được coi như bằng chứng sức mạnh, quyền năng và sự công chính và chính trực của Thiên Chúa. Qua thử thách của cuộc phán xét và phục hưng, nhờ các ngôn sứ này, một dân tộc được sinh ra, dân tộc này sẽ không bao giờ chối bỏ Thiên Chúa của họ nữa, Đáng bây giờ họ đã hiểu là Thiên Chúa duy nhất và chân thật trên toàn cõi đất.

2. Tầm quan trọng hiện nay của những ngôn sứ này được nối kết với sáu điều xác tín xuất phát từ các thông điệp của họ và hiện nay đây là những điều không thể thiếu trong quan điểm của cả Do thái giáo và Kitô giáo (thậm chí của cả Hồi giáo).

- 1) Chỉ có một Thiên Chúa và chỉ một mình Ngài điều khiển mọi sự trong vũ trụ này.
- 2) Thiên Chúa quan tâm đến chuẩn mực ứng xử thiết yếu này trong cuộc sống của con người hơn bất cứ điều gì khác (công bằng trong tiền bạc, chung thủy trong hôn nhân, quan tâm tới người yếu thế...); ở đâu thiếu điều này không gì khác có thể thay thế được – không phải đền thờ, tế tự, hoặc các thần học thánh có thể thay thế cho việc thiếu điều cơ bản thiết yếu này được.

- 3) Khi sự chuẩn mực ứng xử (decency) này không còn và sự ác gia tăng, thì hậu quả bất hạnh sẽ xảy đến.
- 4) Vì vậy, số phận của dân này được xác định, không phải bằng sức mạnh hoặc quyền lực, nhưng bằng sự tinh tế trong chuẩn mực ứng xử đúng và sai, có bản năng trong việc xây dựng cộng đoàn;
- 5) Mặc cho mắc sai lầm trong những vấn đề này, con người có thể bắt đầu lại, vì đó là điều Thiên Chúa muốn rằng không ai sẽ bị hư mất nhưng tất cả sẽ sống và thực thi ý muốn của Người;
- 6) Có một tương lai tốt đang chờ đợi toàn nhân loại.

Tuy nhiên, với điểm cuối cùng này vẫn đang là vấn đề, vì các ngôn sứ mà chúng ta đã học, họ đã thành công trong việc phê phán và tuyên đoán các thảm họa hơn là hình dung về một hình thức cho niềm hy vọng có thể xảy ra trong ngày phục hưng. Như kết quả của nhiều lời ngôn sứ về “ơn cứu độ” chứng minh họ đã sai và điều này đã làm gia tăng sự thất vọng, lời nhạo báng và chấm dứt phong trào ngôn sứ.

Vấn đề của sự thất bại (hoặc lời tiên tri không được thực hiện) tồn tại với cả Do thái giáo và Kitô giáo, một trong những vấn đề thần học khó khăn chưa được giải quyết. một giải pháp truyền thống đã từng đề nghị rằng mặc dầu kỷ nguyên ơn cứu độ và bình an phổ quát mà các ngôn sứ nhắm tới đã không thực hiện được, nó sẽ diễn ra một ngày nào đó – Chính thống Do thái sẽ nói: khi Đấng cứu thế đến; còn Chính thống Kitô giáo sẽ nói: khi Đức Giê-su trở lại.

Sau đây là một vài suy nghĩ về thị kiến tương lai của các ngôn sứ:

1. Nhìn chung, các ngôn sứ này tin rằng giai đoạn họ sống (thế kỷ thứ 8 đến thứ 5) là một bước ngoặt trong lịch sử thế giới. Qua biến cố sụp đổ và khôi phục Israel, Thiên Chúa đang thực hiện chương trình mà qua đó Ngài tỏ mình ra với toàn thế giới.

Tuy nhiên, nhìn lại những gì đã xảy ra lúc bấy giờ, sự tỏ mình ra của Thiên Chúa với toàn nhân loại đã không xảy ra như lời các ngôn sứ đã dự đoán. Nhưng điều này cũng chưa đúng, kể từ đó về sau sự nhận biết về Thiên Chúa của Israel đã thực sự lan tỏa trên toàn thế giới – thứ nhất, qua chứng nhân của cộng đồng Do thái ly tán khắp nơi trên thế giới, và sau đó là qua Kitô giáo và Hồi giáo – để đến hôm nay, mặc dầu quan điểm của Isaiah về vinh quang Thiên Chúa được tỏ ra cho toàn nhân loại vẫn chưa được thực sự thực hiện, nhưng hàng triệu người trên khắp thế giới hôm nay đã chia sẻ cùng một giá trị và niềm hy vọng mà các ngôn sứ đã dạy liên quan tới Thiên Chúa và tôn thờ Ngài chứ không phải chúa nào khác?

2. Điểm đau đớn đặc biệt về lời tuyên sấm chưa được thực hiện sau thời lưu đày là thừa kế vương quyền David vào thời đó. Họ hy vọng cho một đất nước Do thái hồi sinh

được lãnh đạo bởi các vị vua thuộc dòng dõi David và với mong muốn của họ là từ từ hình thành hình thức “thần quyền chính trị” cho Do thái giáo.

Sự thật hiển nhiên với Do thái vào những thế kỷ này là thay vì có một đất nước, hình thức nổi trội được thay thế cho cộng đồng Do thái là những cộng đoàn phi chính trị sống ly tán, và trung tâm sống của họ là Hội đường. Dần dần, người Do thái bắt đầu sống như những người du hành chính trị và xa lạ trong một thế giới rộng lớn, nơi Sabbath này tới sabbath nọ họ tụ tập không phải trong đền thờ hay có vua hiện diện, nhưng tại nơi Lời Chúa được đọc lên và các thầy tư tế chủ trì. Khi Kitô giáo nổi lên cũng áp dụng chính hình thức này cho sự tồn tại của họ. Và hình thức này vẫn tiếp tục được lan tỏa vào trong thế giới rộng lớn hơn đặc biệt qua tinh thần này tập hợp nhiều người lại với nhau thành một cộng đoàn nhỏ hoặc giáo đoàn lớn được dẫn dắt bởi các mục sư, giáo sĩ, hoặc giáo viên.

Với sự nhận biết về hình thức phát triển như thế này, chúng ta có thể gọi lại rằng, không phải tất cả các ngôn sứ hình dung ơn cứu độ trong tương lai theo cách nước Do thái được phục hưng. Jeremiah và Edekien đã bắt đầu làm giảm nhẹ vai trò của vương quyền David trong cái nhìn về tương lai, thay vào đó làm nổi bật vai trò của chính lời ngôn sứ, hay tính ngôn sứ, trong việc thay đổi nội tâm. Đặc biệt, riêng Isaiah thứ hai, mạnh dạn đoán trước sự kết thúc lời hứa với David, hoặc lời hứa đó được lưu truyền tới toàn bộ con cái Israel. Và cũng chính ông đã nhìn thấy thiên mệnh của Israel là tham gia vào, không chỉ đơn giản cho sự hồi hương trên đất của họ và cả sự hiện diện của đền thờ ở đó, nhưng là tham gia vào sứ mạng mang sự nhận biết Thiên Chúa đến với muôn dân (Is 42:1-4).

3. Tuy nhiên, không phải tất cả những gì các ngôn sứ tuyên sấm đều hoàn toàn sai qua cái nhìn của sự phát triển và lan tỏa như vậy (như sứ mạng ra đi mà Isaiah thứ hai đã nhìn thấy). chắc chắn có yếu tố đúng trong sự nhận biết minh bạch rằng, những phẩm chất đặc biệt và gần gũi với Thiên Chúa của một vị lãnh đạo là cần thiết để quyền thống trị của Thiên Chúa trên mặt đất này được nhận biết.

Tuy nhiên, như những gì đã xảy ra, vị lãnh đạo đó không phải là khuôn mẫu kiểu David, nhưng là khuôn mẫu của một nhà truyền giáo. Nơi Đức Giê-su Nazareth, nhà sáng lập phong trào Kitô giáo toàn cầu, và lãnh đạo theo khuôn mẫu này, điều quyết định không phải là quyền lực về chính trị, nhưng là những phẩm chất mà chúng ta đã thấy ghi dấu cuộc sống của sự vĩ đại nhất và tốt nhất của chính các ngôn sứ: khả năng phân biệt đúng sai, khả năng nhận biết sâu sắc con đường chân thật phía trước, khiêm nhường và cảm hứng từ Thiên Chúa, can đảm và khéo léo biểu lộ chính bản thân họ và làm chứng cho sự thật mà họ đã lãnh nhận mặc cho dẫn đến đỉnh điểm của sự chết. Bây giờ chúng ta nhận ra rằng người lãnh đạo như thế này là người mang lại kết quả cho việc biến đổi con

người và sự nhận biết Thiên Chúa trên mặt đất này, nếu thiếu hai yếu tố này thế giới sẽ không bao giờ được bình an.

Những gì chúng ta học được trong khóa học này chỉ là đặt nền tảng tốt cho việc tiếp tục suy niệm và nghiên cứu.